

UBND TỈNH BÌNH ĐỊNH
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ



TÀI LIỆU HỘI THẢO
NGHIÊN CỨU, KHAI THÁC CÂU CHUYỆN LỊCH SỬ
PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN DU LỊCH TỈNH BÌNH ĐỊNH

Bình Định, tháng 5 năm 2024

CHƯƠNG TRÌNH HỘI THẢO KHOA HỌC
“Nghiên cứu, khai thác câu chuyện lịch sử phục vụ phát triển du lịch
tỉnh Bình Định”

Thời gian: 8h00 ngày 21/5/2024

Địa điểm: Trung tâm ICISE, số 7 Đại lộ Khoa học, khu vực 2, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Chủ trì hội thảo:

- Đ/c Võ Cao Thị Mộng Hoài – Phó Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ
- Đ/c Huỳnh Văn Lợi – Phó Giám đốc Sở Văn hoá và Thể thao
- GS.TS Vũ Minh Giang – Chủ tịch Hội đồng Khoa học và Đào tạo Đại học Quốc gia Hà Nội, Phó Chủ tịch Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam
- Đ/c Nguyễn Ngọc Anh – Chủ tịch Hội Khoa học Lịch sử tỉnh.

Thời gian	Nội dung	Chủ trì/thực hiện
8h00	Đón tiếp đại biểu	Ban tổ chức
8h30	Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu	Ban tổ chức
8h45	Phát biểu khai mạc	Đ/c Võ Cao Thị Mộng Hoài
9h00	Phát biểu đề dẫn	GS.TS Vũ Minh Giang
9h10	Trình bày tham luận: 1. Giới thiệu tổng quan về các di tích lịch sử - văn hoá trên địa bàn tỉnh Bình Định 2. Vai trò của câu chuyện văn hóa - lịch sử trong phục vụ phát triển du lịch tỉnh Bình Định. 3. Vấn đề sự thật lịch sử và giai thoại/chuyện kể lịch sử trong quảng bá du lịch ở tỉnh Bình Định. 4. Khai thác câu chuyện lịch sử Thành Hoàng Đế phục vụ phát triển du lịch và giáo dục cộng đồng 5. Phát huy giá trị di sản văn hoá để phát triển du lịch bền vững của tỉnh Bình Định. 6. Xây dựng cơ sở dữ liệu số di sản văn hoá tỉnh Bình Định.	Các tác giả: 1. Đ/c Bùi Tĩnh – Giám đốc Bảo tàng tỉnh. 2. Đ/c Nguyễn Thị Kim Chung – Phó Giám đốc Sở Du lịch. 3. PGS.TS Trần Quốc Tuấn – Phó Chủ tịch Thường trực Hội Khoa học Lịch sử tỉnh. 4. TS. Nguyễn Công Thành - Trường ĐHQN. 5. TS. Nguyễn Thị Đơn – Phó Chủ tịch Hội Di sản Văn hoá Hà Nội. 6. KS. Đinh Việt Phương – Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế và Giải pháp Công nghệ 3DART.

10h10	Nghỉ giải lao	
10h25	Trao đổi, thảo luận	Điều hành: - GS.TS Vũ Minh Giang - Đ/c Võ Cao Thị Mộng Hoài - Đ/c Huỳnh Văn Lợi - Đ/c Nguyễn Ngọc Anh
11h15	Tiếp thu ý kiến, kết luận	GS.TS Vũ Minh Giang
11h30	Tổng kết, bế mạc	Đ/c Võ Cao Thị Mộng Hoài
11h35	Mời toàn thể đại biểu ăn trưa tại hội thảo	Ban tổ chức
14h00	Thăm di tích lịch sử Tháp đôi, Cồn chim	Đại biểu đăng ký

MỤC LỤC
THAM LUẬN HỘI THẢO KHOA HỌC
“Nghiên cứu, khai thác câu chuyện lịch sử phục vụ phát triển du lịch
tỉnh Bình Định”

STT	CHỦ ĐỀ	ĐƠN VỊ THAM LUẬN	Trang
1	Giới thiệu tổng quan về các di tích lịch sử - văn hoá trên địa bàn tỉnh Bình Định	Bảo tàng tỉnh Bình Định	2
2	Vai trò của câu chuyện văn hóa - lịch sử trong phục vụ phát triển du lịch tỉnh Bình Định	Sở Du lịch Bình Định	8
3	Vấn đề sự thật lịch sử và giai thoại/chuyện kể lịch sử trong quảng bá du lịch ở tỉnh Bình Định	PGS.TS Trần Quốc Tuấn – Phó Chủ tịch Thường trực Hội Khoa học Lịch sử tỉnh	12
4	Khai thác câu chuyện lịch sử Thành Hoàng Đế phục vụ phát triển du lịch và giáo dục cộng đồng	TS. Nguyễn Doãn Thuận, TS. Nguyễn Công Thành, PGS.TS. Nguyễn Thị Thanh Hương, ThS. Lê Văn Hân - Trường Đại học Quy Nhơn	23
5	Phát huy giá trị di sản văn hoá để phát triển du lịch bền vững của tỉnh Bình Định	TS. Nguyễn Thị Đơn – Phó Chủ tịch Hội Di sản Văn hoá Hà Nội	35
6	Xây dựng cơ sở dữ liệu số di sản văn hoá tỉnh Bình Định	KS. Đinh Việt Phương – Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế và Giải pháp Công nghệ 3DART	41
7	Nghiên cứu, ứng dụng các câu chuyện lịch sử trong hoạt động phát huy giá trị tại Di tích Nhà tù Hỏa Lò	TS. Nguyễn Thị Bích Thủy Giám đốc Ban quản lý Di tích Nhà tù Hỏa Lò	52
8	Sự hỗn dung văn hóa Việt - Hoa – Chăm của di tích Chùa Bà - Nước Mặn (Tuy Phước, Bình Định) nhìn từ góc độ Việt Nam học	TS. Võ Minh Hải, ThS Nguyễn Văn Hòa, Trường Đại học Quy Nhơn	27

GIỚI THIỆU TỔNG QUAN VỀ CÁC DI TÍCH LỊCH SỬ-VĂN HOÁ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH ĐỊNH

Bảo tàng tỉnh Bình Định

Bình Định là vùng đất in đậm dấu ấn lịch sử xuyên suốt từ thời tiền sử, sơ sử đến cổ trung đại và cận hiện đại. Các thời kỳ lịch sử đều để lại trên vùng đất này dày đặc những di tích, di sản với đủ các loại hình: lịch sử văn hóa, kiến trúc nghệ thuật, khảo cổ, danh lam thắng cảnh.

Nằm trong vùng văn hóa ven biển miền Trung, từ thời tiền sử, sơ sử vùng đất Bình Định đã có cư dân định cư và sinh sống. Cư dân cổ ấy có một bản sắc văn hóa nổi tiếng ở miền Trung Việt Nam - văn hóa Sa Huỳnh. Từ trước Công nguyên, cư dân Sa Huỳnh đã có sự giao tiếp, tiếp nối với không gian văn hóa Đông Sơn ở phía Bắc. Hơn một nghìn năm về trước, vùng đất này được vương quốc Champa chọn làm kinh đô. Một thời kỳ vàng son của vương quốc Champa đã để lại trên vùng đất Bình Định ngày nay những di sản vô giá. Dấu tích thành quách, các khu lò sản xuất gốm và đặc biệt là hệ thống đền tháp với những ngọn tháp rêu phong, uy nghi đứng trước thử thách của thiên nhiên và thời gian qua nhiều thế kỷ.

Tiếp sau đó, lịch sử Việt Nam đã ghi nhận một phong trào nông dân quật khởi long trời, lở đất, dấy lên từ đất Tây Sơn vào cuối thế kỷ XVIII. Các di tích Tây Sơn là những chứng tích hào hùng của một thời những người áo vải Bình Định vươn lên vì nghĩa lớn, cứu nguy cho vận mệnh của cả dân tộc. Những di tích này mang đậm dấu ấn lịch sử và giá trị nhân văn sâu sắc, là điểm đến không thể bỏ qua của du khách khi đến Bình Định.

Dưới thời Pháp thuộc, người dân Bình Định cũng chịu bao cảnh tủi hờn dưới ách cai trị của chế độ thực dân. Từ trong đau thương và căm uất, vùng đất giàu truyền thống thượng võ này đã sản sinh ra những người con ưu tú, đem tài trí xả thân vì nước như: Võ Duy Dương, Nguyễn Trung Trực, Đào Doãn Dịch, Mai Xuân Thưởng, Tăng Bạt Hổ, Bùi Điền... Nơi đây cũng một thời là trung tâm của phong trào chống thuế ở Trung Kỳ.

Trong 9 năm kháng chiến chống Pháp, Bình Định trở thành thủ phủ của Liên khu V, là chiến trường nóng bỏng, ác liệt ở khu vực Nam Trung bộ. Cảng Quy Nhơn là điểm 300 ngày chuyển quân tập kết ra Bắc thực hiện Hiệp định Giơ-ne-vơ. Là một trong những tỉnh có số lượng người đi tập kết đông nhất, nên Bình Định trở thành trọng điểm khủng bố trả thù những người kháng chiến của Mỹ - ngụy. Nhà tù mọc lên khắp nơi. Trong số các nhà lao này, Nhà tù số 9 đường Đào Duy Từ, Quy Nhơn là nơi chứng kiến tội ác dã man của quân địch, đồng thời là di tích ghi lại tinh thần đấu tranh bất khuất, kiên cường của những chiến sĩ cách mạng.

Với vị trí chiến lược quan trọng và tinh thần đấu tranh bất khuất của nhân dân, Bình Định trở thành “chảo lửa” của chiến trường trọng điểm khu V trong kháng chiến chống Mỹ, nhiều lần địch tổ chức càn quét, chà đi xát lại gây nên những vụ thảm sát đẫm máu ở Bình An, Nho Lâm, Vinh Quang, Tân Giản, Thác Đá, Ngã ba Đình..., nhưng phong trào cách mạng vẫn kiên cường vượt qua mọi thử

thách ác liệt. Bao chiến công oanh liệt đã được lập nên gắn với những địa danh di tích đã đi vào lịch sử đấu tranh và kháng chiến cứu nước của nhân dân Bình Định như: Chiến thắng An Lão, Đèo Nhông - Dương Liễu, Thuận Ninh, Đồi 10, Xuân Sơn, Gò Loi..., và đến đại thắng mùa xuân năm 1975, bãi biển Quy Nhơn đã chứng kiến cảnh tháo chạy của địch.

Cùng với truyền thống kiên cường, bất khuất, anh hùng, nghĩa hiệp, Bình Định còn là nơi sinh ra, nuôi dưỡng những người con kiệt xuất, những danh nhân văn hóa nổi tiếng như: Đào Duy Từ, Trần Đức Hòa, Đào Tấn, Lê Đại Cang..., là nơi nuôi dưỡng tài năng và tạo nguồn cảm xúc cho những thi nhân mà tên tuổi và tác phẩm của họ đã trở thành những mốc son trong lịch sử thi ca như: Hàn Mặc Tử, Xuân Diệu, Yến Lan, Chế Lan Viên... Đất và người Bình Định đã dung dưỡng tâm hồn của họ và những gì gắn liền với cuộc đời và sự nghiệp của họ đã trở thành di tích.

Bên cạnh đó, Bình Định có bờ biển dài trên 130 km, nhiều vũng, vịnh với những bãi tắm đẹp và danh lam thắng cảnh nổi tiếng như: Gành Ráng, Đầm Thị Nại - Bán đảo Phương Mai, Quy Hòa, Hải Giang, Eo Gió, Vĩnh Hội, Hầm Hô, Hồ Núi Một...; cùng với những ngôi chùa, cơ sở tín ngưỡng nổi tiếng như: Chùa Thập Tháp, Chùa Nhạn Sơn, Chùa Linh Phong, Chùa Ông Nhiêu... không những có giá trị về lịch sử, kiến trúc mà còn là điểm du lịch văn hóa tâm linh hấp dẫn đối với du khách khi đến Bình Định.

Tỉnh Bình Định hiện có 147 di tích được xếp hạng (2 di tích quốc gia đặc biệt, 34 di tích quốc gia, 111 di tích cấp tỉnh) với nhiều loại hình: lịch sử, kiến trúc nghệ thuật, khảo cổ, danh lam thắng cảnh; trong đó, một số di tích quan trọng như: Hệ thống di tích tháp cổ Champa, di tích phong trào Tây Sơn, di tích cách mạng liên quan đến hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, di tích về danh nhân, nhân vật lịch sử, văn hóa... Có thể điểm qua một số di tích như sau:

1. Di tích tháp Chăm

Bình Định, với vị thế là kinh đô của vương quốc Champa từ thế kỷ XI đến thế kỷ XV, di tích văn hóa Champa ở đây được kiến tạo vào những thời điểm khác nhau, có số lượng nhiều, loại hình đa dạng, quy mô hoành tráng. Các tháp Chăm ở Bình Định mang một phong cách nghệ thuật độc đáo, rực rỡ được các nhà nghiên cứu nghệ thuật Champa trong nước và nước ngoài định danh là phong cách Bình Định, niên đại từ thế kỷ XI đến nửa sau thế kỷ XV.

Toàn tỉnh Bình Định hiện nay có 08 cụm tháp Chăm bao gồm: Tháp Bánh Ít, Tháp Bình Lâm, Tháp Dương Long, Tháp Đồi, Tháp Thủ Thiện, Tháp Cánh Tiên, Tháp Phú Lộc, Tháp Hòn Chuông. Các Tháp Chăm trên đều được xếp hạng di tích kiến trúc nghệ thuật quốc gia, riêng Tháp Dương Long được xếp hạng di tích quốc gia đặc biệt. Đền tháp Champa là loại hình di tích mang tính đặc thù, là những công trình kiến trúc cổ không chỉ thu hút khách tham quan, nghiên cứu bởi quy mô lớn, kiến trúc bề thế, nghệ thuật điêu khắc đẹp, đạt đến trình độ cao mà còn thu hút bởi sự bí ẩn về kỹ thuật xây dựng tháp. Việc chế tạo vật liệu (gạch, vữa...), kỹ thuật kết dính gạch..., đến nay vẫn là vấn đề mà các nhà nghiên cứu chưa giải mã được.

Tháp Đôi là cụm gồm hai ngôi tháp, có hình dáng độc đáo, khác biệt với các ngôi tháp Chăm hiện còn. Tháp Đôi cùng với tháp Dương Long là những kiến trúc chịu ảnh hưởng văn hóa Khmer đậm nét nhất, thể hiện ở hình dáng kiến trúc, trang trí kiến trúc và việc sử dụng vật liệu đá vào kiến trúc khá nhiều. Tháp Đôi có niên đại thế kỷ XII - XIII và được xếp hạng di tích kiến trúc nghệ thuật quốc gia năm 1980.

Tháp Bánh Ít là cụm tháp còn lại nhiều tháp nhất ở Bình Định với 4 kiến trúc: tháp Cổng, tháp Bia, tháp Hỏa và tháp Chính. Về quy mô, đây là cụm tháp có quy mô lớn với nhiều công trình đền đài khác nhau. Về nghệ thuật, Tháp Bánh Ít có sự đột phá, chuyển giao giữa hai phong cách kiến trúc tháp Chăm, từ phong cách Mỹ Sơn A1 sang phong cách Bình Định. Vì vậy ở tháp Bánh Ít có sự kết hợp về đẹp của hai xu thế: nhẹ nhàng, trang nhã của phong cách Mỹ Sơn A1 và khỏe khoắn, hoành tráng của phong cách Bình Định, tạo nên những tác phẩm kiệt tác trong kiến trúc nghệ thuật Champa. Tháp Bánh Ít có niên đại khoảng cuối thế kỷ XI đầu thế kỷ XII, được xếp hạng di tích kiến trúc nghệ thuật quốc gia năm 1982. Với giá trị độc đáo về kiến trúc, Tháp Bánh Ít đã được giới thiệu trong cuốn sách *“1.001 công trình kiến trúc phải đến trong cuộc đời”* của Nhà xuất bản Quinssence (Anh).

Tháp Dương Long là cụm gồm 3 tháp, nổi bật không chỉ ở kích thước đồ sộ mà còn ở hình dáng đặc biệt của từng kiến trúc. Đây là công trình kiến trúc nghệ thuật Champa còn lại khá nguyên vẹn và được đánh giá là cụm tháp gạch cao nhất Đông Nam Á hiện còn. Tháp Dương Long có niên đại khoảng thế kỷ XII - XIII và được xếp hạng di tích quốc gia đặc biệt năm 2015.

Tháp Bình Lâm, về phong cách kiến trúc thuộc giai đoạn chuyển tiếp từ phong cách Mỹ Sơn A1 sang phong cách Bình Định, có niên đại đầu thế kỷ XI và là ngôi tháp có niên đại sớm nhất ở Bình Định. Tháp Bình Lâm được xếp hạng di tích quốc gia năm 1993. Trước đây dân cư ở sát bên chân tháp, đến nay đã giải tỏa mở rộng khuôn viên và hoàn thành công tác tu bổ, phục hồi di tích tháp Bình Lâm.

Tháp Thủ Thiện được xây dựng trên một vùng đất tương đối thấp, bên bờ nam sông Côn. Đây là một trong những ngôi tháp mang đầy đủ những yếu tố đặc trưng của phong cách Bình Định, đó là các vòm cửa chính và cửa giả hình mũi lao cao vút lên, các cột ốp dọc tường trơn, phẳng, mặt tường có gờ dọc nổi, các tháp trang trí góc đều là những kiến trúc thu nhỏ nhiều tầng... Nếu như ở các tháp khác, sự cầu kỳ, tinh tế làm nên vẻ đẹp thì ở tháp Thủ Thiện, sự giản lược trang trí lại tạo ra vẻ đẹp trang nhã, thanh thoát cho ngôi tháp này. Tháp có niên đại khoảng nửa đầu thế kỷ XII và được xếp hạng di tích kiến trúc nghệ thuật quốc gia năm 1995.

Tháp Cánh Tiên nằm ở trung tâm thành Đồ Bàn - kinh đô của vương quốc Chăm-pa xưa, có niên đại khoảng thế kỷ XII. Tháp Cánh Tiên là di tích kiến trúc nghệ thuật điển hình cho phong cách Bình Định, với kiến trúc hoành tráng cùng với những khối hình lớn gây ấn tượng từ xa. Một trong những điểm độc đáo ở Cánh Tiên là mặt ngoài của các cột ốp góc tường được ốp kín bằng những phiến đá sa thạch có chạm khắc hoa dây xoắn, đây là hiện tượng độc nhất trong lịch sử kiến trúc tháp Champa. Những phiến đá hình hoa lá tựa như đuôi chim phụng trên góc các tầng tháp làm tôn lên vẻ đẹp duyên dáng của ngôi tháp, mang đến cho người

xem cảm giác vui tươi, nhẹ nhõm khiến tháp Cánh Tiên khác hẳn với các tháp Champa khác. Tháp Cánh Tiên được xếp hạng di tích kiến trúc nghệ thuật quốc gia năm 1982.

Tháp Phú Lốc tọa lạc trên quả đồi cao, cách kinh thành Đồ Bàn xưa khoảng 2km về phía đông bắc. Tháp Phú Lốc là một trong những ngôi tháp tiêu biểu của phong cách Bình Định, có niên đại thế kỷ XII. Cũng như hầu hết các ngôi tháp Chăm truyền thống khác, cửa chính của tháp quay về hướng đông, vì theo quan niệm của người Chăm thì hướng đông là hướng sinh, là hướng của thần linh, mở đầu cho sự vận hành của vũ trụ. Điểm mới ở tháp Phú Lốc cũng như một số tháp Chăm thuộc phong cách Bình Định khác là dùng đá để làm các bộ phận trang trí kiến trúc - một trong những ảnh hưởng của Khmer. Ở tháp Phú Lốc, đá được dùng làm các hình áp chân các cột ốp, làm diềm mái trên các tầng tháp. Tháp Phú Lốc được xếp hạng di tích kiến trúc nghệ thuật quốc gia năm 1995.

Tháp Hòn Chuông còn gọi là Hòn Bà, là một ngôi tháp cổ của người Chăm được xây trên khối đá lớn giống hình quả chuông úp cao gần 50 mét trên một đỉnh cao của Núi Bà, với độ cao trên 700 mét so với mực nước biển. Tháp hiện nay bị sụp đổ phần mái, chỉ còn lại phần thân. Tháp Hòn Chuông là một trong 22 điểm thuộc di tích Khu căn cứ Núi Bà, được xếp hạng quốc gia năm 1994.

2. Các di tích về phong trào Tây Sơn

Bình Định tự hào là vùng đất gắn liền với tên tuổi của 3 anh em nhà Tây Sơn: Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ, Nguyễn Lữ, những thủ lĩnh kiệt xuất của phong trào khởi nghĩa nông dân Tây Sơn ở thế kỷ XVIII. Chính vì vậy, trên địa bàn tỉnh Bình Định, các di tích gắn với phong trào Tây Sơn còn lại khá dày, tiêu biểu như:

Khu Đền thờ Tây Sơn Tam kiệt được xây dựng trên nền đình làng Kiên Mỹ xưa, trước đó là nền nhà cũ của gia đình ông Hồ Phi Phúc và bà Nguyễn Thị Đồng (thân sinh của ba anh em Tây Sơn), hiện nay còn lại hai di tích rất quý giá là cây me cổ thụ và giếng nước xưa gắn với khu vườn nhà ba anh em Tây Sơn. Khu Đền thờ Tây Sơn Tam kiệt còn gắn với nhà trưng bày Bảo tàng Quang Trung, di tích Bến Trường Trầu - nơi Nguyễn Nhạc nổi nghiệp cha đi buôn trầu, giao lưu buôn bán, mở rộng quan hệ, thấu hiểu nỗi thống khổ của nhân dân, trở thành một trong những địa điểm giao lưu, liên lạc của nghĩa quân Tây Sơn trong buổi đầu khởi nghĩa. Khu di tích Đền thờ Tây Sơn Tam kiệt được xếp hạng di tích lịch sử quốc gia đặc biệt năm 2014.

Di tích Thành Hoàng Đế được Nguyễn Nhạc khởi dựng lại năm 1776 trên cơ sở thành Đồ Bàn của vương quốc Champa. Đây là kinh đô của chính quyền Trung ương Hoàng đế Thái Đức - Nguyễn Nhạc, là địa điểm lịch sử gắn liền với những sự kiện của phong trào nông dân Tây Sơn cuối thế kỷ XVIII.

Di tích Đài Kính Thiên tương truyền là nơi Nguyễn Nhạc nhận ấn, kiếm trời ban trước khi dấy nghĩa. Các di tích: Gò Lãng - quê mẹ của các thủ lĩnh Tây Sơn; di tích Lăng mộ Hiền tổ khảo Tây Sơn Tam kiệt; Từ đường, Đền thờ Bùi Thị Xuân; Từ đường, Đền thờ Võ Văn Dũng cùng nhiều di tích khác liên quan đến phong trào nông dân Tây Sơn.

Việc phát huy hệ thống di tích liên quan đến phong trào Tây Sơn khá thuận lợi vì hầu hết các di tích trọng điểm đều nằm trên địa bàn huyện Tây Sơn nên du khách và các tour du lịch dễ dàng kết nối.

3. Các di tích cách mạng thời kỳ chống Pháp và chống Mỹ

Các di tích cách mạng trên địa bàn tỉnh gồm Bình Định nhiều loại hình như: địa điểm ghi dấu nơi thành lập tổ chức đảng, căn cứ địa cách mạng, nơi ghi dấu chiến công, nơi ghi dấu tội ác của địch... Đây là những địa điểm ghi nhận về lịch sử đấu tranh cách mạng, kháng chiến cứu nước của nhân dân Bình Định, phát huy giá trị, giáo dục lòng yêu nước, truyền thống cách mạng cho các thế hệ hôm nay và mai sau. Trong số đó, nhiều di tích đã được đầu tư xây dựng và là điểm đến để gắn kết du lịch như: Nhà lưu niệm Chi bộ Cửu Lợi, Nơi thành lập Chi bộ Hồng Lĩnh, Nơi thành lập Chi bộ Vạn Đức, Nơi thành lập Chi bộ Đề pô Diêu Trì, Khu căn cứ cách mạng Núi Bà; Biển Lộ Diêu - nơi cập bến tàu Không số chi viện vũ khí vào Khu V; Chiến thắng Đèo Nhông; Chiến thắng Núi Chéo...

4. Các di tích gắn với các danh nhân, nhân vật lịch sử, các thi nhân nổi tiếng

Bình Định được biết đến là vùng đất địa linh nhân kiệt, nơi sản sinh, nuôi dưỡng nhiều danh sĩ, danh tướng, anh hùng hào kiệt góp phần làm rạng rỡ truyền thống lịch sử, văn hóa của quê hương, đất nước. Tiêu biểu là các di tích: Đền thờ Đào Duy Từ; Mộ Trần Đức Hòa; Mộ - Đền thờ Đào Tấn; Địa điểm lưu niệm cụ Nguyễn Sinh Sắc tại Huyện đường Bình Khê; Đền thờ Tăng Bạt Hổ; Đền thờ Võ Duy Dương; Mộ Lê Đại Cang; Đền thờ Nguyễn Trung Trực; Lăng Mai Xuân Thưởng; Nhà lưu niệm Nhà thơ Xuân Diệu; Mộ Hàn Mặc Tử...

5. Danh lam thắng cảnh

Thắng cảnh Gành Ráng được xếp hạng quốc gia năm 1991. Nằm trong lòng thành phố Quy Nhơn, nơi đây được nhiều người biết đến với bờ biển hình thành từ những khối đá trải dài, uốn lượn, đặc biệt có bãi đá trứng, phô bày những kiệt tác của tạo hóa. Cảnh đẹp nơi đây đã được vua Bảo Đại, vị vua cuối cùng của triều Nguyễn, cho xây dựng nhà nghỉ ba tầng hướng mặt ra biển làm nơi nghỉ ngơi của vua những khi đi công cán qua đây. Lâu Bảo Đại đã bị tàn phá trong chiến tranh, nhưng bãi biển nơi đây vẫn còn lưu giữ tên gọi là Bãi tắm Hoàng Hậu gắn với Nam Phương Hoàng hậu - vợ vua Bảo Đại. Thắng cảnh Gành Ráng còn là nơi yên nghỉ của nhà thơ tài hoa Hàn Mặc Tử. Nơi đây là điểm đến của hầu hết du khách thập phương khi đến Bình Định.

Thắng cảnh Hàm Hồ được hình thành do sự biến đổi của kiến tạo địa chất, tạo cho nơi đây một dòng chảy trong vắt giữa những khối đá hoa cương khổng lồ, muôn hình vạn trạng. Với vẻ đẹp kỳ thú, hoang sơ, đến nơi đây, du khách sẽ được hòa mình vào thiên nhiên, hít thở bầu không khí trong lành, ngâm mình dưới làn nước xanh mát và thỏa sức chiêm ngưỡng cảnh quan non nước hữu tình. Không chỉ là một thắng cảnh đẹp, trong lịch sử, Hàm Hồ là di tích gắn với lịch sử phong trào Tây Sơn thế kỷ XVIII và phong trào Cần Vương chống Pháp cuối thế kỷ XIX của

nhà yêu nước Mai Xuân Thưởng. Thắng cảnh Hàm Hô được xếp hạng danh thắng cấp tỉnh năm 1995.

Tóm lại, hệ thống di tích văn hóa, lịch sử và danh thắng Bình Định phong phú và đa dạng, có nhiều tiềm năng và giá trị độc đáo, cần được tiếp tục quan tâm, bảo tồn, khai thác phát triển du lịch. Đặc biệt là hệ thống các di tích Tháp Chăm, các di tích về phong trào nông dân Tây Sơn là những di sản vô giá, mang đặc trưng vùng, miền cần phải tăng cường công tác bảo tồn di tích, góp phần gìn giữ di sản văn hoá, tạo điểm đến hấp dẫn, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đưa du lịch Bình Định trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh./.

VAI TRÒ CỦA CÂU CHUYỆN VĂN HOÁ – LỊCH SỬ TRONG PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN DU LỊCH TỈNH BÌNH ĐỊNH

Sở Du lịch Bình Định

Kính thưa Quý vị đại biểu!

Bình Định là tỉnh duyên hải Nam Trung Bộ, có nhiều tiềm năng để phát triển du lịch. Về tự nhiên, bên cạnh sự nổi trội về tài nguyên biển, đảo với bờ biển dài, nhiều cảnh quan, bãi tắm đẹp, Bình Định còn là sự đa dạng về kiến trúc, cấu trúc địa hình của các vùng sông núi hồ đập, tạo nên một bức tranh thiên nhiên hoàn thiện, đa sắc màu. Về tài nguyên văn hóa, Bình Định có 147 di tích được xếp hạng, trong đó có 2 di tích cấp quốc gia đặc biệt. Là địa phương đang bảo tồn nhiều di tích kiến trúc - văn hóa của người Chăm, đặc biệt là thành Đồ Bàn và các tháp Chăm (8 cụm, 14 tháp) với nghệ thuật kiến trúc độc đáo. Là nơi xuất phát và là thủ phủ của phong trào nông dân Tây Sơn cuối thế kỷ 18 với tên tuổi lẫy lừng của người anh hùng áo vải Quang Trung - Nguyễn Huệ. Quê hương của các loại hình nghệ thuật truyền thống độc đáo như: võ, tuồng, bài chòi... Nhiều lễ hội đặc sắc, nhiều làng nghề truyền thống độc đáo, góp phần đa dạng hóa sản phẩm du lịch đáp ứng nhu cầu tham quan nghỉ dưỡng của du khách cũng như của các nhà đầu tư đến với Bình Định trong thời gian tới.

Văn hóa là một trong những thế mạnh của du lịch Bình Định, song chúng ta chưa có bước đột phá để tạo dựng thương hiệu du lịch thực sự hấp dẫn du khách. Để phát triển du lịch văn hóa, bên cạnh việc đầu tư về hạ tầng, về cơ sở vật chất, dịch vụ, việc khai thác các yếu tố, câu chuyện văn hóa - lịch sử liên quan đến các điểm đến tham quan du lịch và bản sắc văn hóa, giá trị truyền thống, lịch sử tại địa phương vào trong hành trình trải nghiệm là rất cần thiết để du khách có thể tìm hiểu sâu hơn về tuyến điểm mình đến. Câu chuyện văn hóa - lịch sử kể cho du khách dựa trên những cứ liệu về văn hóa, lịch sử, hoặc sự tích, truyền thuyết, huyền thoại, được xem là phần hồn của những di tích lịch sử, văn hóa, giúp khách du lịch hiểu hơn quá trình hình thành, phát triển, giá trị của di tích với những trải nghiệm thú vị.

Với cách khai thác về văn hóa như vậy, sẽ là những chủ đề có thể khai thác rộng, luôn phong phú và đa dạng, dưới cách truyền tải khác nhau, tạo nên sức hấp dẫn cho du khách đến và quay trở lại lần 2, lần 3... Có thể nói, văn hoá đang trở thành một bộ phận quan trọng trong lĩnh vực du lịch. Nếu người làm du lịch biết tận dụng đưa câu chuyện văn hoá - lịch sử vào trong sản phẩm du lịch, trong hành trình trải nghiệm, khám phá để du khách trong nước được hiểu hơn về văn hoá, lịch sử của Bình Định, du khách nước ngoài biết về nền văn hoá, di sản của Việt Nam nói chung và của tỉnh nói riêng, đó sẽ là hướng đi đúng đắn, tạo ra những sản phẩm du lịch văn hóa mới, độc đáo, sáng tạo thu hút du khách, là nhân tố thiết yếu góp phần cho sự nghiệp phát triển du lịch bền vững.

Câu chuyện văn hóa - lịch sử có thể bao gồm:

- Câu chuyện về tên gọi, địa danh: là yếu tố có khả năng gây tò mò và mang tính hấp dẫn. Trên thực tế, có những tên gọi ngẫu nhiên, không thể giải thích, song

cũng nhiều tên gọi mang dấu ấn lịch sử, văn hóa, thậm chí chứa đựng trong nó cả một huyền thoại, nếu khéo khai thác sẽ khiến sản phẩm du lịch tăng phần giá trị.

- Câu chuyện về lịch sử và văn hóa: giá trị của điểm đến thể hiện qua chiều dài lịch sử, văn hóa của nó. Trước hết là lịch sử hoặc truyền thuyết liên quan đến quá trình phát triển của bản thân di tích, di sản, đồng thời câu chuyện này không chỉ giới thiệu về lịch sử hình thành của điểm đến mà còn là lịch sử cộng đồng, dân tộc gắn với điểm đến ấy.

- Câu chuyện về kiến trúc, nghệ thuật: không chỉ gắn với lịch sử, văn hóa, một số di tích có thể kể nên những câu chuyện với tính chất đặc biệt trong việc sử dụng nguyên vật liệu, kiến trúc hoặc nghệ thuật liên quan điểm đến.

- Câu chuyện về dấu ấn văn hóa của địa phương: rất nhiều câu chuyện là sự phối kết giữa điểm đến và văn hóa, văn học nghệ thuật của địa phương, là chất liệu quý để gợi nên chuyện, theo sự sáng tạo của người hướng dẫn và truyền thông quảng bá du lịch.

Một số hình thức kể chuyện cho du khách:

- Bài thuyết minh, hướng dẫn của hướng dẫn viên.

- Ấn phẩm (tập giới thiệu, tập gấp, tranh ảnh, phim ngắn...); trang web; mạng xã hội.

- Ứng dụng công nghệ: Sử dụng mã QR code cung cấp thông tin, ứng dụng công nghệ số tạo hiệu ứng trực quan, sinh động. Các không gian trưng bày được thiết kế lồng ghép công nghệ, màn hình tương tác, thiết bị hướng dẫn tự động, tiếp cận thông tin trực tuyến, giúp người trải nghiệm dễ dàng tiếp nhận thông điệp và giá trị của di sản qua lăng kính thị giác; phòng chiếu phim sử dụng công nghệ trình chiếu 3D Mapping, sử dụng ánh sáng để tạo hiệu ứng 3D cho bề mặt tiếp xúc, tạo ra các khối hình ảnh tương tác trong không gian 3 chiều, đem đến trải nghiệm ấn tượng, sâu sắc cho khách tham quan.

- Biểu diễn thực cảnh; sân khấu: Biểu diễn thực cảnh là hình thức biểu diễn nghệ thuật mới, kết hợp nhiều yếu tố như sân khấu, thiết bị ánh sáng, số lượng diễn viên lớn; hướng tới việc truyền đạt các giá trị văn hóa - lịch sử cho khán giả, ghi dấu ấn sâu đậm cho mỗi khán giả xem show diễn nhờ quy mô, sự đầu tư công phu về cả chất và lượng. Biểu diễn sân khấu hoặc chương trình biểu diễn nghệ thuật.

Vai trò của câu chuyện văn hóa - lịch sử trong phát triển du lịch Bình Định:

- Góp phần làm tăng giá trị cho sản phẩm du lịch. Khách du lịch không những được xem, mà còn được nghe, nhìn, hiểu văn hóa lịch sử cũng như trải nghiệm tại các điểm đến và trong cả chương trình.

- Tạo cơ sở dữ liệu để xúc tiến, quảng bá cho du lịch của tỉnh.

- Tạo thương hiệu với những nét đặc trưng riêng cho du lịch địa phương.

- Là tư liệu hấp dẫn cho hoạt động thuyết minh, hướng dẫn; tạo sự tương tác qua lại giữa hướng dẫn viên và du khách.

Theo cơ sở nêu trên, đề xuất một số câu chuyện gắn với di tích văn hóa – lịch sử ở Bình Định:

- Câu chuyện văn hóa – lịch sử gắn với di tích văn hóa Champa:

Bình Định là vùng đất lưu giữ rất nhiều di sản văn hóa Champa vô giá. Bên cạnh giá trị độc đáo của các công trình kiến trúc đền tháp, ở Bình Định còn có nhiều tác phẩm điêu khắc đá và đất nung hiếm quý. Có thể nói, hệ thống di tích văn hóa Champa ở Bình Định chứa đựng những giá trị lịch sử, kiến trúc nghệ thuật rất có giá trị, là nguồn tài nguyên du lịch di sản văn hóa mang phong cách vùng miền độc đáo.

Tỉnh Bình Định đã gắn mã QR code hỗ trợ thuyết minh bằng văn bản và clip tại các cụm tháp Chăm gồm: Tháp Đôi, Bánh Ít, Bình Lâm (huyện Tuy Phước), Cánh Tiên, Dương Long, Phú Lộc (thị xã An Nhơn), Thủ Thiện (huyện Tây Sơn). Khách du lịch chỉ cần dùng điện thoại quét mã QR code này có thể đọc thông tin, xem hình ảnh và clip để nghe giới thiệu khái quát về Vương quốc Champa và tháp Chăm ở Bình Định. Tuy nhiên hiện nay việc trưng bày và sử dụng công nghệ số để trưng bày, trình chiếu tại các di tích Champa còn hạn chế. Cần tiếp tục đầu tư để phát huy giá trị di tích văn hóa (một số tháp Chăm, thành Đồ Bàn...); nghiên cứu câu chuyện văn hóa – lịch sử xuyên suốt liên quan đến các di tích; tiếp tục bồi dưỡng đội ngũ hướng dẫn viên và hướng dẫn viên tại các điểm.

- Câu chuyện văn hóa – lịch sử gắn với di tích phong trào nông dân Tây Sơn:

Không chỉ sử dụng công nghệ quét mã QR code truy xuất dễ dàng thông tin hiện vật trưng bày, Bảo tàng Quang Trung còn hướng đến mô hình hóa điện tử tư liệu, hiện vật bằng công nghệ tương tác 3D, công nghệ không gian trưng bày ảo... góp phần nâng cao hiệu quả trưng bày. Tiếp tục nghiên cứu xây dựng các câu chuyện và gắn mã QR code cho các di tích văn hóa lịch sử khác; bố trí và bồi dưỡng đội ngũ hướng dẫn viên và hướng dẫn viên tại các điểm đã trùng tu, tôn tạo.

- Câu chuyện văn hóa - lịch sử gắn với di tích, nơi sinh hoạt văn hóa và văn hóa đồng bào dân tộc thiểu số (Bana, Chăm, Hre): Sưu tầm, nghiên cứu các sự tích, truyền thuyết và những nét văn hóa đặc trưng của đồng bào dân tộc thiểu số để xây dựng các câu chuyện cho các di tích văn hóa lịch sử vùng miền núi và trung du; bồi dưỡng đội ngũ hướng dẫn viên và hướng dẫn viên tại địa bàn (xã Vĩnh Sơn, xã An Toàn...)

- Câu chuyện văn hóa - lịch sử gắn với di tích, nơi sinh hoạt văn hóa và văn hóa cư dân miền biển: Sưu tầm, nghiên cứu các sự tích, truyền thuyết và những nét văn hóa đặc trưng của cư dân miền biển để xây dựng các câu chuyện cho các di tích văn hóa lịch sử vùng biển; bồi dưỡng đội ngũ hướng dẫn viên và hướng dẫn viên tại địa bàn (Xã Nhơn Lý...)

- Câu chuyện văn hóa - lịch sử gắn với di tích lịch sử cách mạng; danh nhân: Nghiên cứu, xây dựng các câu chuyện về lịch sử gắn với di tích lịch sử cách mạng; tác phẩm, câu chuyện gắn với danh nhân; xây dựng mã QR code và bồi dưỡng đội ngũ hướng dẫn viên và hướng dẫn viên tại điểm.

- Thúc đẩy xây dựng sản phẩm du lịch mới (tại các điểm di tích như chương trình biểu diễn nghệ thuật, hàng lưu niệm...); sử dụng công nghệ để phục dựng di tích; xây dựng thực cảnh...

Trong định hướng phát triển du lịch Việt Nam và của tỉnh, việc thúc đẩy loại hình du lịch văn hóa có tác dụng kép: vừa đem đến lợi ích kinh tế, vừa giới thiệu một nền văn hóa đặc sắc, góp phần quảng bá hình ảnh đất nước, con người, du lịch Việt Nam trong lòng du khách và bạn bè quốc tế. Vì vậy, để góp phần đẩy mạnh

phát triển du lịch, việc nghiên cứu xây dựng và sử dụng câu chuyện văn hóa - lịch sử gắn với tăng cường trải nghiệm cho khách du lịch; quảng bá du lịch gắn câu chuyện với các di tích, danh thắng; mở rộng không gian, sản phẩm du lịch nơi có các câu chuyện, truyền thuyết, huyền thoại; xây dựng sản phẩm du lịch mới; phục dựng và bảo tồn những mỹ tục, lễ hội dân gian gắn với điểm du lịch là rất cần thiết.

VẤN ĐỀ SỰ THẬT LỊCH SỬ VÀ GIAI THOẠI/ CHUYỆN KỂ LỊCH SỬ TRONG QUẢNG BÁ DU LỊCH Ở TỈNH BÌNH ĐỊNH

PGS.TS Trần Quốc Tuấn^(*)

MỞ ĐẦU

Trong những năm qua, ngành Du lịch tỉnh Bình Định có sự phát triển mạnh mẽ, là một trong những ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh trong hiện tại và tương lai, góp phần to lớn trong việc phát triển kinh tế - xã hội cho địa phương; đồng thời làm cho vùng đất, con người và truyền thống lịch sử - văn hóa tỉnh Bình Định lan tỏa khắp cả nước và khu vực, thế giới. Có được những thành quả này là nhờ sự đồng thuận, quyết tâm của cả hệ thống chính trị, sự tham gia đóng góp của nhân dân địa phương; trong đó trực tiếp là công tác quảng bá du lịch của các đơn vị, cơ quan, ban ngành liên quan. Tuy nhiên, thông qua các phương tiện thông tin về du lịch và trực tiếp tiếp xúc, nghe các hướng dẫn viên du lịch giới thiệu về lịch sử - văn hóa địa phương, chúng tôi nhận thấy có một số điểm chưa được cập nhật, như phong trào Tây Sơn hay phong trào nông dân Tây Sơn,...; hoặc chưa khoa học, khách quan như địa danh Truong Mây liên quan đến khởi nghĩa Chàng Lúa, tên gọi Nguyễn Tất Thành,...; hoặc chưa phân biệt đâu là giai thoại/ chuyện kể lịch sử và đâu là sự thật lịch sử, như Cây Me ở Bảo Tàng Quang Trung, Nguyễn Nhạc đánh thành Quy Nhơn, đầm Đề Gi/ Nước Ngọt, Cầu Gành/ cầu Bà Di?,...

Trong phạm vi tham luận này, chúng tôi không đi sâu vào nội dung các di tích lịch sử - văn hóa và các giai thoại/ chuyện kể liên quan mà chủ yếu là tập trung làm rõ về mặt phương pháp luận và phương pháp sử dụng giai thoại/ chuyện kể trong công tác quảng bá, giới thiệu về lịch sử - văn hóa tỉnh Bình Định, giúp cho mọi người nhận thức đúng đắn, khoa học, khách quan về quá khứ, tránh sự nhận thức sai lệch, xuyên tạc sự thật lịch sử, hay “hiện đại hóa” lịch sử, làm giảm chức năng giáo dục của khoa học lịch sử.

NỘI DUNG

1. Nhận thức cho đúng về lịch sử, sử liệu và sử học

1.1. Lịch sử và sử liệu

Lịch sử là khoa học, nó luôn được bổ sung trên cơ sở những phát hiện mới của các khoa học bổ trợ như khảo cổ học, dân tộc học, niên đại học... hoặc những tài liệu lịch sử bị lãng quên, bị thất lạc, bị che giấu,... vì những lí do nào đó mà chưa được sáng tỏ. Lịch sử không chỉ nằm chết trong những tháng ngày bất động, ai thắng, ai thua, mà lịch sử còn là đời sống của con người. Lịch sử bất kì một địa

^(*) PGS.TS. Trường Đại học Quy Nhơn; Phó Chủ tịch Thường trực Hội KHLS tỉnh Bình Định.

phương hay quốc gia nào cũng có thể bị che phủ bởi những lớp mây mù. Điều này làm cho một phần nào đó của lịch sử địa phương, nước nhà bị che khuất mà các thế hệ sau không thể giải thích được những câu hỏi đặt ra. Do đó, cần phải có giải pháp thích hợp để xoá tan những lớp mây mù ấy, làm sáng tỏ sự thật lịch sử. Đó là cái mà các nhà nghiên cứu lịch sử cần phải làm sáng tỏ.

Theo nghĩa chung nhất, lịch sử là một phạm trù chỉ quá trình hình thành, phát triển và diệt vong của sự vật, hiện tượng trong thế giới khách quan. Điều này có nghĩa là bất kì sự vật, hiện tượng nào của thế giới khách quan đều có lịch sử của nó. Vì vậy, Ph. Engelen viết: *Tôi chỉ thừa nhận một khoa học duy nhất, đó là khoa học lịch sử*¹. Theo nghĩa riêng, lịch sử là một thuật ngữ dùng để chỉ những gì đã xảy ra liên quan đến con người và xã hội loài người. Về mặt này, thuật ngữ “lịch sử” có nghĩa tương đồng với “quá khứ” (tức chỉ những cái đã xảy ra).

Trong dòng sông lịch sử của xã hội loài người, khu vực hay của mỗi quốc gia, dân tộc bao hàm vô số những sự kiện, đó là những phần tử của lịch sử. Nghiên cứu lịch sử bắt đầu nghiên cứu sự kiện lịch sử, nhưng sự kiện lịch sử là cái đã xảy ra, không “lặp lại”,... Vậy sự kiện lịch sử nằm ở đâu? Sự kiện lịch sử được chứa đựng trong các nguồn sử liệu. Tuy nhiên, chúng ta không được đồng nhất “sự kiện - lịch sử” với “sự kiện - sử liệu”². Nhà sử học nghiên cứu “sự kiện - lịch sử” thông qua “sự kiện - sử liệu” và sản phẩm của nó gọi là “sự kiện - tri thức” (hay “sự kiện - nhận thức”), đó là những sự kiện lịch sử được đề cập trong các công trình nghiên cứu, giáo trình, sách giáo khoa. Tuy nhiên, chúng ta không được đồng nhất “sự kiện - tri thức” và “sự kiện - sử liệu”; bởi vì giữa chúng vừa có điểm giống nhau và vừa có điểm khác nhau³.

Từ sự nhận thức trên, chúng ta có thể hiểu rằng: “sự kiện - sử liệu” vừa mang tính hiện thực, khách quan của “sự kiện - lịch sử”, vừa mang tính trừu tượng, chủ quan của “sự kiện - tri thức”. “Sự kiện - sử liệu” là chiếc cầu nối giữa “sự kiện -

¹ Dẫn theo Phan Ngọc Liên (2009), *Phương pháp luận sử học*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

² “Sự kiện-lịch sử” là những sự kiện đã diễn ra trong quá khứ; còn “sự kiện-sử liệu”, là những sự kiện chứa đựng trong các nguồn sử liệu. Giữa “sự kiện-lịch sử” và “sự kiện-sử liệu” có sự giống nhau và khác nhau: **Giống nhau:** cả “sự kiện-lịch sử” và “sự kiện-sử liệu” đều xuất hiện và tồn tại độc lập, khách quan không phụ thuộc vào chủ thể nghiên cứu. Đôi khi “sự kiện-sử liệu” còn là chứng cứ duy nhất của “sự kiện-lịch sử”, cho nên trong thực tiễn nghiên cứu nhà sử học thường không phân biệt “sự kiện-lịch sử” và “sự kiện-sử liệu”. **Khác nhau:** “sự kiện-sử liệu” không phải là bản thân “sự kiện-lịch sử” mà chỉ là sự biểu hiện trừu tượng của “sự kiện-lịch sử”; còn nội dung thì “sự kiện-sử liệu” bao giờ cũng nghèo nàn hơn, kém sinh động và ít phong phú hơn so với “sự kiện-lịch sử”.

³ **Giống nhau:** cả “sự kiện-tri thức” và “sự kiện-sử liệu” đều là hình thức trừu tượng hóa của “sự kiện-lịch sử” (tức đều là kết quả hoạt động nhận thức của con người). **Khác nhau:** “sự kiện-tri thức” và “sự kiện-sử liệu” có điểm khác nhau do quá trình hình thành của chúng (“sự kiện-sử liệu” hình thành trong quá trình tiếp xúc trực tiếp của con người đối với những sự kiện lịch sử được phản ánh; còn “sự kiện-tri thức” thì được xây dựng nên trong quá trình hoạt động thực tiễn của nhà nghiên cứu khi không còn khả năng quan sát trực tiếp sự kiện lịch sử).

lịch sử” và “sự kiện - tri thức”; do đó, nhà sử học cần phân biệt “sự kiện - lịch sử”, “sự kiện - sử liệu” và “sự kiện - tri thức”.

Sử liệu là những sản phẩm của hoạt động con người; nó xuất hiện như một hiện tượng xã hội, nhằm phục vụ cho một mục đích, một nhu cầu nào đó của xã hội đương thời và tồn tại như những di tích, dấu vết của hoàn cảnh lịch sử cụ thể đã qua. Nói cách khác: *Sử liệu là những di tích của quá khứ, xuất hiện như sản phẩm của quan hệ xã hội nhất định mang trong mình nó những dấu vết của quan hệ đó, phản ánh trực tiếp và trùu tượng hóa một mặt nào đó của con người.*

Sử liệu chưa phải “hoàn toàn” là lịch sử và sử liệu có nhiều nguồn; do đó, trong nghiên cứu lịch sử cần thu thập nhiều nguồn sử liệu khác nhau và phải xử lí, phê phán các nguồn sử liệu để làm rõ sự thật của lịch sử. Một trong những yêu cầu đặt ra trong thời kì đổi mới là phải nhìn thẳng vào sự thật, nói rõ sự thật; vậy những người làm công tác sử học của chúng ta có bao giờ tự hỏi rằng: *Chúng ta đã nói và viết đúng sự thật lịch sử hay chưa?*

1.2. Sự thật lịch sử và sử học

Sự kiện lịch sử là những sự thật tồn tại khách quan, độc lập với ý thức của con người; nhưng sự nhận thức lịch sử lại mang yếu tố chủ quan và việc ghi chép lịch sử vì những mục đích khác nhau.

Từ thời cổ đại, người ta đặt yêu cầu cho việc viết sử là nêu gương cho mọi người và đem lại bài học cho nhà cầm quyền. Polibius, nhà sử học Hy Lạp (thế kỷ II TCN) đã nhận thấy rằng, sử học mang tính *thực dụng*. Trong các vị thần của thần thoại Hy Lạp, nữ thần Clio là thần sử học và tên Clio bắt nguồn từ tiếng Hy Lạp Kleio, có nghĩa là ca tụng, biểu dương. Ở phương Đông, Khổng Tử viết kinh *Xuân Thu* là cốt để “bao biếm”, tức là khen và chê các hành vi của các nhân vật lịch sử. Còn ở nước ta, trong bài tự sách: *Đại Việt sử ký tục biên*, Phạm Công Trứ viết: “Vì sao phải viết quốc sử ? Vì sử chủ yếu ghi chép công việc. Có chính trị của một đời. Sự ghi chép của sử giữ nghị luận rất nghiêm, tô điểm việc chính trị thì sáng tỏ ngang với mặt trời mặt trăng, răn đe kẻ loạn tặc thì ráo riết như sương thu lạnh buốt, người thiện biết thì có thể bắt chước, người ác biết thì có thể tự răn, quan hệ với chính trị không phải là ít. Cho nên mới làm ra quốc sử”⁴.

Mục đích *thực dụng* như vậy đã làm cho sử học có không ít việc *không nói lên sự thật lịch sử*. Thông thường các nhà sử học chỉ chép những sự kiện nào có lợi cho đường lối chính trị hoặc là làm thay đổi sự kiện cho phù hợp với ý muốn của nhà cầm quyền. Tuy nhiên, ngay trong hàng ngũ các nhà sử học thời cổ đại, cũng

⁴ Dẫn theo GS. Hà Văn Tấn (1990), *Triết học lịch sử hiện đại*, Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội.

có người cho rằng: *Cần làm thế nào để phục vụ đời sống và chính trị mà không làm hại đến thiên chức nói lên sự thật của nhà sử học*. Họ còn cho rằng, viết đúng sự thật lịch sử mới phục vụ tốt cho đời sống và chính trị. Ciceron ở La Mã đã gắn *lịch sử chính yếu của cuộc sống với yêu cầu đạt tới ánh sáng của cuộc sống*. Ông viết: “Luật thứ nhất của chép sử là không dám nói cái giả mạo, luật thứ hai là dám nói tất cả những gì là sự thật”⁵. Ở nước ta, mở đầu sách: *Đại Việt thông sử* cũng đã dẫn các câu nói của các nhà sử học đời trước để coi việc chép đúng sự thật như một tôn chỉ của biên soạn lịch sử: *Chép sử thì không thể cho dưng vào sử quán và người có văn học, lại kiêm biết cách soạn sử, nhưng “bụng dạ” bất chính, cũng không được dưng*.

Từ thế kỷ XVII, sử học thế giới đặt ra yêu cầu đem lại sự thật của quá khứ. Và từ cuối thế kỷ XIX, khi sử học đạt tới các mẫu mực về cấu trúc và biện chứng, các hình ảnh của quá khứ mà sử học khôi phục được còn phải đặt trong cái toàn thể và sự vận động. Từ khi chủ nghĩa duy vật lịch sử ra đời, các nhà sử học được cung cấp một mô hình giải thích lịch sử có tính chất năng động, kết hợp cả hai mặt: *Cấu trúc và biến đổi*. Sử học vươn tới phát hiện quy luật và nhờ đó, sử học không những nhận thức được quá khứ mà còn chuẩn bị cho những khả năng dự báo. Nhưng để thực hiện được chức năng đó (khôi phục con đường đã qua và góp phần nhận thức con đường sắp tới), một điều kiện cơ bản đặt ra là sử học phải **biết sự thật** và **nói lên sự thật**. Nhưng để biết/ viết sự thật không dễ và nói lên sự thật nhiều khi càng khó hơn. Do đó: *Muốn viết sử phải có phương pháp sử học, và trước hết phải là người trung thực chứ không phải là tên cơ hội*⁶.

Viết sử/ trình bày lịch sử là một nghề và người viết sử phải được rèn luyện tay nghề. Các sách dạy nghề viết sử, thường đề cập đến hai bước cơ bản trong nghiên cứu sử học: *bước thứ nhất* là từ sử liệu, khôi phục sự kiện; *bước thứ hai* là giải thích và đánh giá sự kiện.

Ở bước thứ nhất, đã có những khả năng dẫn nhà sử học xa rời sự thật. Đó là vì sử liệu thiếu và phổ biến hơn là vì sử liệu không được phê phán nghiêm túc. Người ta chia sử liệu ra làm hai nhóm: sử liệu trực tiếp và sử liệu gián tiếp⁷. Hiện nay, nhiều công trình sử học của chúng ta đã sử dụng những nguồn sử liệu gián

⁵ Dẫn theo GS. Hà Văn Tấn (1990), *Triết học lịch sử hiện đại*, Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội.

⁶ GS. Hà Văn Tấn (1990), *Triết học lịch sử hiện đại*, Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội.

⁷ Sử liệu trực tiếp xuất hiện cùng thời với sự kiện, là di tích của sự kiện, là một mảnh của sự kiện (trống đồng Ngọc Lũ, văn bản Hiệp định Sơ bộ, lá cờ Khởi nghĩa Nam Kỳ,...). Sử liệu gián tiếp là sử liệu xuất hiện không đồng thời với sự kiện, là sử liệu nói đến sự kiện qua một người thông tin gián tiếp, tức tác giả sử liệu (Hồi ký, lời kể của người đã chứng kiến, giai thoại, ca dao,...). Loại sử liệu này cần được giám định cẩn thận, vì thông tin nhận được đã qua trung gian người thông tin.

tiếp một cách thiếu thận trọng. Chẳng hạn như, các nhà nghiên cứu lịch sử địa phương, lịch sử Đảng thường sử dụng **sử liệu lời kể** về sau của những người đã chứng kiến sự kiện, nhưng không được phân tích, so sánh với các sử liệu khác, cho nên dẫn đến tình trạng cùng một sự kiện lại được trình bày khác nhau. Chưa kể, nếu người thông tin là người hiện có uy lực chi phối ở địa phương thì lịch sử sẽ được viết theo cách nhìn nhận của người đó. Đối với các thời kì xa xưa thì sai lầm càng dễ xảy ra, vì sử liệu càng hiếm hơn và khó kiểm tra hơn. Trong nhiều trường hợp, nhà sử học phải vận dụng sự suy đoán logic và thậm chí cả sự tưởng tượng. Song, trong trường hợp sự kiện được trình bày mới chỉ là giả thuyết thì nhà nghiên cứu cần phải nói rõ, đừng để người khác tin rằng, đó là sự thật đích xác.

Trong nhiều công trình sử học hiện nay, cái mới chỉ là giả thuyết với cái đã là sự thật, thường bị làm lẫn lộn (Ví như, tác giả của bài thơ *Nam quốc Sơn Hà, Cây Me ở Đền thờ Tây Sơn*, tên gọi *Nguyễn Tất Thành*,...). Ở nước ta hiện nay, các nhà sử học thường dựa chủ yếu vào nguồn sử liệu viết, mà các văn bản sử liệu thường bị biến chuyển ghê gớm, kể cả sự xuất hiện những tài liệu giả. Nếu trình bày sự kiện lịch sử mà dựa vào sử liệu đã bị biến đổi hay sử liệu giả thì hiển nhiên không tránh khỏi sai lầm. Như vậy, các văn bản bị biến đổi, sửa chữa qua các thời kì thì rất nhiều, thậm chí kể cả văn bản hiện đại (Văn kiện, nghị quyết, tài liệu Hồ Chí Minh,...). Điều này, cần học tập thái độ của C. Mars và Ph. Engels khi cho tái bản *Tuyên ngôn Đảng Cộng sản* năm 1872, hai ông đã viết: *Tuyên ngôn là một tài liệu lịch sử mà chúng tôi không có quyền sửa lại*⁸. Các nhà sử học đòi hỏi một thái độ như vậy đối với các văn kiện lịch sử.

Ở bước thứ hai. Thực ra sự thật dễ bị che lấp hay xuyên tạc là ở bước thứ hai: **giải thích và đánh giá sự kiện**. Bởi vì, công việc này phụ thuộc vào mặt chủ quan của nhà sử học, như trình độ nhận thức, quan điểm và nhân cách. Các nhà sử học của chúng ta thường tự coi mình là người mác xít, nhưng bệnh thiên lệch lịch sử lại hay mắc phải (bệnh đóng màu, bệnh dặt sử?). Vì vậy, nhiều sự thật lịch sử đã bị bỏ qua. Chẳng hạn như, trong một thời gian dài các nhà sử học chúng ta chỉ chú ý nghiên cứu lịch sử chống ngoại xâm trong lịch sử dân tộc, điều này không chỉ thể hiện trong các chuyên khảo, mà cả trong các bộ thông sử. Hay khi đề cao về truyền thống dân tộc, chúng ta thường chỉ đánh giá một chiều, chỉ nhìn thấy cái hay, cái tốt mà không đề cập đến cái dở, cái xấu... *Lịch sử Việt Nam anh hùng thật, vinh quang thật, nhưng trình bày nó lúc nào, chỗ nào cũng tốt đẹp cả, rực sáng cả thì*

⁸ Dẫn theo GS. Hà Văn Tấn (1990), *Triết học lịch sử hiện đại*, Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội.

quả là không thật. Nhà sử học không chỉ ngâm ngợi những thiên anh hùng ca mà không biết đến những khúc bi ca trong lịch sử⁹.

2. Vấn đề sử dụng giai thoại/ chuyện kể lịch sử trong quảng bá du lịch ở tỉnh Bình Định

Trong công tác giới thiệu, quảng bá du lịch liên quan đến các di tích lịch sử - văn hóa ở tỉnh Bình Định hiện nay, chúng tôi nhận thấy phần nhiều là dựa trên nguồn tài liệu dân gian (tài liệu truyền miệng) nói chung, giai thoại/ chuyện kể lịch sử nói riêng. Tuy nhiên, nhiều người chưa phân biệt sự thật lịch sử và giai thoại/ chuyện kể lịch sử; chưa làm rõ bản chất, cốt lõi lịch sử trong các tài liệu dân gian; đặc biệt là trong các giai thoại/ chuyện kể lịch sử. Điều này làm cho nhiều người nhận thức chưa đúng về di tích lịch sử - văn hóa, làm giảm đi giá trị của di tích lịch sử - văn hóa của tỉnh Bình Định nói riêng, chức năng giáo dục của khoa học lịch sử nói chung. Vì vậy, cần nhận thức cho đúng về giai thoại lịch sử và việc sử dụng giai thoại lịch sử trong công tác quảng bá du lịch sử Bình Định.

2.1. Khái niệm giai thoại lịch sử và những thuận lợi và khó khăn trong việc tìm kiếm sự thật lịch sử trong các giai thoại/ chuyện kể lịch sử

Khái niệm giai thoại lịch sử

Giai có nghĩa là đẹp; *thoại* có nghĩa là lời nói hay kể. *Giai thoại* là những mẫu chuyện đẹp được dựng nên để ca tụng về một cá nhân nào đó. Theo *Bách khoa Toàn thư*: “Giai thoại là một truyện ngắn và hấp dẫn về một sự việc hoặc nhân vật có thật. Tuy được dựa trên một việc hoặc người có thật, nhưng vì được truyền tải qua nhiều bước (truyền miệng, viết lại), nên giai thoại có thể trở thành “hơi phi lý””¹⁰; còn theo *Từ điển Tiếng Việt* thì định nghĩa: “Giai thoại là mẫu chuyện lí thú, được lưu truyền rộng có liên quan đến nhân vật có thật”¹¹.

Từ nhận thức trên, chúng tôi cho rằng giai thoại lịch sử là một bộ phận của giai thoại nói chung và định nghĩa như sau: *Giai thoại lịch sử là những câu chuyện liên quan với những sự kiện, những nhân vật hoạt động trong các chính trường, có liên hệ chặt chẽ với tiến trình tồn vong của đất nước.*

Như vậy, giai thoại lịch sử là một tác phẩm văn học chưa đựng nội dung lịch sử. Cũng từ quan niệm này mà người xưa cho rằng: “Văn - Sử bất phân!”.

Công việc tìm kiếm sự thật lịch sử trong các giai thoại lịch sử vừa có những thuận lợi vừa có những khó khăn riêng của nó. Cần nhận thấy rõ những thuận lợi

⁹ GS. Hà Văn Tấn (1990), *Triết học lịch sử hiện đại*, Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội.

¹⁰ <https://vi.wikipedia.org/wiki/Giai-thoai>.

¹¹ <https://phebinhvanhoc.com.vn/khai-niem-giai-thoai>.

và khó khăn ấy để tìm cách khắc phục khó khăn và phát huy thuận lợi là hết sức cần thiết đối với người nghiên cứu.

Thuận lợi lớn nhất mà người làm công việc tìm kiếm sự thật trong những giai thoại lịch sử cần phải biết để khai thác sử dụng, đó là những giai thoại được viết ra với dung lượng vừa phải, không quá dài cũng không quá ngắn và tương đối ổn định vì giai thoại lịch sử thường có cốt truyện, kết cấu và nhân vật rất rõ ràng. Không phải công việc nào cũng có được thuận lợi như vậy. Nhưng chúng ta cần phải biết tiến hành như thế nào cho đúng, tránh sự gượng ép, giáo điều, công thức. Chẳng hạn, nhân vật được viết ra trong giai thoại không thể tiến hành phân tích theo một công thức nhất định, không thể lấy quan điểm của người xưa để áp đặt vào quan điểm của ngày nay cũng như không thể lấy nay để phê phán xưa.

Dễ nhớ và dễ hiểu là đặc điểm khá nổi bật trong các giai thoại lịch sử. Vậy đây là khó khăn hay thuận lợi đối với nhà nghiên cứu trong quá trình tìm kiếm sự thật trong các giai thoại? Chúng ta có thể trả lời ngay rằng: dễ nhớ là thuận lợi, còn dễ hiểu là khó khăn, thậm chí là một khó khăn lớn. Bởi vì:

Một là, nếu không dễ nhớ thì người làm công việc tìm kiếm sự thật trong các giai thoại lịch sử sẽ gặp khó khăn trong việc theo dõi và phải tốn rất nhiều thời gian vào việc nhắc lại giai thoại.

Hai là, nếu trong giai thoại lịch sử có nhiều điều khó hiểu thì người làm công việc tìm kiếm sự thật có nhiều chỗ để khai thác sao cho người đọc, người nghe hiểu được. Ngược lại, nếu trong giai thoại lịch sử toàn là những điều dễ hiểu thì nhà nghiên cứu sẽ không có việc làm hoặc làm một công việc khiến người đọc, người nghe phải thốt lên rằng: “Biết rồi, khổ lắm, nói mãi”.

Bên cạnh những thuận lợi, công việc tìm kiếm sự thật trong những giai thoại lịch sử cũng có những khó khăn đáng kể mà cả chủ thể lẫn người nghe, người đọc nên biết để tìm cách khắc phục.

Một là, những khó khăn trong việc thu thập giai thoại lịch sử. Bởi giai thoại được sáng tác và lưu truyền chủ yếu dưới hình thức truyền miệng, nếu có ghi chép thì không có một tài liệu nào ghi chép một cách đầy đủ và rõ ràng cả. Trong lịch sử sáng tác truyền miệng của nhân dân, giai thoại như một dòng sông chảy liên tục. Càng xa nguồn, dòng sông ấy càng phân hoá với những độ dài, ngắn, sâu, cạn, rộng, hẹp khác nhau.

Hai là, những yếu tố phi thường, kì bí trong các giai thoại/ chuyện kể lịch sử thường làm cho người nghe, người đọc khó tin, gây nên sự khó hiểu và do đó cũng khó thích. Điều đó cũng là một khó khăn.

Ba là, trong quá trình tìm kiếm sự thật lịch sử, chủ thể phải bám vào cốt truyện, nhân vật, sự việc và những chi tiết quan trọng hoặc gần như trong lời kể của nhiều người. Để làm được điều này là rất khó. Bởi lời kể của nhiều người thì khó có thể thống nhất được với nhau. Trong đó, thời gian, không gian, địa điểm được viết trong những giai thoại không hoàn toàn giống nhau. Giai thoại được kể giống như những màn kịch ngắn, thời gian diễn ra rất nhanh, nói chung chỉ mang tính chất ước lệ, tượng trưng mà thôi.

Vậy làm thế nào để khắc phục khó khăn và phát huy thuận lợi nói trên? Đó chính là câu hỏi mà nhà nghiên cứu phải luôn đặt ra và phải luôn ghi nhớ, khi tiến hành tìm kiếm sự thật đối với bất kì một giai thoại nào. Câu hỏi đó sẽ giúp cho nhà nghiên cứu thận trọng hơn trong công việc của mình.

Như vậy, giai thoại lịch sử không phải là hoàn toàn là sự thật lịch sử, không thể dựa vào giai thoại để viết ra lịch sử. Hiện nay có một số người không chú trọng đến việc sưu tầm, thẩm tra, chỉnh lí những sự kiện lịch sử mà lại rơi những chi tiết có tính chất thần bí của những giai thoại được lưu truyền trong dân gian hay được ghi chép lại mà chưa được khoa học lịch sử xác nhận, nhằm thể hiện sự hiêu kì của mình. Song, chúng ta cũng cần phải sử dụng các loại tài liệu dân gian viết nên những giai thoại nhưng phải biết gạn lọc sự thật lịch sử để không rơi vào những điểm hoang đường, thần bí.

2.2. Giải mã sự thật lịch sử trong các giai thoại/ chuyện kể liên quan đến di tích lịch sử - văn hóa ở tỉnh Bình Định

Liên quan đến các di tích, nhân vật ở tỉnh Bình Định từ xưa đến nay có nhiều giai thoại/ chuyện kể phản ánh, đề cập đến. Tiêu biểu như: Hòn Vọng phu, Đàm Đàm Thủy/ Nước Ngọt, Trông Mây, cầu Bà Di, đền Tể Trời của ba anh em Tây Sơn, Nguyễn Nhạc đánh thành Quy Nhơn, nơi gặp gỡ và chia tay của Nguyễn Sinh Sắc và Nguyễn Tất Thành,... Trong bài viết này, chúng tôi trình bày, phân tích và giải mã giai thoại về **đàm Đàm Thủy/ Nước ngọt**.

Đàm Đàm Thủy còn gọi là đầm Nước Ngọt, nằm một nửa ở Phù Mỹ, một nửa ở Phù Cát, có hình chữ nhật cạnh hơi đều. Bề ngang từ tây xuống đông trên dưới 3km. Bề dài từ bắc vào nam chừng 6 km. Núi Lạc Phụng của Phù Mỹ làm cánh cửa phía bắc. Núi Bô Chinh tức núi Bà của Phù Cát làm cánh phía nam. Tây là lưu vực sông La Tinh và các con sông nhỏ. Phía đông là động Bạch Sa từ Tân Phụng đến Vĩnh Lợi. Đầm đón nước sông La Tinh và các khe suối ở Lạc Phụng, Bô Chinh chảy vào, rồi chảy ra biển qua cửa Đề Gi.

Gọi là đầm Nước Ngọt, nhưng nước đầm không được như vậy. Bằng chứng cụ thể là ở quanh đầm, ba mặt Bắc - Tây - Nam có bảy thôn lấy nước đầm làm

muối, kể từ nam ra bắc là: Thạch An, Đức Phổ, An Xuyên, An Hoan, Hưng Lạc và Xuân Cảnh. Danh thực thật khác nhau xa. Nhưng chẳng phải riêng gì đầm mới có sự trái ngược. Ở Hoài Nhơn có con suối chảy từ Phụng Du xuống sông Tam Quan. Trên suối, cách Quốc lộ 1A chừng 300 thước về phía tây có một cái cầu. Nước dưới cầu vẫn là nước ngọt. Nhưng cầu lại mang tên là cầu Nước Mặn. Dựa vào chỗ danh không đi đôi với thực, nên bạn gái thường hát đố bạn trai:

Tiếng đồn chàng hay chữ/ Tài ngang tú cử/ Lại đây em hỏi thử đôi câu:

Ngọt ngay nước chảy dưới cầu/ Gọi “cầu Nước Mặn” có bởi đâu hỏi chàng?

Lâm vào thế bí, bên trai bèn mượn đầm Nước Ngọt mà gỡ:

Thật thà là thói hồng nhan/ Ăn xuôi nói ngược thế gian lạ gì!

Mặn chẳng nước vũng Đề Gi/ Gọi đầm Nước Ngọt lẽ gì hỏi em?

Chàng không đáp được, nàng cũng không đáp được, thành huê cả làng.

Có người cho biết rằng: Xưa kia nước biển lên đến vùng Phụng Du, theo sông Tam Quan những khi thủy triều lớn. Sau cửa sông và lòng sông bị bồi cạn, nước mặn không lên được nữa, lớp đất trên trôi hết muối, không còn ảnh hưởng đến nước nguồn, nhưng nếu đào nơi vùng cầu, sâu xuống chừng vài mét thì có mặn ngay. Có người lại bảo: Gần đó có mỏ calcium hay sodium nên nước chịu ảnh hưởng, chớ không phải do nước biển ngày xưa còn đọng ở dưới lớp đất sâu.

Chưa biết bên nào phải, vì chưa ai thí nghiệm. Còn về đầm Đạm Thủy/ Nước Ngọt thì nghe truyền rằng: Năm Giáp Ngọ (1774) chúa Nguyễn là Định Vương bị họ Trịnh ở mặt Bắc, nhà Tây Sơn ở mặt Nam đánh mạnh, liệu không chống nổi, bèn cùng cháu là Nguyễn Phúc Ánh xuống thuyền chạy vào Gia Định. Vội vã không kịp trữ nước uống. Nửa đường Định Vương cùng đoàn tùy tùng đều bị khát. Thuyền ghé vào động Bạch Sa, nhưng tứ bề đều nước mặn. Vào xóm sợ quân của Tây Sơn bắt gặp, Nguyễn Ánh bèn ngửa mặt lên trời mà khẩn rằng: “*Nếu Hoàng Thiên chưa dứt nhà Nguyễn thì xin ban cho nước ngọt*”. Đoạn truyền đào cát thành lỗ: ai nấy đều hết sức vui mừng vì toàn là nước ngọt¹². Do đó, đầm mới có tên là đầm Đạm Thủy/ Nước Ngọt.

Đầm Nước Ngọt có rất nhiều cá, nhiều hơn tất cả các đầm. Cá cũng ngon hơn cá các đầm và ngon nhất là cá làm gỏi. Đến Đề Gi mà không ăn gỏi thì cũng như đến Thủ Đức mà không ăn nem, vào Nha Trang không ăn hải sản cước cá. Đó là

¹² Ở Bình Định thì chuyện kể như thế. Còn ở các nơi thì truyền rằng: Nguyễn Ánh được nước ngọt ở giữa biển. Không có gì lạ nếu biết rằng dưới biển vẫn có dòng nước ngọt chảy. Nơi mà Nguyễn Ánh đào giếng hiện còn dấu vết, tục gọi là giếng Bền ở dưới chân Hòn Lang.

hương vị đặc biệt của đầm Nước Ngọt mà người dân Đề Gi đã có công quảng cáo, cho nên đầm Nước Ngọt cũng gọi là vũng Đề Gi¹³.

Qua nghiên cứu các giai thoại, chúng tôi cho rằng, *xét về hàm lượng sự thật có trong giai thoại thì thời gian và địa điểm xuất hiện của nhân vật trong giai thoại là thật*. Nhưng những yếu tố ly kì, thần bí xuất hiện trong giai thoại chỉ là hư cấu. Tuy nhiên, không phải tất cả các giai thoại đều có yếu tố hư cấu trong nó. Đối với *Giai thoại về Đầm Đạm Thủy*, nếu như chuyện là có thật thì cũng không có gì lạ, không có gì là huyền bí, linh thiêng cả.

Xét về mặt khoa học, ở những nơi có vị trí cao hơn mực nước biển thì vẫn có dòng nước ngọt từ trên cao xuống, nếu chúng ta đào xung quanh, cách mé nước chừng vài mét thì sẽ có nước ngọt để uống. Đặc điểm ấy không phải chỉ đầm Đạm Thủy/ Nước Ngọt mới có, mà ở một số nơi của tỉnh Bình Định như Nhơn Châu, Phương Mai, Quy Nhơn,... người ta cũng đào giếng nơi bãi cát ở mé biển để lấy nước ngọt. Hiện nay, những giếng ấy vẫn còn. Điều đó chứng tỏ được sự thông minh, tài năng của Nguyễn Ánh chứ không phải là dựa vào một thế lực siêu nhiên, huyền bí nào đó. Cũng chính ông biết lợi dụng yếu tố tâm linh của người Việt để truyền ra giai thoại như thế, nhằm nhận được sự ủng hộ của nhân dân.

KẾT LUẬN

Lịch sử là cái đã xảy ra, không “lắp lại”, cho nên việc nghiên cứu, khôi phục bức tranh lịch sử không hề đơn giản. Lịch sử là một khoa học, cho nên việc trình bày lịch sử phải tuân thủ phương pháp sử học; phải tiến hành thu thập, phân tích, đánh giá, phê phán các nguồn sử liệu để làm sáng tỏ sự thật lịch sử. Tuyệt đối không được “đồng nhất” lịch sử với sử liệu, đặc biệt là nguồn sử liệu dân gian, trong đó có giai thoại/ chuyện kể lịch sử.

Đối với những người làm công tác nghiên cứu, quảng bá lịch sử phục vụ phát triển du lịch ở tỉnh Bình Định cần phải hết sức thận trọng khi sử dụng các nguồn sử liệu, trong đó có giai thoại/ chuyện kể lịch sử. Về mặt quản lý nhà nước, các ban ngành liên quan; một mặt, cần tổ chức biên soạn, thẩm định các công trình liên quan đến di tích lịch sử - văn hóa ở địa phương; mặt khác, cần coi trọng việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ hướng dẫn viên du lịch chuyên nghiệp, chất lượng. Nếu làm tốt những việc trên sẽ phát huy tối đa giá trị của các di tích lịch sử - văn hóa

¹³ Quách Tấn (2005), *Báo Bình Định*, số đăng ngày 12/5/2005. Tương tự như vậy, có những giai thoại/ chuyện kể ở các địa phương khác về việc Nguyễn Ánh thoát chết nhờ thiên nhiên như: Khi bị quân Tây Sơn vây ở Côn Lôn, thì bất ngờ bão ập tới, thuyền bị đắm, quân Tây Sơn chết đến quá nửa, buộc phải quay về. Nhờ đó mà Nguyễn Ánh thoát được vòng vây. Tất nhiên khi thoát khỏi sự truy đuổi thì quân của Nguyễn Ánh cũng chẳng còn được là bao.

địa phương, góp phần quảng bá, phát triển ngành kinh tế du lịch của tỉnh Bình Định trong hiện tại và tương lai.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Lê Minh Châu (2016), *Hồn Sử Việt, Những giai thoại và truyền thuyết nổi tiếng*, NXB Thanh Hóa, Huế.
- [2] Trần Trọng Kim (2012), *Việt Nam sử lược*, NXB Văn học, Hà Nội.
- [3] Phan Ngọc Liên (2009), *Phương pháp luận sử học*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [4] Quách Tấn, *Báo Bình Định*, số ra ngày 12/5/2005.
- [5] Hà Văn Tấn (1990), *Triết học lịch sử hiện đại* (Tập bài giảng), Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội.
- [6] Nguyễn Khắc Thuần (2003), *Việt sử giai thoại tập 2* (tái bản lần thứ 8), NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [7] Tạ Chí Đại Trường (1973), *Lịch sử nội chiến Việt Nam từ 1771-1973* (tái bản năm 2010), NXB Tri thức, Thành phố Hồ Chí Minh.
- [8] <https://vi.wikipedia.org/wiki/Giai-toai/>
- [9] <https://phebinhvanhoc.com.vn/khai-niem-giai-toai/>

KHAI THÁC CÂU CHUYỆN LỊCH SỬ THÀNH HOÀNG ĐẾ PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN DU LỊCH VÀ GIÁO DỤC CỘNG ĐỒNG TỈNH BÌNH ĐỊNH

*TS. Nguyễn Doãn Thuận, TS. Nguyễn Công Thành,
PGS.TS. Nguyễn Thị Thanh Hương, ThS. Lê Văn Hân¹⁴*

Bình Định là tỉnh có hệ thống di sản văn hóa khá phong phú, với nhiều di sản có giá trị, mang tầm vóc quốc gia. Trong đó, có những di sản được bảo tồn, phát huy tốt giá trị, phục vụ hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội. Bên cạnh đó, còn có những di sản chưa được quan tâm khai thác và phát huy giá trị. Thành Hoàng Đế có thể xem là một trường hợp như vậy. Nội dung bài tham luận làm rõ tiềm năng, thực trạng sử dụng câu chuyện lịch sử gắn với di sản Thành Hoàng Đế, đồng thời đề xuất một số giải pháp nhằm khai thác có hiệu quả câu chuyện lịch sử Thành Hoàng Đế phục vụ phát triển du lịch và giáo dục cộng đồng tỉnh Bình Định.

1. Khái quát về di sản văn hóa Thành Hoàng Đế

Thành Hoàng Đế nay thuộc địa phận xã Nhơn Hậu và phường Đập Đá thị xã An Nhơn tỉnh Bình Định. Đây là một di sản văn hóa tồn tại lâu đời, chứa đựng nhiều giá trị lịch sử qua các thời kỳ. Thành Hoàng Đế gắn liền với Phong trào Tây Sơn thế kỷ XVIII. Theo các nguồn sử liệu, thành được xây dựng trên tòa thành Đồ Bàn (còn gọi là Chà Bàn, Xà Bàn...), vốn là kinh đô của vương quốc Champa trong nhiều thế kỷ. Năm 1776, Nguyễn Nhạc cho đắp sửa thành Đồ Bàn, xưng là Tây Sơn vương. Đến năm 1778, Thành Đồ Bàn được tu sửa xong, Nguyễn Nhạc cho đổi tên là thành Hoàng Đế. Từ đây, Thành Hoàng Đế đóng vai trò là kinh đô của vương triều Tây Sơn thời Thái Đức (1778-1793). Khi triều Nguyễn được thành lập (1802), Thành Hoàng Đế (thành Bình Định¹⁵) đóng vai trò là lỵ sở của Bình Định dinh (trấn) đến năm 1808. Năm 1808, Gia Long phá bỏ thành Bình Định, dời lỵ sở Bình Định trấn đến thôn Kim Châu và An Nghĩa, xã Tân An, huyện Tuy Viễn (nay thuộc phường Bình Định, thị xã An Nhơn) và xây dựng thành mới, cũng lấy tên là thành Bình Định.

Thành Hoàng Đế còn chứa đựng nhiều giá trị văn hóa đan xen, từ văn hóa Champa, những dấu ấn văn hóa thời Tây Sơn và thời Nguyễn, đồng thời có cả những giá trị văn hóa thời kỳ cận - hiện đại. Kể từ năm 1808, những công trình kiến trúc, tường thành và nhiều giá trị văn hóa khác của Thành Hoàng Đế bị hủy

¹⁴ Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Quy Nhơn.

¹⁵ Năm 1799, sau khi tạm chiếm lại Thành Hoàng Đế, Nguyễn Ánh cho đổi tên là Thành Bình Định.

hoại, phá bỏ. Đến nay, những dấu ấn của văn hóa Champa còn lại khá rõ như: hai voi đá, ba con sư tử đá, tháp Cánh Tiên, giếng Chăm... Thế nhưng những dấu ấn văn hóa thời Tây Sơn chủ yếu còn lại dưới lòng đất, di tích khảo cổ và trong các nguồn sử liệu. Mộ võ Tánh, khuôn viên khu lăng mộ Võ Tánh, cổng vào, nhà bia (Chiêu trung từ) là những dấu ấn văn hóa thời Nguyễn và thời kỳ cận - hiện đại.

Mặc dù, những dấu ấn văn hóa hiện hữu không nhiều, nhưng giá trị văn hóa và lịch sử của Thành Hoàng Đế vô cùng quan trọng. Thành Hoàng Đế là di tích lịch sử có ảnh hưởng quan trọng đối với tiến trình lịch sử dân tộc. Hơn nữa, đây là một di sản có kiến trúc đặc biệt gắn với các triều đại của vương quốc Champa và triều đại Tây Sơn. Vì vậy, năm 1982, Nhà nước xếp hạng Thành Hoàng Đế là di tích lịch sử cấp quốc gia. Trải qua nhiều biến động lịch sử cùng với những thăng trầm của thời gian, Thành Hoàng Đế - một thời hào hùng hiện tại đang đứng trước nhiều thách thức.

2. Những câu chuyện lịch sử gắn với di sản văn hóa Thành Hoàng Đế

Gắn liền với di sản văn hóa Thành Hoàng Đế là hệ thống câu chuyện lịch sử khá phong phú. Có những câu chuyện dựa trên các sự kiện, nhân vật lịch sử có thật được các học giả hư cấu, bổ sung. Cũng có nhiều câu chuyện được sử sách ghi lại, phản ánh tương đối trung thực các sự kiện, nhân vật lịch sử ở thành Hoàng Đế. Thậm chí có cả những câu chuyện mang tính huyền bí, truyền miệng dân gian chưa được chứng thực trong các sử liệu. Trong khuôn khổ của một bài tham luận, nhóm tác giả không có điều kiện hệ thống toàn bộ câu chuyện lịch sử gắn với di sản văn hóa Thành Hoàng Đế, mà chỉ lược thuật một số câu chuyện có giá trị trong phát triển du lịch và giáo dục cộng đồng.

- ***Chuyện Huyền Trân Công chúa - cuộc hôn nhân chính trị***: Huyền Trân Công chúa sinh năm 1287, là con gái của vua Trần Nhân Tông, em gái vua Trần Anh Tông. Câu chuyện tình gây nhiều tranh cãi của Huyền Trân gắn liền với cuộc hôn nhân giữa cô và vị vua Chiêm Thành là Chế Mân. Năm 1293, vua Nhân Tông quyết định truyền ngôi lại cho Thái tử Trần Thuyên, anh trai của Huyền Trân. Trần Thuyên lên ngôi vua, tức Trần Anh Tông, Trần Nhân Tông lui về giữ chức là Thái thượng hoàng.

Năm 1301, Thái thượng hoàng Trần Nhân Tông thăm Chiêm Thành, sau chuyến thăm 9 tháng, Thái thượng hoàng Trần Nhân Tông đã hứa gả công chúa

Huyền Trân cho Chế Mân với sính lễ là Champa nhượng lại hai châu Ô-Lý¹⁶ cho Đại Việt như một minh chứng cho sự kết giao giữa Đại Việt và Champa.

Năm 1305, Chiêm Thành sai Chế Bô Đài và bộ đảng hơn trăm người dâng hiến vàng bạc, hương quý, vật lạ làm lễ vật cầu hôn. Các quan trong triều đều cho là không nên, duy có Văn Túc Vương Đạo Tái chủ trương bàn việc đó, Trần Khắc Chung tán thành, việc bàn mới quyết. Năm 1306, chính thức gả công chúa Huyền Trân cho chúa của Chiêm Thành là Chế Mân¹⁷. Người ta nói rằng, “trong khi cả triều đình hân hoan trong bữa đại tiệc thì Công chúa Huyền Trân lại không giấu được đôi mắt buồn rười rượi như có một niềm tâm sự không biết nói cùng ai”, “Huyền Trân đã khóc suốt dọc đường từ đèo Hải Vân tới kinh thành vương quốc Chiêm Thành”¹⁸.

Tuy bị khá nhiều người phản đối, chế diều, song đây là cuộc hôn nhân có ý nghĩa cực kỳ quan trọng. Vào thời điểm này, cả Champa và Đại Việt đều phải đương đầu với quân xâm lược Mông - Nguyên, trước tình thế này, cả Champa và Đại Việt cần phải ngoại giao hòa giải, liên kết với nhau để phục hồi và tập trung xây dựng đất nước. Có thể nói cuộc hôn nhân giữa công chúa Huyền Trân và Chế Mân là cuộc hôn nhân mang tính ngoại giao giữa hai nước cạnh nhau, trước tình thế cùng chung giặc ngoài xâm chiếm. Đối với Đại Việt còn được thêm một vùng đất rộng lớn sáp nhập và lãnh thổ.

Sống tại Thành Đồ Bàn khoảng gần 01 năm, hoàng hậu Huyền Trân sinh được thế tử Đa Đa. Tháng 6/1307, Chế Mân chết. Theo tục lệ của Chiêm Thành, chúa chết thì Bà hậu của chúa phải vào giàn thiêu chết theo. Vua biết thế, tháng 11/1307, sai Trần Khắc Chung, Đặng Văn sang Chiêm Thành tìm cách đón công chúa Huyền Trân và thế tử Đa Đa về. Mượn cơ sang viếng, và nói với người Chiêm rằng: “nếu công chúa hỏa táng thì việc làm chay không có người chủ trương, chi bằng ra bờ biển chiêu hồn ở ven trời, đón linh hồn cùng về, rồi sẽ vào giàn thiêu”. Người Chăm nghe theo, Khắc Chung dùng thuyền nhẹ cướp lấy công chúa đem về, đường biển đi loanh quanh chậm chạp, lâu ngày mới về đến kinh đô¹⁹. Những ghi chép về câu chuyện công chúa Huyền Trân gả cho Chế Mân được ghi lại trong “*Đại Việt sử ký toàn thư*” đã được các học giả phân tích, bàn luận dưới nhiều góc độ, trong đó nhiều ý kiến phủ nhận hoặc đặt vấn đề nghi vấn: liệu

¹⁶ Châu Ô và Châu Lý, tương ứng với phần đất từ huyện Gio Linh (tỉnh Quảng Trị) đến huyện Duy Xuyên (tỉnh Quảng Nam) ngày nay.

¹⁷ *Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập II, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2004, tr.95-96.

¹⁸ *Những công chúa nổi tiếng của các triều đại Việt Nam*, Nxb Thời đại, 2014, tr.128-131.

¹⁹ *Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập II, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2004, tr.97-98.

công chúa Huyền Trân có được lập Hậu? Liệu có phải Trần Khắc Chung “cướp” công chúa Huyền Trân? Liệu có phải Trần Khắc Chung tư thông với Huyền Trân? Dù còn nhiều tranh cãi, song công chúa Huyền Trân xứng đáng là vị “sứ giả” của tình hoà bình và hữu nghị phát triển của hai quốc gia, tăng cường sự bang giao, hữu hảo giữa Champa và Đại Việt. Thành Đồ Bàn là nơi chứng kiến những đóng góp và vai trò của Huyền Trân trong mối quan hệ giữa Đại Việt và Champa .

- **Chuyện Đánh chiếm phủ thành Quy Nhơn- “Khổ nhục kế” của Nguyễn Nhạc:** Thành Hoàng Đế hình thành là kết quả của cuộc khởi nghĩa Tây Sơn, việc đánh phủ thành Quy Nhơn, làm chủ hoàn toàn phủ Quy Nhơn là điều kiện thiết yếu để Nguyễn Nhạc có thể chọn Thành Đồ Bàn làm nơi định đô. Vì vậy phủ thành Quy Nhơn có mối quan hệ mật thiết với Thành Hoàng Đế. Việc đánh phủ thành Quy Nhơn giành thắng lợi, thể hiện vai trò, đóng góp của Nguyễn Nhạc đối với sự nghiệp của nhà Tây Sơn.

Phủ thành Quy Nhơn là phủ lỵ của phủ Quy Nhơn, nay thuộc khu vực Châu Thành phường Nhơn Thành, thị xã An Nhơn, Bình Định. Những di tích hiện còn cho thấy chính quyền chúa Nguyễn đã cho đắp một thành đất²⁰ hình chữ nhật chiều dài 100m, chiều rộng 65m, diện tích khoảng 7000m². Chỗ cao nhất của đoạn bờ thành còn lại cao 1,6m, rộng 2m²¹. Phủ Thành Quy Nhơn có vị trí chiến lược quan trọng, là sở chỉ huy, trung tâm chính trị và quân sự của chúa Nguyễn ở phủ Quy Nhơn. Vì thế chiếm được phủ thành Quy Nhơn sẽ làm chủ được toàn bộ phủ Quy Nhơn, làm chỗ đứng chân vững chắc từ đó tiến đánh các phủ xung quanh. Vì vậy cả quân Tây Sơn và chính quyền họ Nguyễn đều muốn chiếm giữ vị trí trọng yếu này. Trước những thất bại liên tiếp khi đối đầu với lực lượng Tây Sơn, tuần phủ Nguyễn Khắc Tuyên báo cáo tình hình về kinh đô Phú Xuân xin tăng cường phòng thủ phủ thành Quy Nhơn. Vì vậy tiến đánh phủ thành Quy Nhơn không hề dễ. Quân Tây Sơn đề ra mục tiêu tiến đánh phủ thành Quy Nhơn với sự tính toán cẩn thận và sự chuẩn bị chu đáo. Sau nhiều ngày vây hãm nhưng không hạ được phủ thành, Nguyễn Nhạc đã chuyển sang thực hiện kế sách “khổ nhục kế”, “nội công ngoại kích”.

Sách “*Đại Việt sử ký tục biên*” chép: tháng 6 năm Quý Ty (1773), Nhạc vốn dừng cảm, tự chui vào xe cũi, sai thủ hạ chuyển đệ lên quan nói rằng: “Bắt được biện Nhạc đem nộp để lấy thưởng”. Tướng giữ Quy Nhơn mừng lắm, nhận ngay.

²⁰ Theo Quách Tấn, Quách Giao, *Nhà Tây Sơn*, Nxb trẻ, TP.Hồ Chí Minh, 2000, tr.38: Thành Quy Nhơn được xây bằng đá ong, trên một giải gò cao, xung quanh có hào sâu bao bọc.

²¹ Vũ Minh Giang, *Bình Định danh thắng và di tích*, Sở Văn hóa thông tin Bình Định, 2002, tr.122.

Đêm đến Nhạc cùng thủ hạ phá cũi ra giết lính canh ngục, thả tù ra, bắt viên tướng Trần thủ (tức Tuần phủ Nguyễn Khắc Tuyên) ở đó giết đi. Rồi giữ thành ấy xua dân làm lính²². Sách “*Hoàng Lê Nhất thống chí*” cũng chép: “Một hôm, Biện Nhạc tự ngồi vào trong cũi, cho bọn tay chân khiêng đi loan báo ở dọc đường đã bắt được chúa Tây Sơn, tức Biện Nhạc, xin đưa đến dinh trấn để trình nộp. Viên Trấn tổng mừng lắm, mở cửa cho vào rồi đem giam ở trong ngục. Đêm ấy, Biện Nhạc phá cửa xông ra cướp lấy thanh gươm của tên lính canh gác chém chết hắn rồi phóng hoả đốt luôn dinh trấn và chiếm lấy thành”²³. Sách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* chép tương tự: Văn Nhạc là người nhiều cơ mưu trí tuệ. Một hôm tự ngồi vào trong cũi, rồi sau đó đảng luân chuyển đi báo rằng: “bắt được văn Nhạc đem nộp trấn doanh”. Viên tướng giữ trấn không ngờ là sự trí trá, bèn mở cửa thu nhận. Đêm hôm ấy đồ đảng giặc lên đến ngoài thành, Nhạc liền phá cũi mà ra, mở toang cửa thành đốt doanh trại, giết tướng giữ trấn, bèn chiếm cứ thành Quy Nhơn²⁴.

Nhờ vậy, đến tháng 9/1773, nghĩa quân Tây Sơn đã chiếm được phủ thành Quy Nhơn, thắng lợi đó gắn liền với vai trò quan trọng của Nguyễn Nhạc. Đây là chiến thắng lớn đầu tiên của nghĩa quân Tây Sơn từ khi phát động khởi nghĩa.

- **Chuyện Hoàng đế Thái Đức tiếp sứ giả người Anh:** Năm 1778, để thông thương buôn bán, đoàn sứ giả người Anh đứng đầu là Chapman đã đến Thành Hoàng Đế triều kiến Hoàng đế Thái Đức. Trong cuộc triều kiến này, Chapman đã tường thuật khá chi tiết về Thành Hoàng Đế, cung điện trong thành. Có thể lược kể nội dung cuộc triều kiến như sau: Thái Đức ngồi trên chiếc ghế (đặt trên chiếc ngai) tựa sơn son, chạm đầu rồng mạ vàng, mặc áo lụa thụng màu vàng sẫm, thêu rồng và những hình thù khác bằng sợi vàng... Đoàn sứ giả không sụp lạy ban lân trán chạm đất, mà chỉ cúi chào theo kiểu Anh ba lần.

Thông qua phiên dịch, Chapman tự giới thiệu là đầy tớ của chính quyền Anh tại Bengal (Ấn Độ), được ủy quyền để thiết lập mối quan hệ thương mại và hữu nghị với cư dân Đàng Trong. Thái Đức đáp, từng nghe sức mạnh tàu thuyền, chiến tích trên biển của người Anh. Đó là thế mạnh, nhưng cũng được tin họ sẽ tấn công, cướp bóc mọi tàu bè đi ngang qua. Thái Đức sẵn lòng cho người Anh được buôn bán tại cảng của “ngài” và hy vọng đôi lại không được xâm phạm tàu thuyền, bất kỳ phương tiện nào của “ngài”. Chapman trả lời thông tin về sức mạnh trên biển

²² *Dại Việt sử ký tục biên (1676-1789)*, Nxb Hồng Bàng, Gia Lai, 2012, tr. 349.

²³ Ngô Gia Văn Phái, *Hoàng Lê nhất thống chí*, Nxb Văn học, Hà Nội, 2012, tr.78.

²⁴ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, tập 2, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2007, tr. 720.

của người Anh là đúng, còn thông tin kia là không đúng và đến từ những kẻ ganh ghét với Anh.

Sau đó, Thái Đức cho phép người Anh có thể tới buôn bán, theo những điều khoản đã áp dụng với người Bồ Đào Nha (tặng phẩm, phí thả neo và những khoản phí không được xác định rõ ràng khác). Chapman đề xuất người Anh sẽ trả một khoản tiền cố định dưới dạng thuế hay hình thức khác. Sau khi cân nhắc, Thái Đức đề nghị, tất cả tàu có 03 cột buồm sẽ phải trả 10.000 quan (5 quan bằng 01 đô la Tây Ban Nha) để đổi lại sẽ được buôn bán suốt 01 mùa tại Đàng Trong; tàu 2 cột buồm 7.000, tàu nhỏ hơn 4.000 quan. Sau đàm đạo, cả hai bên thống nhất mức thuế là 7.000, 4.000, 2.000 quan cho các loại tàu.

Sau khi bãi triều, Thái Đức muốn gặp và trao đổi thêm với Chapman tại tư dinh. Tại tư dinh, Thái Đức ngỏ ý muốn sự giúp đỡ của Anh Quốc để làm chủ hoàn toàn vùng đất Đàng Trong (kể cả vùng đất Đàng Trong đang do người Đàng Ngoài nắm giữ²⁵). Đổi lại, thuyền Anh được tự do buôn bán, được miễn thuế, được các ưu đãi khác. Đồng thời sẽ “ban đất cho người Anh để định cư nếu muốn”. Sau đó Thái Đức đã cấp thư cho phái đoàn người Anh, trong đó: cấp giấy phép thương thuyền Anh tự do buôn bán; điều kiện tàu Anh tới buôn bán và mong muốn, Anh sẽ cử người tới giúp về “kỹ nghệ quân sự”²⁶.

Cuộc gặp gỡ này, không chỉ khẳng định vùng đất làm chủ, “tham vọng” của Thái Đức, mà còn là minh chứng quan trọng, khẳng định sự hình thành, chức năng ngoại giao của vương triều Thái Đức thời Tây Sơn.

- Chuyện các thủ lĩnh Tây Sơn bất hòa, chiến trận tại Thành Hoàng Đế:

Năm 1786, sau khi Bắc Hà (Đàng Ngoài) trở về, Nguyễn Huệ đóng giữ tại Phú Xuân, Thái Đức lui về Quy Nhơn. Từ sau sự kiện này, giữa Nguyễn Huệ và Thái Đức xảy ra mâu thuẫn, mâu thuẫn này đã ảnh hưởng tiêu cực đến sự nghiệp của nhà Tây Sơn.

Về nguyên nhân mâu thuẫn, sử sách ghi chép không giống nhau. Marcel Gaultier và sách “*Lê Quý dật sử*” đều cho rằng vì tranh giành tiền của (từ các cuộc chinh phạt)²⁷. Theo “*Đại nam thực lục*” cho rằng mâu thuẫn xuất phát từ việc tranh nhau tài sắc: “Nguyễn Văn Nhạc nghe tin Huệ đã diệt Trịnh rồi, ngờ là phản mình, bèn dẫn quân đi gấp đường theo ra, cướp hết của cải châu báu rồi đem nhau cùng

²⁵ Tức vùng đất từ sông Gianh (tỉnh Quảng Bình) đến đèo Hải Vân (giáp ranh giữa tỉnh Thừa Thiên Huế và thành phố Đà Nẵng ngày nay).

²⁶ Alastair Lamb, *Con đường Thiên Lý - Hành trình kỳ lạ của các sứ bộ Anh Quốc tới Việt Nam thế kỷ 17 - 19*, Đinh Tuấn Nghĩa dịch, Nxb Hội nhà văn, 2022, tr.154-159.

²⁷ Marcel Gaultier, *Vua Gia Long*, Đỗ Hữu Thanh dịch, Nxb Thế giới, Hà Nội, 2020, tr.85-86; Bùi Dương Lịch. *Lê quý dật sử*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1987, tr.50.

về. Bắc Hà rối loạn, không ai là không nghiêng rãng với Chính. Trận này anh em Tây Sơn tranh nhau vì tài và sắc, bởi thế sinh ra ác cảm với nhau”²⁸.

Sách “*Đại Nam liệt truyện*” ghi chép khá chi tiết về sự kiện này: “Nhạc đã đắc chí, ngày càng dâm ô, bạo ngược, giết Nguyễn Thung, lại thông dâm với vợ Huệ, người đều chê là xấu. Việc đi xâm lấn miền Bắc, của báu ở phủ chúa Trịnh, về cả tay Huệ, Nhạc đòi không cho, Huệ muốn lấy cả đất Quảng Nam, Nhạc cũng không cho, mới thành ra thù hiềm khích nhau. Huệ bèn truyền hịch kể tội ác của Nhạc, đến nỗi bảo Nhạc là giống sài lang chó lợn. Hịch văn có câu rằng: “Tội không gì lớn hơn là giết vua”, sao có thể một sớm khinh suất can không nghe thì đổi ngôi, thực quan hệ đến sự yên nguy muôn đời”.

Tờ hịch ấy là ngụy lại bộ Hồ Đông làm ra. Nhạc xem thấy cả giận, bèn sửa quân đánh nhau, Huệ tự cậy là thế lớn, dẫn quân đánh thẳng vào Quy Nhơn bao vây vài tháng. Nhạc đóng chặt thành tự giữ. Huệ đắp núi đất đặt súng lên để bắn, đạn rơi vào trong thành lớn như cái đầu, Nhạc sai người nhặt lấy, khóc và tố cáo ở ngay miếu. Tướng của Nhạc là Đặng Văn Chấn (có tên là Trán) từ Gia Định về viện trợ, đi đến Phú Yên, bị Huệ bắt được. Nhạc bèn ở trên thành gọi Huệ bảo rằng: “Nồi da nấu thịt lòng em sao nở thế”. Cùng hướng vào nhau khóc rống lên hồi lâu, rồi đều giải quân giảng hoà, lấy Bản Tân làm giới hạn, từ Quảng Ngãi trở vào Nam thì Nhạc làm chủ; từ phủ Thăng, phủ Điện trở ra Bắc, thì Huệ làm chủ; đó là mưu kế của người bề tôi yêu của Huệ là Trần Văn Kỷ bày ra. Nhạc đã cùng Huệ có hiềm khích, từ đây ở trong cùng phòng bị nhau, không kịp nhòm đến miền Nam nữa²⁹.

Câu chuyện trên đây được ghi chép bởi những sử gia có tư tưởng không ủng hộ nhà Tây Sơn, vì vậy, có nhiều chi tiết cần phải bàn luận và xác thực. Tuy nhiên mâu thuẫn giữa anh em Tây Sơn là có thật vì nó được phản ánh qua nhiều nguồn tư liệu. Đây cũng là một yếu tố cắt nghĩa sự thất bại của nhà Tây Sơn trước lực lượng Nguyễn Ánh. Vì thế, bài học về sự đoàn kết luôn giữ vai trò quan trọng trong giáo dục lịch sử.

- *Chuyện Đại chiến Thành Hoàng Đế (Thành Bình Định): Võ Tánh, Ngô Tòng Châu tự vẫn.*

Năm 1799, quân Nguyễn Ánh tạm chiếm Thành Hoàng Đế, đổi tên là Thành Bình Định, cử tướng Võ Tánh, Ngô Tòng Chu ở lại giữ thành. Năm 1800, Trần Quang Diệu và Võ Văn Dũng chỉ huy quân từ Phú Xuân tiến vào bao vây hạ

²⁸ Quốc sử quán triều Nguyễn. *Đại Nam thực lục*, tập 1, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2007, tr.226.

²⁹ Quốc sử quán triều Nguyễn. *Đại Nam liệt truyện*, tập 1& 2, Nxb Thuận Hóa, Thừa Thiên Huế, 2014, tr.538-539.

Thành Bình Định, nhưng không hạ được thành. Nguyễn Ánh cho quân tiến đánh, để giải vây Thành Bình Định, ngay cả hải chiến Thị Nại (1801), quân Nguyễn Ánh giành thắng lợi nhưng cũng không thể giải vây cho Thành Bình Định. Thành Bình Định bị vây lâu hết lương. Võ Tánh và Ngô Tông Chu đều chết.

Sách “*Đại Nam thực lục*” chép: Trước là quân “giặc”³⁰ vây thành, Tánh tùy phương chống đỡ, quân lệnh nghiêm minh, xếp đặt chỉnh đốn, được tướng sĩ liều chết để đánh, lớn nhỏ hơn vài chục trận, chưa từng bị nhụt chút nào. Có người khuyên Tánh phá vòng vây mà ra³¹. Tánh không nghe nói rằng: “Ta vâng mệnh giữ thành, phải cùng còn mất với thành, nay bỏ thành mà cầu lấy sống thì còn mặt mũi nào nhìn thấy chúa thượng³² nữa!”. Đến đây lương hết, phải giết voi ngựa để ăn mà người ta vẫn không có lòng phản. Tánh lo thành bị hãm quân lính không khỏi tổn thương nhiều. Bèn sai các quân lấy củi khô chất quanh dưới lầu Bát giác. Một buổi sớm Tông Chu đến hỏi kế thì Tánh trở vào lầu bát giác mà nói rằng: “Đây là kế của tôi!”. Nhân bảo Tông Chu rằng: “Tôi làm chủ tướng, nghĩa không thể cùng sống với giặc. Ông là văn thần, quân địch tất không hại đâu, nên tính cách tự toàn”. Tông Chu cười nói rằng: “Cứ gì văn hay võ, lòng trung cũng là một thôi. Tướng quân biết chết theo nạn nước, Chu này không biết làm tôi chết với trung sao?”. Thế rồi trở về mặc mũ áo, hướng về cửa khuyết bái vọng rồi uống thuốc độc mà chết. Tánh ngậm ngùi than rằng: “Ngô quân đã hơn ta một nước rồi!”. Tức thì tới thăm và khâm liệm tống táng. Xong rồi kịp gửi thư cho Diệu³³ nói: “Tướng quân nghĩa phải chết là việc của ta, quân sĩ không có tội gì, không nên giết hại”. Bèn lấy thuốc súng bỏ vào lầu bát giác, mặc triều phục lên trên lầu, gọi các tướng bảo rằng: “Ta từ khi phụng mệnh giữ thành này, giặc Tây Sơn đem lực lượng cả nước vây đánh bốn mặt, đã hai năm nay, thực nhờ tướng sĩ đồng tâm nên giữ vững được thành mà chống giặc. Nay lương hết sức kiệt, giữ không thể được nữa mà đánh cũng vô ích, nên ta chết, kéo để tướng sĩ khổ mãi”. Các tướng và quân lính đều rạp xuống đất kêu khóc. Tánh vẫy lùi ra. Bèn phóng lửa tự đốt. Cai cơ quản đạo ứng nghĩa là Nguyễn Tiến Huyền cũng gieo mình vào lửa để chết³⁴.

- **Chuyện Liệt nữ Nguyễn Thị Hảo:** Nguyễn Thị Hảo không rõ quê quán, là vợ của tri bạ Phan Văn Hán, đầu đời Trung Hưng, thành Bình Định (tức thành Hoàng Đế) bị vây, Thị Hảo ở trong thành, Hoài quốc công Võ Tánh sai thị đem tờ

³⁰ “Giặc”: chỉ quân Tây Sơn.

³¹ Thực chất, Võ Tánh đã nhiều lần cho quân đánh phá vòng vây quân Tây Sơn, nhưng thất bại.

³² “Chúa Thượng” chỉ Nguyễn Ánh.

³³ Tức Trần Quang Diệu.

³⁴ Quốc sử quán triều Nguyễn. *Đại Nam thực lục*, tập 1, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2007, tr.226.

mặt biểu đến hành tại Thị Nại (chỗ Nguyễn Ánh đóng quân), giữa đường bị “giặc” (tức chỉ quân Tây Sơn) bắt. “Giặc” dùng đủ mọi cách để khảo tấn, Thị nhất thiết không chịu nói, rồi gieo mình xuống sông tử tử³⁵. Bà được sách “*Đại Nam nhất thống chí*” (bản Tự Đức) xếp vào một trong hạng Liệt nữ (người phụ nữ kiên trinh, không chịu khuất phục) ở Bình Định.

Trên đây là một số câu chuyện lịch sử gắn với thành Hoàng Đế. Thành Hoàng Đế là di tích lịch sử cấp quốc gia. Những câu chuyện này đều phản ánh những sự kiện, nhân vật lịch sử liên quan đến Thành Hoàng Đế, không những có giá trị lịch sử mà còn có giá trị giáo dục sâu sắc. Ví như, đại chiến thành Hoàng Đế, không chỉ giúp được nhận thức được cuộc chiến ác liệt giữa nhà Tây Sơn và chính quyền Nguyễn Ánh nhằm giành quyền làm chủ thành Hoàng Đế, thấy rõ dù lúc này, Thành Hoàng Đế không đóng vai trò là kinh đô vương triều Tây Sơn, nhưng giữ vị trí quan trọng đối với lực lượng hai bên. Đối với nhà Tây Sơn, nó đóng vai trò là căn cứ quân sự, “tám lá chắn” quan trọng bảo vệ kinh đô Phú Xuân, hơn nữa bảo vệ và làm chủ Thành Hoàng Đế đồng nghĩa với việc bảo vệ quê hương, đất phát tích của cuộc khởi nghĩa và sự nghiệp của nhà Tây Sơn.

Đối với câu chuyện về Võ Tánh, Ngô Tông Châu, dù chết nhưng không đầu hàng Tây Sơn, thể hiện đậm nét tư tưởng trung quân, trung thành với chính quyền Nguyễn Ánh. Đứng góc độ nhà Tây Sơn, đây là những nhân vật phản diện, nhưng ở góc độ khoa học lịch sử, họ là những nhân vật góp phần làm nên bức tranh phong phú của lịch sử dân tộc. Câu chuyện lịch sử về Võ Tánh, Ngô Tông Châu cùng với những hoạt động tín ngưỡng hiện nay tại khu lăng mộ Võ Tánh mang lại nhiều giá trị văn hóa, nhân văn sâu sắc. Tư tưởng trung quân của Võ Tánh, Ngô Tông Châu là giá trị quan trọng trong giáo dục cho thế hệ trẻ, cộng đồng.

Như vậy có thể khẳng định, những câu chuyện lịch sử gắn với di sản Thành Hoàng Đế là nguồn tài nguyên du lịch quan trọng, có giá trị trong phát triển du lịch và giáo dục cộng đồng.

3. Thực trạng khai thác câu chuyện lịch sử Thành Hoàng Đế trong phát triển du lịch và giáo dục cộng đồng

Thực hiện chủ trương của Đảng và Chính phủ, trong những năm qua, công tác bảo tồn, phát huy di sản văn hóa được các cấp, các ngành trong tỉnh Bình Định quan tâm thực hiện, đạt được nhiều kết quả khá quan trọng. Nhiều giá trị văn hóa truyền thống và di sản văn hóa được kế thừa, bảo tồn và phát huy, phục vụ nhu cầu

³⁵ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí*, tập 3, Nxb Thuận Hóa, Thừa Thiên Huế, 2006, tr.447.

đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân; hình thành nhiều sản phẩm văn hóa - du lịch hấp dẫn, thúc đẩy phát triển du lịch, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đã đạt được, việc đầu tư nghiên cứu, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa ở tỉnh Bình Định còn chưa tương xứng với tiềm năng và lợi thế. Một số di tích lịch sử, văn hóa chưa được nghiên cứu đầy đủ, toàn diện; chưa được đầu tư tôn tạo, tu bổ kịp thời và chưa có phương án, mô hình phù hợp để tạo ra các sản phẩm văn hóa - du lịch gắn với triển kinh tế - xã hội địa phương, trong số đó có di sản văn hóa Thành Hoàng Đế (thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định). Việc phát huy giá trị di sản gắn với phát triển kinh tế, văn hóa và giáo dục cộng đồng chưa tương xứng với vị thế của Thành Hoàng Đế trong lịch sử.

Thực tiễn hoạt động giới thiệu, quảng bá về giá trị, tiềm năng của di sản Thành Hoàng Đế tới cộng đồng chưa được các cấp, các ngành quan tâm đúng mức. Cho đến nay vẫn chưa có phương án, giải pháp, mô hình phù hợp để khai thác câu chuyện lịch sử Thành Hoàng Đế phục vụ phát triển du lịch và giáo dục cộng đồng một cách hiệu quả. Thiếu tài liệu về các câu chuyện lịch sử gắn với thành Hoàng Đế, cũng như cách thức, biện pháp sử dụng các câu chuyện đó trong phát triển du lịch và giáo dục cộng đồng.

Trong các tuyến điểm du lịch tại Bình Định và vùng lân cận, Thành Hoàng Đế vẫn chưa được kết nối và trở thành điểm đến hấp dẫn đối với các công ty lữ hành và khách thăm quan. Người dân chưa thực sự tham gia vào quá trình bảo vệ và phát huy giá trị di sản. Các hoạt động trải nghiệm lịch sử gắn với khai thác, sử dụng câu chuyện lịch sử Thành Hoàng Đế cho sinh viên, học sinh chưa quan tâm thường xuyên. Du khách và người dân đến với di sản Thành Hoàng Đế chủ yếu là đơn lẻ và tự phát.

4. Một số giải pháp nhằm khai thác câu chuyện lịch sử Thành Hoàng Đế phục vụ phát triển du lịch và giáo dục cộng đồng

Để khai thác câu chuyện lịch sử Thành Hoàng Đế phục vụ phát triển du lịch và giáo dục cộng đồng đòi hỏi phải có hệ thống các giải pháp, gắn liền với khai thác tổng thể tài nguyên du lịch Thành Hoàng Đế. Thông qua nghiên cứu về các câu chuyện lịch sử, xuất phát từ thực trạng bảo tồn và phát huy giá trị di sản Thành Hoàng Đế, chúng tôi mạnh dạn đề xuất một số giải pháp sau:

- *Thứ nhất*, các cấp các ngành cần đề ra những chính sách, giải pháp phù hợp để phát huy giá trị di sản Thành Hoàng Đế nói chung và khai thác các câu chuyện

lịch sử nói riêng để phục vụ phát triển du lịch và giáo dục cộng đồng. Trước hết, cần thực hiện quy hoạch tổng thể, huy động các nguồn lực tiến hành phục dựng, trùng tu, tôn tạo các di tích trong Thành Hoàng Đế, xây dựng các công trình gắn liền với các sự kiện, nhân vật, câu chuyện lịch sử Thành Hoàng Đế. Tuy nhiên, việc thực hiện phục dựng, trùng tu, tôn tạo các di tích trong Thành Hoàng Đế cùng với xây dựng các công trình phụ trợ cần có lộ trình và phương án khả thi.

- *Thứ hai*, cần xây dựng cơ sở tư liệu khoa học (sách, tập tài liệu), nội dung là các câu chuyện lịch sử gắn liền với thành Hoàng Đế đã được nghiên cứu, chọn lọc, có giá trị lịch sử, khoa học, phù hợp với các di tích lịch sử văn hóa của thành Hoàng Đế, có ý nghĩa cần thiết trong phát triển du lịch và giáo dục cộng đồng. Tư liệu là cơ sở cho các hướng dẫn viên, giáo viên, cộng đồng... tham khảo, sử dụng.

- *Thứ ba*, triển khai thực hiện các đề tài, dự án, hội thảo về Thành Hoàng Đế nhằm tạo cơ sở khoa học và thực tiễn cho việc thực hiện bảo tồn và phát huy giá trị di sản nói chung, đồng thời tạo cơ sở để xây dựng, thiết kế tài liệu (bài thuyết minh du lịch, bài giảng trải nghiệm lịch sử tại thành Hoàng Đế...) gắn với câu chuyện lịch sử, trong đó xác định được mục tiêu, nội dung, biện pháp sử dụng những câu chuyện lịch sử Thành Hoàng Đế.

- *Thứ tư*, mô phỏng thực tế ảo về các câu chuyện lịch sử Thành Hoàng Đế. Xây dựng bảo tàng ảo gắn với các tour tham quan (3D art) có các hiệu ứng tương tác để khách tham quan, đặc biệt là đối tượng học sinh, sinh viên tìm hiểu, trải nghiệm những điều thú vị của câu chuyện lịch sử qua công nghệ thực tế ảo.

- *Thứ năm*, sân khấu hóa câu chuyện lịch sử về thành Hoàng Đế, tái dựng một đoạn kịch/tuồng dưới dạng sân khấu hóa, để tạo điểm nhấn du lịch, kết gắn các tri thức lịch sử, văn hóa với du lịch cộng đồng, phát triển bền vững.

- *Thứ sáu*, xây dựng các mã quét QR link với thông tin về câu chuyện lịch sử Thành Hoàng Đế hoặc có thể kết hợp với audio guide để khách tham quan được tra cứu, tìm hiểu dễ dàng.

- *Thứ bảy*, xây dựng các tuyến điểm du lịch kết nối các di tích lịch sử văn hóa trong tỉnh và vùng phụ cận để khai thác hiệu quả các câu chuyện lịch sử về Thành Hoàng Đế. Ví như kết nối với các di tích Tây Sơn tại Tây Sơn Thượng đạo (tỉnh Gia Lai), Di tích lịch sử Khu Đền thờ Tây Sơn tam kiệt (huyện Tây Sơn), Di tích lịch sử Phủ thành Quy Nhơn, chùa Thập Tháp (đều thuộc Thị xã An Nhơn), Di tích lịch sử Tân phủ Càn Dương (huyện Phù Cát), di tích lịch Bãi Nhạn (thành phố Quy Nhơn)...

5. Kết luận

Thành Hoàng Đế là di sản văn hóa quốc gia, có nhiều giá trị, tiềm năng phát triển du lịch. Tuy nhiên việc bảo tồn, phát huy giá trị di sản, khai thác sử dụng câu chuyện lịch sử phục vụ phát triển kinh tế, xã hội đang gặp nhiều khó khăn và thách thức.

Để khai thác hiệu quả câu chuyện lịch sử Thành Hoàng Đế phục vụ phát triển du lịch và giáo dục cộng đồng, đòi hỏi phải thực hiện nhiều chính sách và giải pháp khác nhau, những giải pháp đó phải được đặt trong mối quan hệ tổng thể với những chính sách, giải pháp quy hoạch, bảo tồn và phát huy giá trị của Thành Hoàng Đế nói chung, có như vậy mới phát huy được hiệu quả của nó.

PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN VĂN HÓA ĐỂ PHÁT TRIỂN DU LỊCH BỀN VỮNG CỦA TỈNH BÌNH ĐỊNH

TS. Nguyễn Thị Đơn

PCT Hội Di sản văn hóa Thăng Long Hà Nội

Mỗi tỉnh thành trên đất nước ta đều có kho tàng di sản văn hóa đa dạng, phong phú và có tính đặc sắc của địa phương, đóng góp chung vào di sản văn hóa của dân tộc. Qua các di tích lịch sử văn hóa, chúng ta cảm nhận được bề dày truyền thống lịch sử văn hóa của mọi miền tổ quốc. Điều đó đã tạo nên sự hấp dẫn cho sự phát triển du lịch.

Trong thời đại hiện nay, khi dân trí và đời sống của nhân dân được nâng cao thì nhu cầu nghỉ dưỡng, tham quan các danh lam thắng cảnh, du lịch hướng về cội nguồn, nhu cầu vui chơi giải trí ngày càng phát triển.

Ngày 22/1/2020, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030, trong đó xác định rõ đến năm 2020, du lịch cơ bản trở thành nền kinh tế mũi nhọn, có tính chuyên nghiệp với hệ thống cơ sở vật chất, kỹ thuật đồng bộ và hiện đại, tạo động lực thúc đẩy sự phát triển các ngành và các lĩnh vực khác; Chú trọng phát triển du lịch văn hóa, gắn phát triển du lịch với bảo tồn, phát huy giá trị di sản và bản sắc văn hóa dân tộc.

Bình Định là một tỉnh có cảnh quan tự nhiên, địa hình thiên tạo và hệ thống di tích lịch sử văn hóa phong phú, độc đáo rất có lợi thế cho phát triển du lịch, ngày càng hấp dẫn hơn đối với khách du lịch trong và ngoài nước, đặc biệt đối với người dân Hà Nội vì nơi đây là nơi phát tích cuộc khởi nghĩa nông dân của 3 anh em nhà Tây Sơn (Tam kiệt), là quê hương của vị Hoàng đế Quang Trung - Nguyễn Huệ.

Khu đền thờ Tây Sơn Tam kiệt tương truyền được xây dựng trên nền nhà cũ của 3 vị anh hùng dân tộc nay đã được công nhận là di tích lịch sử quốc gia đặc biệt và cùng có lễ hội được tổ chức vào ngày mùng 5 tháng Giêng âm lịch hàng năm để kỷ niệm chiến thắng Ngọc Hội - Đống Đa lịch sử. Kỷ niệm trận quyết chiến chiến lược mang tính thần tốc nhất trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc ta. Dưới sự tổ chức và lãnh đạo của thiên tài quân sự Quang Trung - Nguyễn Huệ cùng đội quân của ông và quân dân 2 miền, đã đánh tan hơn 20 vạn quân Thanh, giành thắng lợi vẻ vang, giải phóng kinh thành Thăng Long và miền Bắc đất nước. Người con của quê hương Bình Định, anh hùng dân tộc Quang Trung - Nguyễn Huệ đã được sử sách lưu danh, được nhân dân cả nước tôn kính và nhiều nơi thờ phụng.

Nhiều địa danh của Hà Nội như: Khương Thượng, Ngọc Hồi, Yên Quyết, Thịnh Quang, Nam Đồng vẫn lưu danh những chiến công hiển hách, kỳ tích chiến

thắng của đội quân Tây Sơn. Hàng năm, vào ngày mùng 5 Tết âm lịch, Hà Nội đều tổ chức lễ trọng thể kỷ niệm đại thắng xuân Kỷ Dậu (1789) và lễ hội Đống Đa, chiêm ngưỡng di tích và tượng đài người anh hùng kiệt xuất của dân tộc Quang Trung - Nguyễn Huệ. Di tích quốc gia đặc biệt này đã trở thành điểm hấp dẫn, có thương hiệu để thu hút khách du lịch, là nơi giáo dục truyền thống, phổ biến kiến thức lịch sử nhất là đối với thế hệ trẻ và tăng thêm niềm tự hào cho mọi người dân Việt Nam.

Trong thời Quang Trung và Tây Sơn nói chung, một số đình chùa ở Thăng Long và các vùng phụ cận đã được tu sửa xây dựng lại, đến nay còn lưu lại bia đá, chuông đồng và sắc phong. Trong các kiến trúc được trùng tu quy mô lớn hay gần như xây dựng lại, để lại dấu ấn Tây Sơn đậm nét ở Thủ đô phải kể đến một số di tích lịch sử văn hóa tiêu biểu đã được xếp hạng cấp quốc gia như chùa Bộc (quận Đống Đa) còn lưu tấm bia lập năm Quang Trung thứ 4 (1791) ghi lại việc Quang Trung cho xây dựng lại chùa sau khi chùa bị đốt cháy trong chiến tranh. Chùa Kim Liên ở Nghi Tàm ven hồ Tây (quận Tây Hồ) tương truyền được xây dựng trên nền cung Từ Hoa của công chúa con vua Lý Thần Tông. Trong chùa còn có bia lập năm Quang Trung thứ 5 (1792), chuông đồng đúc năm Cảnh Thịnh thứ 3 (1795). Năm 1792, chùa gần như được xây dựng lại. Chùa Tây Phương (huyện Thạch Thất) cũng được trùng tu lớn vào năm Cảnh Thịnh thứ 2 (1794) cùng một số chùa lớn ở trung tâm Hà Nội cũng còn bảo lưu được nhiều chuông đồng đúc thời Tây Sơn như chùa Phúc Khánh (quận Đống Đa), chùa Đông Môn hay còn gọi là chùa Cầu Đông, chùa Bà Móc, đền Bà Kiệu...

Từ nhiều năm nay, một số văn thần, võ tướng của nhà Tây Sơn có công lớn với đất nước đã được đặt tên cho các phường và đường phố ở Hà Nội như: Thượng thư bộ binh Ngô Thì Nhậm; Đại tư đồ Ngô Văn Sở, Thiếu phó Trần Quang Diệu, Đô đốc Bùi Thị Xuân, Đại tư đồ Võ Văn Dũng... Mỗi nhân vật đều gắn liền với những câu chuyện lịch sử đầy bi hùng của dân tộc ta đã được sử sách ghi lại.

Một số người con ưu tú khác của quê hương Bình Định như danh nhân văn hóa Đào Duy Từ; Nhà yêu nước, lãnh tụ xuất sắc trong phong trào Cần Vương Mai Xuân Thưởng, danh nhân văn hóa Đào Tấn cũng được đặt tên cho những đường phố đẹp ở Thủ đô.

Hà Nội còn là quê hương của bà Lê Ngọc Hân là công chúa nhà Lê và hoàng hậu nhà Tây Sơn. Lê Ngọc Hân là con gái vua Lê Hiển Tông (1740 - 1786) và bà Chiêu nghi Nguyễn Thị Huyền (1753 - 1823) vốn là một cung phi quê ở làng Phù Ninh, phủ Từ Sơn, trấn Kinh Bắc (nay là xã Ninh Hiệp, tên Nôm là làng Nành, huyện Gia Lâm - Hà Nội).

Năm 1786, Bắc Bình vương Nguyễn Huệ tiến quân ra Bắc với danh nghĩa “Phù Lê diệt Trịnh”. Cuộc hành binh toàn thắng, vua Lê Hiển Tông gả công chúa Ngọc Hân cho Nguyễn Huệ nhằm kết tình giao hảo. Năm ấy Ngọc Hân mới 16 tuổi. Sau khi lên ngôi Hoàng đế, năm 1790, vua Quang Trung đã phong cho bà làm Bắc cung hoàng hậu.

Mối lương duyên giữa Nguyễn Huệ và Ngọc Hân như Giáo sư Vũ Khiêu đã viết đó là sự gặp gỡ giữa thiên tài và quốc sắc, sự gặp gỡ này đã tạo nên không chỉ sự gắn bó phu thê mà còn là sự gắn bó giữa hai miền Nam Bắc qua trên 200 năm chia cắt bởi hai tập đoàn phong kiến Trịnh - Nguyễn.

Tiếc rằng, chỉ mới 6 năm chung sống, năm 1792 Hoàng đế Quang Trung đã đột ngột băng hà ở tuổi 40, để lại Hoàng hậu Lê Ngọc Hân trẻ tuổi cùng 2 người con còn nhỏ là công chúa Ngọc Bảo và Hoàng tử Quang Đức.

Từ một công chúa tài hoa, thông minh, đức hạnh đến một hoàng hậu nhân từ, tuy cuộc đời ngắn ngủi nhưng Bắc cung Hoàng hậu Lê Ngọc Hân đã trở thành một nhân vật lịch sử, có những đóng góp quan trọng với Quang Trung - Nguyễn Huệ trong việc quốc gia đại sự. Bà còn là một danh nhân văn hóa của dân tộc, để lại cho hậu thế tác phẩm “Ai tư văn” tả nỗi đau thương vô hạn của bà ngày đêm tưởng nhớ Quang Trung và khái quát lại sự nghiệp công lao to lớn của vị anh hùng áo vải Quang Trung - Nguyễn Huệ. Lê Ngọc Hân trở thành bà Hoàng hậu duy nhất trong lịch sử có bài văn tế chồng, đã trở thành một áng văn bất hủ. Bà đã được người đời xếp vào hàng nữ sĩ tài danh của đất nước.

Tháng 12/1799, Lê Ngọc Hân mất tại Dương Xuân (Huế) khi mới 29 tuổi. Chỉ 3 năm sau 2 người con của Bà cũng bị nhà Nguyễn sát hại.

Ngay sau khi Ngọc Hân và 2 con qua đời, bà Chiêu Nghi Nguyễn Thị Huyền đã bất chấp hiểm nguy, nhờ một người nguyên là đồ đốc của nhà Tây Sơn bí mật đem hài cốt của 3 mẹ con Ngọc Hân vượt biển về bến Ái Mộ (Gia Lâm), sau đó đem về quê ngoại và an táng tại bãi Cây Đại (bãi Đầu Voi) ở làng Nành, xã Ninh Hiệp, huyện Gia Lâm, Hà Nội.

Sau 40 năm, đến năm 1842, sự việc bị phát giác, vua Thiệu Trị đã sai người khai quật, hủy đền thờ, đổ hài cốt 3 mẹ con Ngọc Hân xuống sông Hồng. Sau nơi này nhân dân lập đền Ghềnh thờ Bà (hội đó lấy danh nghĩa là thờ Mẫu Thoải). Mộ Chiêu Nghi Nguyễn Thị Huyền bị chúng phá phàn xây nổi trên mặt đất còn hài cốt thì không bị xâm phạm. Gần 100 năm sau (đến năm 1937) dân làng cùng họ Nguyễn Đình đứng ra lập ngôi mộ tượng trưng để tưởng niệm 3 mẹ con Ngọc Hân trên bãi Cây Đại ở đầu làng Nành, bên cạnh mộ của bà Chiêu Nghi.

Nhân dịp kỷ niệm 1000 năm Thăng Long Hà Nội và 210 năm ngày mất của Hoàng hậu Lê Ngọc Hân, UBND thành phố Hà Nội, huyện Gia Lâm, Hội Di sản

văn hóa Thăng Long Hà Nội và xã Ninh Hiệp cùng với sự hỗ trợ của Tập đoàn Việt Á do bà Phạm Thị Loan là Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc đã triển khai đề án xây dựng khu tưởng niệm Hoàng hậu Lê Ngọc Hân (bao gồm lăng mộ và đền thờ). Công trình được khởi công xây dựng từ tháng 12/2009 đến ngày 4/7/2011 đã được khánh thành bằng nguồn xã hội hóa, Tập đoàn Việt Á là nhà trợ chính.

Khu Di lăng là mộ Hoàng hậu Lê Ngọc Hân và 2 con (tượng trưng) và mộ thân mẫu Chiêu Nghi Nguyễn Thị Huyền đã được ốp bằng đá xanh, trên mộ có lư hương và bài vị, được xây mới cổng vào, nhà bia và miếu thờ theo kiến trúc truyền thống, sân vườn được cải tạo. Trên cổng có dòng chữ “Di lăng Bắc cung Hoàng hậu Lê Ngọc Hân” và được khắc đôi câu đối do Giáo sư Vũ Khiêu đề tặng:

*“Quốc sắc thiên tài, chỉ thắm nổi liền Nam Bắc lại,
Sương đài ai vẫn, hồn thiêng còn mãi nước non này”.*

Khu đền thờ hoàng hậu Lê Ngọc Hân được xây mới cách khu lăng mộ gần 200m trên diện tích 1100m² gồm các hạng mục: Nghi môn, cổng phụ, đền chính, 2 hành lang tả hữu và các công trình phụ trợ khác.

Đền chính gồm tiền tế và hậu cung, ở gian chính giữa của hậu cung được đặt tượng Bắc cung Hoàng hậu Lê Ngọc Hân, bàn thờ phía trước có tượng vua Quang Trung ở giữa, hai bên là tượng của hoàng tử Quang Đức và công chúa Ngọc Bảo. Hai gian tiền tế được đặt 2 ban thờ với tượng thân phụ, thân mẫu của Bắc cung Hoàng hậu. Ngay sau khi công trình được hoàn thành, các đồng chí lãnh đạo của Huyện ủy - UBND huyện Gia Lâm, xã Ninh Hiệp, Hội Di sản văn hóa Thăng Long Hà Nội và các già làng Ninh Hiệp đã vào cáo yết đền thờ Tây Sơn Tam kiệt, làm việc với bảo tàng Quang Trung để sưu tầm tư liệu về trưng bày tại khu tưởng niệm và đi thăm một số di tích lịch sử văn hóa khác của quê hương Bình Định. Ngày 12/9/2011, các đồng chí lãnh đạo tỉnh Bình Định, thành phố Quy Nhơn đã ra thăm Khu di tích đền thờ Bắc Cung Hoàng hậu Lê Ngọc Hân và tổ chức các đoàn đến dâng hương tưởng niệm.

Do cuộc đời và đóng góp của hoàng hậu Lê Ngọc Hân gắn liền với sự nghiệp của anh hùng dân tộc Quang Trung - Nguyễn Huệ, vì vậy, ngay sau lễ hội kỷ niệm chiến thắng Ngọc Hồi - Đống Đa (mùng 5 tháng Giêng âm lịch) thì dân làng mở lễ hội xuân đền thờ Lê Ngọc Hân vào ngày mùng 6 tháng Giêng. Đây là ngày lễ lớn nhất tại khu tưởng niệm. Các phần tế lễ dâng hương hàng năm được nhân dân Hà Nội và các địa phương tham gia rất đông và thành kính. Ngoài ra tại khu đền thờ này còn có các ngày lễ khác để tưởng niệm ngày sinh, ngày mất của Bắc Cung Hoàng hậu, Bà Chiêu Nghi Nguyễn Thị Huyền, của công chúa Ngọc Bảo và Hoàng tử Quang Đức.

Chúng tôi điếm qua một số tư liệu, sự kiện lịch sử và thông tin trên nhằm tỏ lòng thành kính tri ân đối với anh hùng dân tộc Quang Trung - Nguyễn Huệ, các văn thần võ tướng của triều đại Tây Sơn và với Bắc cung Hoàng hậu Lê Ngọc Hân. Một người con tài hoa của Thăng Long, có nhiều đóng góp cho lịch sử dân tộc. Đồng thời cũng mong muốn những câu chuyện lịch sử này sẽ cung cấp thêm dữ liệu thông tin cho khách du lịch mỗi khi đến thăm khu di tích quốc gia đặc biệt của Bình Định.

Hội Di sản văn hóa Thăng Long Hà Nội với hơn 2000 hội viên sinh hoạt tại 34 liên chi hội và chi hội cơ sở ở tất cả các quận, huyện Hà Nội. Hội viên phần lớn là những người quản lý văn hóa, các vị đang tham gia quản lý các di tích lịch sử văn hóa trên địa bàn Thủ đô. Hàng năm Hội chúng tôi thường xuyên tổ chức cho hội viên đi thăm quan danh lam thắng cảnh, du lịch văn hóa tâm linh ở nhiều tỉnh thành trong cả nước. Chúng tôi đã được đến Bình Định – vùng đất địa linh nhân kiệt; Được dâng hương tại đền thờ Tây Sơn Tam kiệt, được chiêm ngưỡng giếng nước, cây me di sản, được thăm Bảo tàng Quang Trung với những sưu tập hiện vật độc đáo, được thưởng thức các chương trình biểu diễn đặc sắc hấp dẫn về võ thuật và trống trận Tây Sơn, các nghệ nhân võ sĩ múa quyền, côn và các loại binh khí thời Tây Sơn, được nghe ca múa nhạc cổ truyền mang đậm nét bản sắc của quê hương Bình Định. Những giá trị văn hóa phi vật thể này đã tạo nên phần hồn đầy sức sống và hấp dẫn đối với khách tham quan du lịch khi đến Bình Định.

Tham dự cuộc hội thảo này, chúng tôi mong muốn được trao đổi một vài ý kiến như sau:

Cuộc hội thảo được tổ chức với nội dung: **“Nghiên cứu, khai thác câu chuyện lịch sử phục vụ phát triển du lịch tỉnh Bình Định”** là rất cần thiết, sẽ có hiệu quả thực sự trong việc bảo tồn phát huy giá trị di sản văn hóa gắn với phát triển du lịch bền vững của tỉnh Bình Định.

Bình Định hiện có 147 di tích lịch sử văn hóa (trong đó có 2 di tích quốc gia đặc biệt, 34 di tích quốc gia và 111 di tích xếp hạng cấp Tỉnh), Di sản văn hóa của tỉnh rất đa dạng và phong phú về loại hình. Đó chính là nguồn tài sản vô cùng quý giá, là tiềm năng lợi thế cho phát triển du lịch của Bình Định.

Các di sản văn hóa phi vật thể của địa phương như: các lễ hội dân gian, văn hóa ẩm thực, chế biến các món ăn đặc sản vùng miền sẽ rất hấp dẫn khách tham quan cần được ngành văn hóa, du lịch tỉnh quan tâm khai thác để phục vụ du lịch.

Trong các khu trưng bày của bảo tàng Quang Trung cần được quan tâm, đầu tư, sử dụng các công nghệ mới về ánh sáng và bố trí không gian tuyến tham quan hợp lý, trình diễn và tương tác theo mô hình 3D, AI, giới thiệu thêm những thông

tin đối với khu di tích và các hiện vật tiêu biểu tại khu di tích quốc gia đặc biệt Tây Sơn Tam kiệt sẽ rất hiệu quả và có ấn tượng sâu sắc với khách du lịch.

Hoạt động phát triển du lịch của Bình Định phải song hành với việc giữ gìn và phát huy giá trị tài nguyên và môi trường (khai thác giá trị di sản văn hóa mà không gìn giữ bảo vệ thì sẽ tự đánh mất nguồn tài nguyên này). Đảm bảo môi trường du lịch chính là yếu tố hấp dẫn, quyết định chất lượng, giá trị thụ hưởng và tạo thương hiệu cho du lịch Bình Định.

Trong những năm gần đây, tỉnh Bình Định đã có sự chỉ đạo, có nhiều chương trình để triển khai các hoạt động xúc tiến, quảng bá du lịch, giới thiệu các di sản văn hóa, di sản thiên nhiên đặc sắc, những sản phẩm du lịch đa dạng, phong phú của Bình Định trên các phương tiện thông tin đại chúng, các trang mạng xã hội để gia tăng sự quan tâm, thu hút khách du lịch trong và ngoài nước ngày một đông hơn về với Bình Định, đã chú trọng việc kết nối, hợp tác cùng với các đơn vị du lịch lân cận nhằm khai thác tiềm năng du lịch của tỉnh. Chương trình này cần được đầu tư và triển khai mạnh hơn, đảm bảo tính hiệu quả cao để thu hút khách tham quan đến với Bình Định, qua đó ngân sách thu được từ du lịch sẽ ngày một tăng hơn và đời sống nhân dân từng bước sẽ được cải thiện.

Mong rằng với sự quan tâm, chỉ đạo, lãnh đạo của tỉnh Bình Định, ngành Văn hóa - Du lịch, của cộng đồng người dân và các địa phương, chắc chắn du lịch Bình Định sẽ trở thành một ngành kinh tế mũi nhọn và là một trong những khâu đột phá để thúc đẩy tăng trưởng, phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh gắn với lợi ích cộng đồng và phát triển bền vững./.

XÂY DỰNG CƠ SỞ DỮ LIỆU SỐ DI SẢN VĂN HÓA TỈNH BÌNH ĐỊNH

KTS. Đinh Việt Phương³⁶

Keyword: số hóa di sản, số hóa 3D, VRTour 360, công nghệ lidar, cơ sở dữ liệu, quản trị dữ liệu di sản, du lịch thông minh.

Lời mở đầu

Bình Định là miền đất có bề dày truyền thống với nhiều giá trị di sản văn hóa nghệ thuật được lưu giữ. Nổi tiếng với nghệ thuật hát bội, bài chòi, võ thuật dân tộc cùng nhiều lễ hội dân gian độc đáo. Những năm qua, các di sản văn hóa được nhận diện giá trị, bảo tồn và phát huy, đã góp phần không nhỏ vào việc giáo dục lịch sử, vun đắp truyền thống tốt đẹp của dân tộc. Đặc biệt, các di sản văn hóa góp phần quan trọng xây dựng và quảng bá hình ảnh Bình Định, quốc gia, truyền bá các giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học và thẩm mỹ quan trọng của di sản văn hóa Bình Định ra cả nước và ra thế giới thông qua hoạt động du lịch, giao lưu văn hóa và hợp tác phát triển kinh tế - xã hội bền vững. Nhiều di sản văn hóa đã trở thành những sản phẩm văn hóa - du lịch hoàn chỉnh, vừa là động lực vừa là mục tiêu cho sự phát triển ngành kinh tế mũi nhọn du lịch, đồng thời, từng bước làm thay đổi cơ cấu kinh tế của địa phương nơi có di sản, mang tới cho cộng đồng và địa phương những lợi ích thiết thực và bền vững.

Nhận thức tầm quan trọng của di sản, trong suốt chiều dài lịch sử, dân tộc Việt Nam luôn quan tâm đến việc giữ gìn, bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa. Tuy nhiên, cùng với thời gian, các khu di tích bị hư hại, xuống cấp, các di sản văn hóa phi vật thể ngày càng ít người biết đến là điều không thể tránh khỏi, làm thế nào để lưu trữ lại kho di sản quý giá này còn sống mãi với thời gian luôn là một vấn đề được coi trọng? Hiện nay, với sự phát triển của khoa học công nghệ, giải pháp số hóa và xây dựng cơ sở dữ liệu số di sản sẽ là một hướng đi đúng đắn, khả thi, phù hợp với tình hình thực tiễn.

BỐI CẢNH HIỆN NAY VÀ SỰ CẦN THIẾT ĐẦU TƯ

Bối cảnh hiện nay

Đầu tháng 12-2021, Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam đã ký Quyết định phê duyệt chương trình “Số hóa di sản văn hóa Việt Nam giai đoạn 2021-2030”.³⁷ Đây là

³⁶ Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn thiết kế và Giải pháp công nghệ 3DART

³⁷

http://www2.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/noidungchuongtrinhquocgiakhac?_piref33_14737_

chủ trương thật sự cần thiết, đóng góp tích cực vào quá trình bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa truyền thống mà một điểm mới cần chú ý đó là mục tiêu xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về di sản văn hóa trên nền tảng công nghệ số thống nhất, phục vụ công tác lưu trữ, quản lý, nghiên cứu, bảo tồn, khai thác, quảng bá di sản, thúc đẩy phát triển du lịch bền vững. Chương trình đặt mục tiêu cụ thể cho giai đoạn 2021-2030 là: 100% các di sản văn hóa vật thể, phi vật thể và di sản tư liệu được UNESCO ghi danh, 100% các di tích quốc gia đặc biệt, 100% các bảo vật quốc gia, các di sản trong Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia được số hóa và ứng dụng trên các nền tảng số (ưu tiên số hóa theo nhu cầu sử dụng của xã hội các di tích quốc gia và các hiện vật, nhóm hiện vật tại các bảo tàng, ban quản lý di tích). Cùng với đó, 100% người làm công tác chuyên môn trong ngành di sản văn hóa được đào tạo, đào tạo lại, cập nhật các kiến thức, kỹ năng chuyển đổi số.”

Sự cần thiết phải đầu tư

Các di sản văn hóa, di tích lịch sử nằm rải rác trên địa bàn tỉnh, có một số di tích ở trên núi, thôn nhỏ dẫn đến những bất cập trong công tác bảo quản, quản lý. Nhiều địa phương không có điều kiện tài chính và cơ sở vật chất cho việc bảo quản, gìn giữ những di sản văn hóa này.

Cùng với dấu ấn của thời gian, sự xuống cấp, mai một của các di sản văn hóa này là điều không tránh khỏi. Do đó, việc sử dụng công nghệ trong công tác trưng bày, tái hiện lại là vô cùng cần thiết, mang ý nghĩa to lớn trong việc bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa, lịch sử. Công nghệ góp phần nâng cao năng lực quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả, phát triển kinh tế - xã hội, góp phần tạo không gian thông minh, xây dựng phát triển quảng bá đa dạng các loại hình dịch vụ du lịch của tỉnh, đưa các di sản của tỉnh Bình Định đến với cộng đồng, các nhà nghiên cứu, du khách trong và ngoài nước, kết hợp quảng bá rộng rãi, đồng thời tạo ra các dịch vụ có giá trị gia tăng để bảo tồn, khai thác và phát triển bền vững các di sản của tỉnh. Đáp ứng yêu cầu của đô thị thông minh, chính quyền điện tử, cơ quan/tổ chức/doanh nghiệp và người dân điện tử trong nền kinh tế số của cuộc cách mạng Công nghiệp 4.0.

Giải pháp ứng dụng CNTT trong công tác quản lý, xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu di sản cho các khu di tích tại tỉnh Bình Định

Số hóa di sản, di tích tại tỉnh Bình Định

1.1. Nguyên tắc số hóa

- Số hoá toàn diện hệ sinh thái di tích

Trước đây, số hóa di tích thường được hiểu một cách khá đơn giản là số hóa hiện vật và cảnh quan di tích. Đây là cách làm thông dụng nhưng chưa toàn diện, bởi di tích là một tổ hợp bao gồm nhiều phương diện bao gồm hiện vật, cảnh quan, kiến trúc, bi ký, thư tịch, lễ hội, hồ sơ di tích, các văn bản pháp luật liên quan đến việc quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị di tích .v.v. mà chúng tôi gọi là hệ sinh thái di tích. Do đó, số hoá di tích tức là số hoá toàn bộ hệ sinh thái di tích bao gồm các phương diện chủ yếu như sau: Kiến trúc và cảnh quan khu di tích; Di tích, hiện vật trong di tích; Tài liệu lưu trữ về của di tích, các nhân vật gắn liền với di tích và vùng phụ cận giúp hỗ trợ giới nghiên cứu lịch sử văn hoá phục hồi được lịch sử và đánh giá giá trị di tích; Tài liệu bản vẽ, bản dập các hiện vật, cấu kiện kiến trúc, mỹ thuật trên giấy giúp hỗ trợ công tác tu bổ, bảo tồn, tôn tạo di tích; Các tài liệu nghe nhìn như băng ghi âm, băng ghi hình lưu trữ sinh quyển văn hoá của di tích như trong truyện kể dân gian, phong tục tập quán, lễ hội; Các tài liệu điều tra xã hội học, dân tộc học về các thành tố tạo nên hệ thống mạng lưới xã hội mà di tích thuộc về như làng nghề truyền thống, ngữ âm, thành phần dân tộc, thành phần cư dân v.v...

- Số hoá di sản đồng bộ với nghiên cứu liên ngành khoa học xã hội

Quan niệm phổ biến hiện nay cho rằng số hóa di sản đơn thuần là sử dụng công nghệ để biến di sản trong thực tế sang định dạng điện tử và lưu trữ trên môi trường số. Do đó, yếu tố được coi trọng nhất là trang thiết bị máy móc kỹ thuật. Tuy nhiên, về thực chất số hoá ở mọi lĩnh vực là bài toán kết hợp giữa công nghệ và chuyên môn sâu ở các lĩnh vực khác nhau. Di sản với đặc tính hàm chứa cùng lúc nhiều hệ cơ sở dữ liệu khác nhau từ các bộ phận cấu thành nên nó càng cần có sự vào cuộc của của nhiều chuyên gia liên ngành để đặt ra các đề bài cho công nghệ số, làm sao tạo ra một cơ sở dữ liệu di sản có tính khoa học, chân xác, có sự liên kết chặt chẽ giữa các trường thông tin cùng với khả năng tích hợp, mở rộng vô hạn đồng thời lại có khả năng tương tác với các trường thông tin liên quan và vươn tới đối tượng thụ hưởng, đối tượng sử dụng đồng thời cũng là nguồn lực bảo tồn và phát huy di sản.

- Số hóa di sản phục vụ xây dựng công nghiệp văn hóa

Hi hóa di sản phục vụ xây dựng công nghiệp văn hóa đơn thuần là sử dụng công nghệ để biến di sản trong thực tế thành nhu cầu tham quan, tìm hiểu, trải nghiệm của du khách. Vì số hóa di sản phục vụ xây dựng công nghiệp văn hóa đơn thuần là sử dụng công nghệ để biến di sản trong thực tế thành nhu cầu tham quan, tìm hiểu, trải nghiệm của du khách.

Đổi mới di sản là ta di sản phục vụ xây dựng công nghiệp và du lịch sản phục vụ xây dựng và du lịch sản phục vụ xây dựng công nghiệp văn hóa đơn thuần là sử dụng công nghệ để biến di sản trong thực tiễn nhu cầu tham quan, tìm hiểu, trải nghiệm của du khách.

1.2. Một số công nghệ chủ chốt trong xây dựng CSDL số di sản

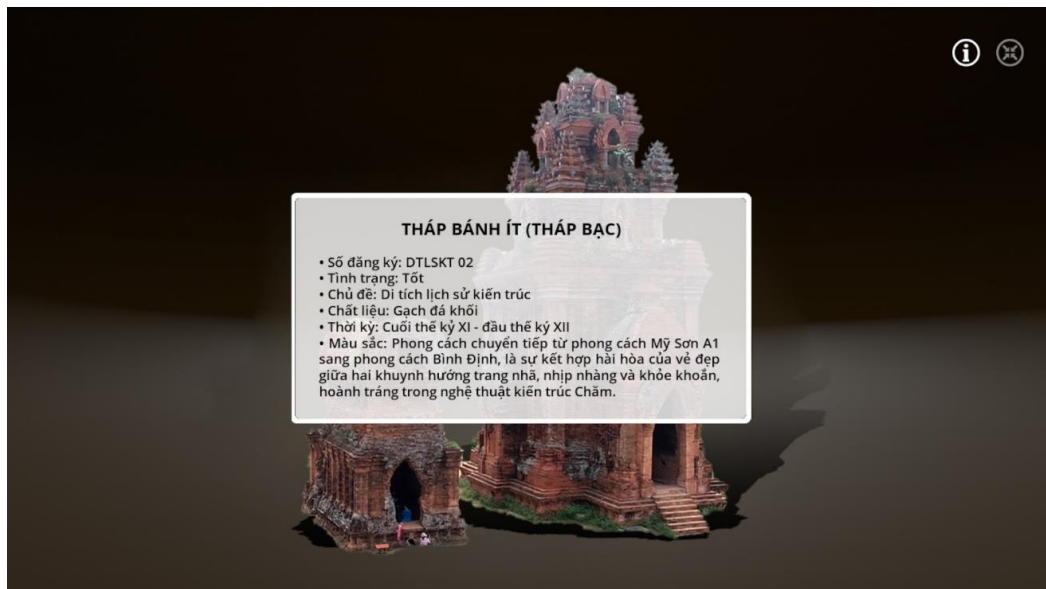
- Kỹ thuật Lidar:

Thiết bị quét 3D Lidar có phạm vi trải dài rộng khắp, tùy thuộc vào các thiết bị khác nhau. Thiết bị sẽ phát ra chùm tia laser và tiến hành thu tín hiệu phản xạ từ bề mặt vật thể khi va chạm với chùm tia laser, sử dụng thuật toán để xây dựng nên mô hình 3D của vật thể. Ứng dụng trong scan toàn bộ các công trình di tích, kỹ thuật scan 3D lidar tạo ra pointcloud, từ đó kết xuất ra dạng hình khối 3D.

- Kỹ thuật Photogrammetry:

Photogrammetry là công nghệ tái tạo mô hình 3D dựa trên việc phân tích nhóm các hình ảnh chụp, sử dụng thuật toán phân tích nội suy phức tạp cùng với trí tuệ nhân tạo AI. Kết quả tính toán của công nghệ này ngày một chính xác hơn, tiệm cận với công nghệ quét lidar, nhưng lại vượt trội trong kết quả thu được về chất lượng hình ảnh vật liệu của đối tượng 3D.

Công nghệ Photogrammetry cho phép tính toán các đối tượng, từ kích thước siêu nhỏ đến rất lớn như một vùng đất.



Mình họa khu di tích đã được số hóa

- Công nghệ VRTour 360

Sử dụng máy ảnh 360 nhằm ghi lại hình ảnh của di tích, di sản ở góc nhìn toàn cảnh 360 độ, sau đó xử lý và lập trình VRTour 360 trên máy tính. VRTour 360

cho phép người dùng tham quan trong không gian ảo của di tích thông qua các công cụ di chuyển đa hướng, bản đồ teleport, thao tác xoay hướng, di chuyển để bao quát các phòng theo nhiều góc nhìn khác nhau, tương tác với các mẫu vật trong không gian, tra cứu thông tin chi tiết dù không cần phải đến tận nơi, tích hợp thuyết minh tự động (âm thanh, nhạc nền, phim).

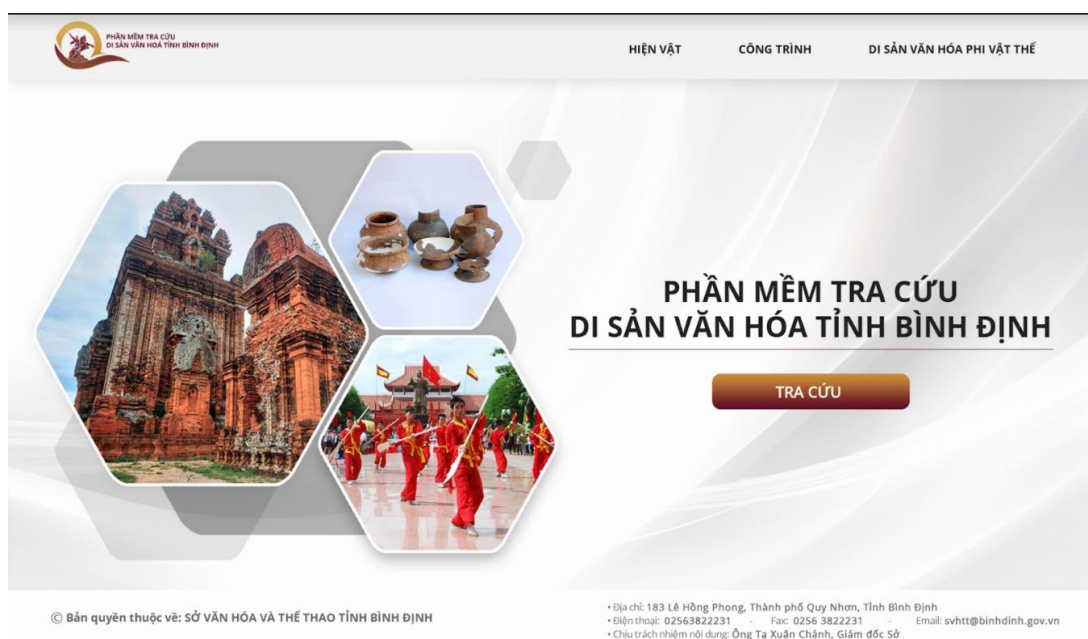
- Công nghệ Motion Capture

Motion Capture hay còn được gọi là công nghệ bắt chuyển động, là một quá trình được ghi lại gồm những chuyển động của vật thể hoặc con người sau đó được đưa qua máy tính và xử lý. Motion Capture chủ yếu được dùng để bắt chuyển động của diễn viên. Công nghệ này được ứng dụng nhiều nhất trong game, quân sự, thể thao, y học, điện ảnh... Đối với quản lý di sản, Motion Capture có thể ứng dụng để số hóa các điệu múa, võ quyền, các động tác trong một nghi thức dân gian...

Xây dựng phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu di sản tại tỉnh Bình Định

Các di sản sau khi được số hóa sẽ được lưu trữ và quản lý bằng phần mềm quản lý di sản trên hệ thống cơ sở dữ liệu di sản được phát triển riêng cho nhu cầu quản lý chuyên biệt, thuận tiện cho việc tìm kiếm và khai thác dữ liệu.

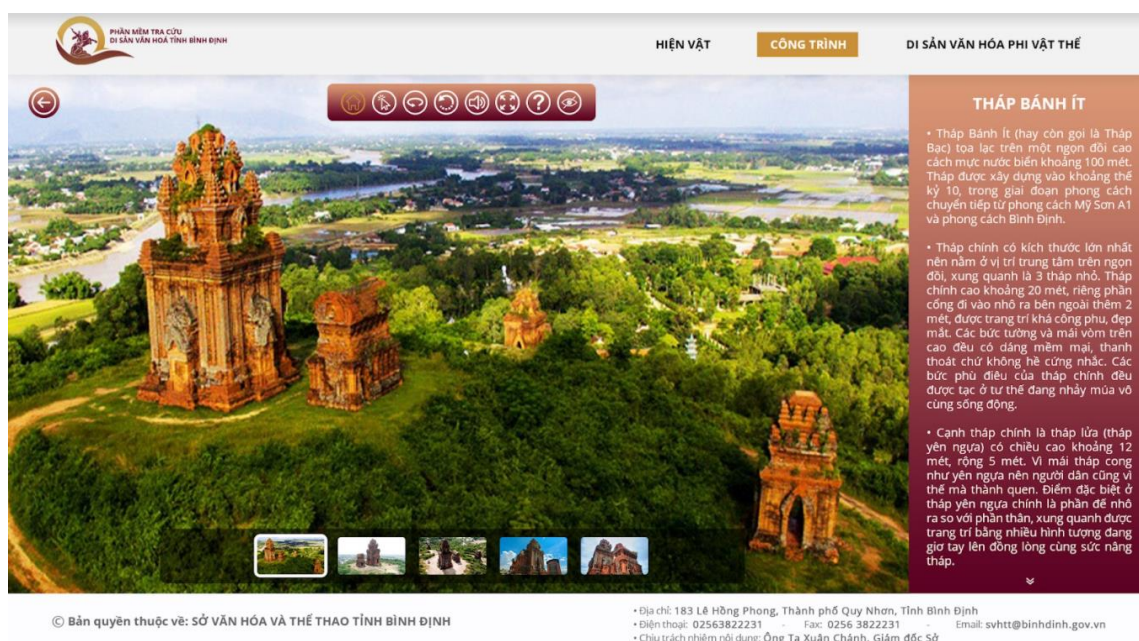
Các dữ liệu sau số hóa hay các công trình, di sản dưới dạng hình khối tạo thành cơ sở dữ liệu thông tin về các di sản văn hóa tỉnh Bình Định, được khai thác và quản lý bởi những người có thẩm quyền. Điều này giúp họ dễ dàng thao tác các chức năng như tìm kiếm, lập phiếu thông tin di sản và báo cáo, tổ chức các hoạt động, trưng bày chuyên đề, cập nhật, khai thác và thống kê thông tin các di sản, công trình, di sản văn hóa phi vật thể,...



Minh họa giao diện phần mềm quản lý dữ liệu 3D

Các chức năng cụ thể của phần mềm:

- **Phân quyền người sử dụng, quản lý:** Phần mềm có tính năng phân quyền người sử dụng để thuận tiện quản lý dữ liệu.
 - + Nhân dân, du khách có thể xem hồ sơ di tích, xem thực cảnh 360, xem thông tin di tích, thông tin hiện vật v.v...mà không cần phải đăng nhập vào hệ thống.
 - + Nhà nghiên cứu có quyền khai thác thông tin sâu hơn, các tài liệu chuyên môn đặc thù và tải tệp tin gốc chất lượng cao. Để thực hiện được các tác vụ này, nhà nghiên cứu cần đăng ký tài khoản nhà nghiên cứu và tiến hành trả phí để có thể sử dụng các tính năng nâng cao dành riêng cho cấp độ này.
 - + Quản trị viên cấp cao nhất có thể thao tác toàn bộ các chức năng của phần mềm, gồm có quản lý tài khoản nhà nghiên cứu, thêm, bớt, chỉnh sửa thông tin hồ sơ di tích v.v...
 - **Tìm kiếm di sản, công trình, di sản:** Phần mềm cung cấp tính năng tìm kiếm các di sản, công trình, di sản theo từ khóa, giúp người dùng nhanh chóng tìm kiếm được thông tin mà họ quan tâm.
 - **Trải nghiệm 3D di sản, công trình:** Người dùng có thể lựa chọn tính năng này để quan sát rõ ràng, tỉ mỉ nhất di sản, công trình trong không gian 3 chiều. Đây là một tính năng vô cùng hữu ích, giúp lưu trữ hình thái của di sản, công trình mãi mãi với thời gian mà không lo hư hại, xuống cấp.
- Trong quá trình trải nghiệm 3D, người dùng hoàn toàn có thể xem thông tin chi tiết về di sản, công trình này.



Giao diện trải nghiệm 3D công trình

- **Lập phiếu thông tin di sản, công trình, di sản và báo cáo:** Tính năng này được phần mềm phát triển để phục vụ cho nhu cầu của cán bộ quản lý các di sản. Họ có thể dễ dàng thao tác để xuất phiếu thông tin di sản cụ thể khi có nhu cầu rà soát, nghiên cứu. Ngoài ra tính năng lập báo cáo cũng được tích hợp trên phần mềm giúp quản trị viên có thể truy xuất các báo cáo theo tuần, quý, năm.

- **Tổ chức các hoạt động, trưng bày chuyên đề:** Phần mềm cho phép người quản trị tạo mới, bổ sung các hoạt động hoặc trưng bày chuyên đề, đồng thời quản lý các thông tin về chúng ngay trên phần mềm.

- **Cập nhật, khai thác và thống kê thông tin di sản:** Đối với mỗi di sản được quản lý, người dùng hoàn toàn có thể cập nhật, sửa đổi các thông tin. Ngoài ra, phần mềm cung cấp thêm tính năng khai thác và thống kê thông tin di sản, hỗ trợ đắc lực cho người quản trị trong quá trình phân loại, lưu trữ và quản lý thông tin.

PHẦN MỀM TRA CỨU DI SẢN VĂN HÓA TỈNH BÌNH ĐỊNH

HIỆN VẬT CÔNG TRÌNH DI SẢN VĂN HÓA PHI VẬT THỂ

Chủ đề Loại hiện vật Chất liệu Tình trạng Tra cứu nâng cao Tra cứu Nhập từ khóa ...

Màu sắc chính Nhập ... Tình trạng hiện vật Nhập ...

Kích thước Nhập ... Nguồn gốc xuất xứ Nhập ...

STT	Ảnh	Số đăng ký	Tên hiện vật	Tình trạng hiện vật	Nguồn gốc	Số lượng
01		DSVHBD 01	Hiện vật 01	Tốt	Việt Nam	01
02		DSVHBD 02	Hiện vật 02	Tốt	Việt Nam	02
03		DSVHBD 03	Hiện vật 03	Trung bình	Việt Nam	01
04		DSVHBD 04	Hiện vật 04	Tốt	Việt Nam	03
05		DSVHBD 05	Hiện vật 05	Trung bình	Việt Nam	01
06		DSVHBD 06	Hiện vật 06	Trung bình	Việt Nam	01
07		DSVHBD 07	Hiện vật 07	Tốt	Việt Nam	02
08		DSVHBD 08	Hiện vật 08	Tốt	Việt Nam	01

© Bản quyền thuộc về: SỞ VĂN HÓA VÀ THỂ THAO TỈNH BÌNH ĐỊNH

Địa chỉ: 183 Lê Hồng Phong, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định
 Điện thoại: 02563822231 Fax: 0256 3822231 Email: svhtt@binhdinh.gov.vn
 Chịu trách nhiệm nội dung: Ông Tạ Xuân Chánh, Giám đốc Sở

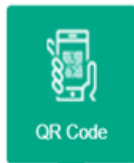
Minh họa giao diện khai thác và thống kê thông tin di sản

- **Sao lưu và phục hồi dữ liệu:** Ngoài ra, phần mềm còn có tính năng sao lưu và phục hồi dữ liệu khi cần thiết, đảm bảo tính bảo mật dữ liệu.

- **Thu phí từ việc cung cấp tư liệu, hình ảnh, tài liệu nghiên cứu:** Cung cấp miễn phí một số hình ảnh, tài liệu, bài giảng cho người dùng. Cung cấp các dữ liệu, tư liệu, các bài nghiên cứu văn hóa – lịch sử chuyên sâu độc quyền và người dùng phải trả phí để xem, tải tài liệu chi tiết. Chi phí dao động từ 15.000đ

– 100.000 đ, khiến người dùng, các nhà nghiên cứu không ngần ngại chi trả để nghiên cứu và sở hữu.

Tài tài liệu



Thanh toán qua QR code

Số tiền cần nạp: **50,000 VNĐ**



Tôi không phải là người máy



Bảo mật - Điều khoản

Tiếp tục

- ✓ Thanh toán bằng QR code bảo mật tiện lợi hơn so với ATM Online
- ✓ Sử dụng QR Code trên ứng dụng Mobile Banking của các ngân hàng
 - Xem hướng dẫn quét QR với [AGRIBANK](#)
 - Xem hướng dẫn quét QR với [VIETINBANK](#)
 - Xem hướng dẫn quét QR với [VIETCOMBANK](#)
 - Xem hướng dẫn quét QR với [BIDV](#)

• Nếu gặp vấn đề cần hỗ trợ [Chat ngay](#)

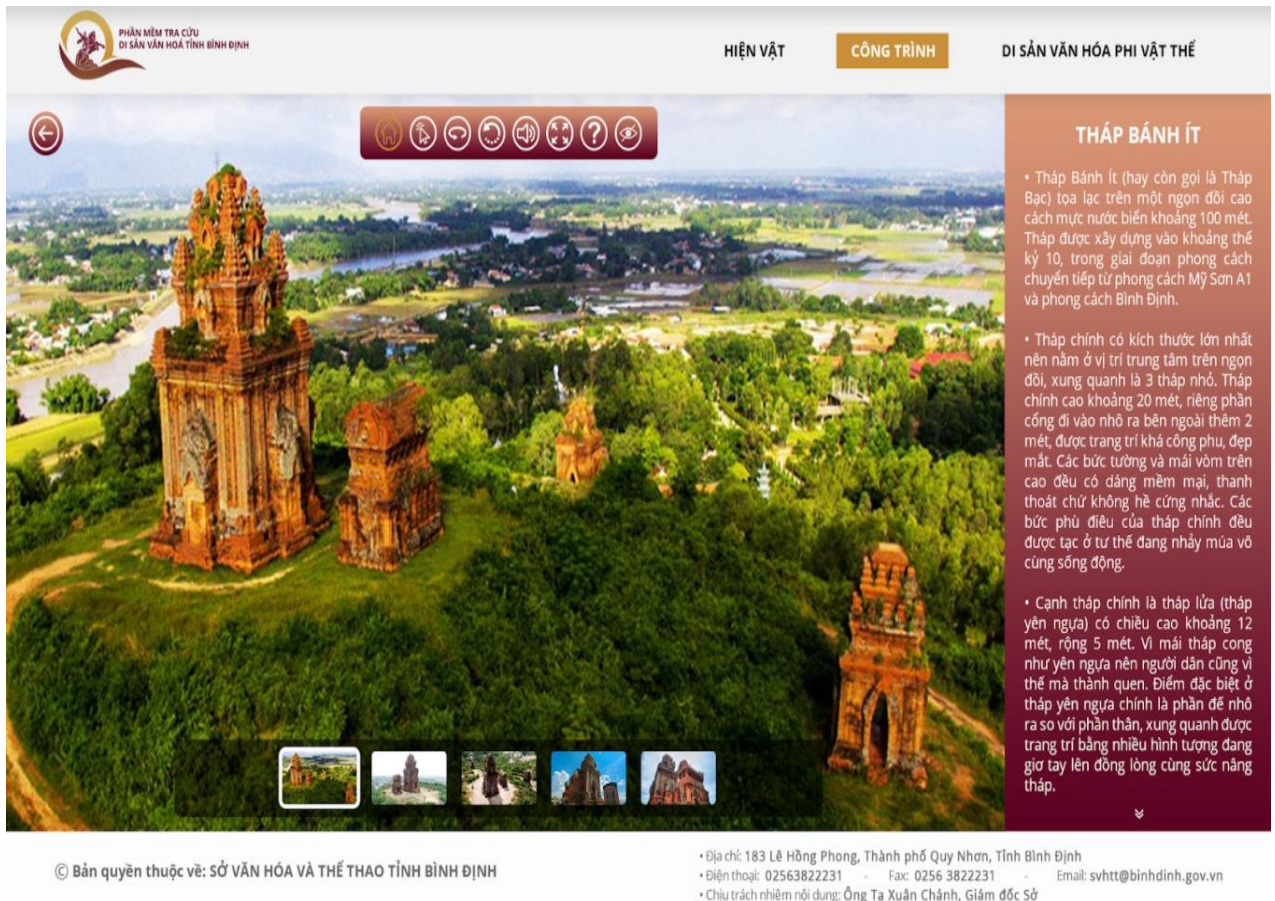
Phiên hoạt động: 9857640874

- Mua vé trực tuyến

Kết hợp với các địa điểm du lịch, các khu di tích, bảo tàng trên địa bàn tỉnh Bình Định để đưa ra thông tin về giá vé. Người dùng có thể mua trực tiếp vé ngay trên website.

Xây dựng phần mềm VR tham quan ảo di tích

Phần mềm thực tế ảo sẽ làm nổi bật lên không gian các cảnh 3D trong khu trưng bày của các bảo tàng, song người xem sẽ được đeo kính thực tế ảo (VR) để quan sát và trải nghiệm cảm giác như đang đắm chìm trong không gian lịch sử, quan sát từng sự vật, hiện tượng, con người, từng hành động đang diễn ra ở nơi đây.



Minh họa phần mềm tham quan thực tế ảo di tích

Xây dựng Bảo tàng ảo bằng công nghệ VRTour 360 Realtime

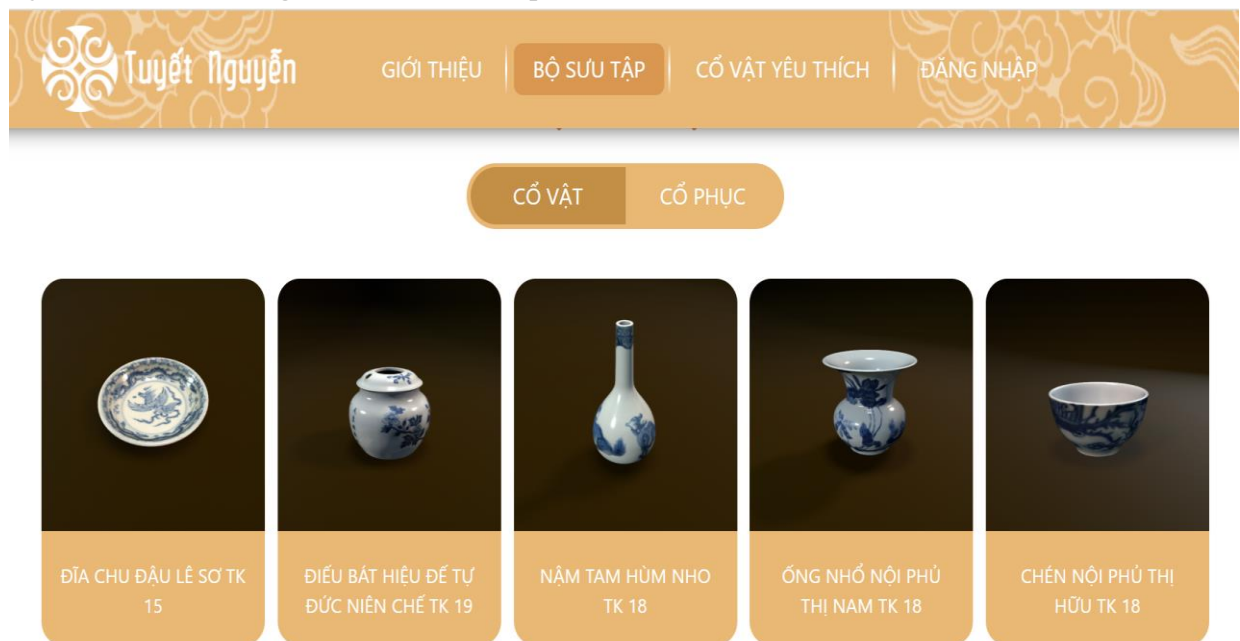


Bảo tàng ảo chạy online trên nền web, tương thích với nhiều trình duyệt thông dụng, giúp tiếp cận đến công chúng ở mọi nơi, mọi lúc

Phần mềm tham quan thực tế tăng cường (AR)

Phần mềm thực tế tăng cường giúp khai thác, xây dựng và quảng bá rộng rãi các hiện vật tại bảo tàng đến với cộng đồng với những tính năng tiện ích, hấp dẫn

nhằm mục đích đem lại cho người dùng những tương tác, trải nghiệm vô cùng tuyệt vời với những mẫu vật mình quan tâm.



Phục dựng di sản bằng công nghệ 3D phục vụ làm phim, MV ca nhạc



Phim ảnh, ca nhạc là một trong những lĩnh vực đang phát triển như vũ bão.

Ngành công nghiệp âm nhạc có giá trị hàng tỉ đô, đem đến nguồn thu không chỉ cho bản thân người nghệ sĩ mà còn tạo ra giá trị cho xã hội.

Trình chiếu 3D Mapping dựa trên tư liệu di sản

3D Mapping là công nghệ trình chiếu lên bề mặt của vật thể 3D, là cuộc chơi của ánh sáng, âm nhạc, tiết tấu. Hiện nay, 3D mapping được ứng dụng rất nhiều trong các khu du lịch như Vinpearl Land Nam Hội An, Vinpearl Phú Quốc, show thực cảnh Tinh hoa Bắc bộ, tour đêm Văn Miếu, tour đêm đền Ngọc Sơn



3D mapping tại khu du lịch VinPearl Land Nam Hội An

Chế tác sản phẩm lưu niệm, mô hình trưng bày lưu động, quà tặng bằng phương pháp in 3D

Chế tác bản sao là một hoạt động lâu đời và không thể thiếu trong ngành bảo tàng, bảo tồn, du lịch, nghệ thuật. Nhiều bức tượng Hy Lạp cổ đại mà chúng ta có ngày nay thực sự là bản sao được người La Mã tạo ra. Thời Phục Hưng, các xưởng vẽ cũng thường xuyên sản xuất các bản vẽ sao chép. Đến thế kỉ 19, các bảo tàng đã bắt đầu chế tạo bản sao, và hoạt động này được duy trì đến ngày nay với ngày càng nhiều kĩ thuật sao chép và chế tác hiện đại hơn.

Công nghệ sao chép và in 3D đã khiến nghệ thuật sao chép trở nên phổ biến, không còn giới hạn ở các bảo tàng lớn với ngân sách hào phóng và các chuyên gia hàng đầu. Công nghệ này có thể ghi lại hình dạng đối tượng ở mức độ chính xác tốt, và máy in 3D giúp việc tái tạo thông tin vật lí dễ dàng với giá cả phải chăng. Với sự trợ giúp của phần mềm, các tập tin 3D có thể dễ dàng tùy chỉnh về hình dạng, kích thước và chất liệu. Hơn nữa, tập tin 3D có thể chia sẻ trực tuyến và in ở bất cứ đâu trên thế giới. Và quan trọng nhất là, việc in mẫu vật có thể tiến hành ngay cả khi không có thông tin gì về vật liệu gốc.

Kết luận

Số hoá di sản là xu hướng tất yếu trong nghiên cứu, bảo tồn và phát huy di sản trong thời gian tới. Từ góc nhìn địa phương, những năm gần đây Việt Nam chứng kiến sự tăng trưởng dù chậm nhưng rõ rệt của lĩnh vực số hoá với sự xuất hiện của ngày càng nhiều các cá nhân, tập thể, đơn vị tham gia vào thị trường số hoá với những sở trường khác nhau, các chương trình, dự án số hoá với nhiều cách tiếp cận đa dạng. Số hóa di sản tạo ra hệ thống cơ sở dữ liệu tập trung toàn vẹn và đầy đủ, có thể được phân cấp truy cập rõ ràng. Từ đó, cơ quan quản lí có thể dễ dàng nắm bắt, thống kê, báo cáo tình hình công tác bảo tồn tại địa phương. Dữ liệu số hóa là cơ sở để tạo ra các sản phẩm phái sinh như mô hình, quà lưu niệm, trình chiếu Hologram, trình chiếu 3D mapping... giúp đa dạng các sản phẩm du lịch, tạo dấu ấn khó phai trong lòng du khách.

NGHIÊN CỨU, ỨNG DỤNG CÁC CÂU CHUYỆN LỊCH SỬ TRONG HOẠT ĐỘNG PHÁT HUYE GIÁ TRỊ TẠI DI TÍCH NHÀ TÙ HOẢ LÒ

TS. Nguyễn Thị Bích Thủy

Giám đốc Ban quản lý Di tích Nhà tù Hỏa Lò

Di tích lịch sử văn hóa ngày càng đóng vai trò quan trọng trong đời sống văn hóa xã hội hiện nay. Việc nghiên cứu, khai thác các câu chuyện lịch sử không chỉ lưu giữ được các giá trị tinh thần của mỗi di tích mà còn ứng dụng phát triển du lịch, thu hút đông đảo khách tham quan đến với di tích. Các câu chuyện lịch sử được khai thác có thể là truyền thuyết, huyền thoại gắn với các di tích, khu danh lam thắng cảnh được lưu truyền trong dân gian, ở các địa phương, dòng họ; hoặc có thể là những câu chuyện gắn với danh nhân, gắn với quá trình hình thành của các di tích lịch sử, kiến trúc nghệ thuật, cách mạng kháng chiến...

Trong bối cảnh ngày nay, việc nghiên cứu, khai thác các câu chuyện lịch sử tại các di tích đóng vai trò quan trọng trong việc khám phá, bảo tồn và phát triển du lịch. Xác định được tầm quan trọng đó, từ năm 1993 đến nay, dưới sự chỉ đạo của Sở Văn hóa và Thể thao Hà Nội, Ban Quản lý Di tích Nhà tù Hỏa Lò đã không ngừng nghiên cứu, sưu tầm, khai thác các câu chuyện trong từng sự kiện lịch sử để làm sâu sắc, phong phú thêm các nội dung trưng bày, chương trình trải nghiệm.

Trước tiên, các câu chuyện lịch sử được nghiên cứu, khai thác sẽ được ứng dụng trong công tác xuất bản các ấn phẩm (sách, tờ gấp...), quảng bá về di tích lịch sử văn hóa trên các phương tiện thông tin đại chúng, đặc biệt là trang website, fanpage... của di tích. Đó là các câu chuyện gắn liền với cuộc sống của người tù chính trị, các phong trào đấu tranh chống chế độ giam cầm hà khắc, phong trào học tập văn hóa sôi nổi trong trại giam, biên soạn và cất giấu tài liệu, xuất bản báo chí của người tù... Các câu chuyện lịch sử đã được đơn vị khai thác, đăng tải trên các nền tảng Facebook, Instagram, Youtube... để lan tỏa giá trị của di tích tới công chúng, đặc biệt là thế hệ trẻ. Trước khi đăng tải, các câu chuyện trên sẽ được chọn lọc và biên tập kỹ càng cùng với thiết kế minh họa bắt mắt, sáng tạo.

Không chỉ có bài viết, các video ngắn (reels) hay phát thanh trực tuyến (podcast) được đơn vị đăng tải thường xuyên và nhận được sự phản hồi tích cực từ các bạn trẻ. Thông qua đó, các bạn trẻ đã và đang cảm nhận được tình yêu đất nước, giá trị của hòa bình, tinh thần kiên trung, bất khuất của cha ông, từ đó có nhận thức đúng đắn về giá trị của di sản; có ý thức hơn trong việc gìn giữ, bảo tồn và tham gia phát huy giá trị của di sản.

Các hoạt động giao lưu với nhân chứng lịch sử cũng được tổ chức tại Di tích Nhà tù Hỏa Lò. Đây là một trong những hình thức giáo dục di sản tại điểm một cách hiệu quả. Chương trình được xây dựng cùng với sự hỗ trợ từ các cựu tù chính trị không chỉ ở Nhà tù Hỏa Lò mà ở Trại giam tù binh Phú Quốc. Các cựu tù chính trị, cựu tù binh đã kể lại câu chuyện về chế độ tù đầy gian khổ, khắc nghiệt, ý chí vươn lên trong tù ngục, câu chuyện đấu tranh kiên cường... đã gây được sự thu hút và làm cho nhiều bạn trẻ xúc động.

Không chỉ khai thác các câu chuyện lịch sử tại các chương trình giao lưu, đơn vị còn sưu tầm các tư liệu, hình ảnh, các câu chuyện liên quan đến những người tù chính trị để xây dựng các trưng bày chuyên đề tại di tích. Trưng bày chuyên đề **“Khoảng lặng”** nhân kỷ niệm 50 năm chiến thắng Điện Biên Phủ trên không (12/1972 - 12/2022) là một minh chứng giúp du khách cảm nhận chân thực một thời đạn bom, để thêm trân trọng giá trị hòa bình.

Nội dung của trưng bày gợi nhớ về: **khoảng lặng** sau các trận bom rải thảm, sau các trận đánh khốc liệt và những mất mát, hy sinh mà mỗi chiến sĩ, người dân đã trải qua trong 12 ngày đêm khói lửa cuối tháng 12/1972; **khoảng lặng** sau bức tường đá “Hilton - Hà Nội”, nơi phi công Mỹ suy nghĩ về cuộc chiến mà mình tham gia và cảm nhận về cuộc sống, con người Việt Nam; **khoảng lặng** sau 50 năm, những cựu binh Mỹ quay trở lại thăm chiến trường xưa và thăm “Hilton - Hà Nội”.

Trong không gian trưng bày chuyên đề **“Khoảng lặng”** còn tái hiện: hệ thống đường giao thông hào để người dân thuận tiện di chuyển, ẩn nấp khi có báo động phòng không; chiếc keng làm từ vỏ bom, báo động cho người dân khẩn trương vào hầm trú ẩn mỗi khi máy bay địch tấn công; hố tránh bom cá nhân còn gọi “hầm tăng xê” (tranchée abris) trên đường phố và những chiếc mũ bện từ rơm để tránh bom bi.

Cùng với việc đổi mới về nội dung và thiết kế mỹ thuật, Ban Quản lý Di tích Nhà tù Hỏa Lò luôn chú trọng việc giới thiệu, lan tỏa các trưng bày chuyên đề. Lễ khai mạc giới thiệu trưng bày chuyên đề **“Khoảng lặng”** thực sự là “món ăn tinh thần”, để lại những cảm xúc, ấn tượng khó quên đối với các đại biểu tham dự. Cán bộ thuyết minh phối hợp với cán bộ âm thanh, dẫn dắt đại biểu đến với từng sự kiện lịch sử. Các đại biểu cùng tham gia trải nghiệm chui hào giao thông khi có báo động phòng không, xem hoạt cảnh tái hiện công tác chuẩn bị khẩn trương của người dân miền Bắc khi đi sơ tán và sự thích ứng linh hoạt của người dân trong hoàn cảnh chiến tranh.

Trong những năm qua, đơn vị đã phối hợp với đối tác xây dựng ba bộ phim 3D chiếu tại di tích đó là: phim giới thiệu chung về Di tích lịch sử Nhà tù Hỏa Lò,

Diễn biến kiến trúc Nhà tù Hỏa Lò và Trường học sau song sắt. Trong năm 2024, đơn vị đang thực hiện xây dựng phim 3D Hành quyết tử tù. Nội dung phim mô phỏng cuộc hành quyết tử tù bằng máy chém trước cổng Nhà tù Hỏa Lò vào đầu thế kỷ XX. Phim sử dụng kỹ thuật dựng 3D kết hợp với các cảnh quay thực tế và phim tư liệu. Qua đó, công chúng sẽ hiểu rõ hơn về chế độ giam cầm khắc nghiệt, quy trình hành quyết tử tù và sự hy sinh anh dũng của các chiến sỹ yêu nước, cách mạng trước khi lên đoạn đầu đài. Các bộ phim 3D thường có dung lượng khoảng 5 phút, sử dụng kỹ xảo 3D để tái hiện lịch sử như: quá trình thay đổi kiến trúc của nhà tù qua các giai đoạn, tù chính trị tổ chức các lớp học văn hóa, chính trị trong trại giam...

Đặc biệt từ năm 2020 đến nay, Ban Quản lý Di tích Nhà tù Hỏa Lò đã nghiên cứu các câu chuyện lịch sử để biên soạn nội dung thuyết minh, xây dựng các hoạt cảnh, phát triển chương trình trải nghiệm di tích về đêm. Di tích đã xây dựng được 3 chương trình trải nghiệm dành cho du khách vào các tối cuối tuần với chủ đề: *“Đêm thiêng liêng 1 - Sáng ngời tinh thần Việt”*, *“Đêm thiêng liêng 2 - Sống như những đóa hoa”*, *“Đêm thiêng liêng 3 - Lửa thanh xuân”*.

Chương trình *“Đêm thiêng liêng”* là sự kết hợp giữa âm thanh, ánh sáng cùng với những câu chuyện kể chân thực về cuộc sống của những người tù chính trị bị đọa đầy nơi ngục tù thực dân. Chương trình được sân khấu hóa bằng các hoạt cảnh, đưa du khách ngược thời gian, cảm nhận các hoạt động như đang diễn ra ngay trước mắt, giúp đánh thức mọi giác quan, mang đến những cảm xúc, ấn tượng sâu sắc. Du khách được xem hoạt cảnh về đồng chí Nguyễn Hoàng Tôn hiên ngang đón nhận cái chết bởi máy chém trước cổng chính Nhà tù Hỏa Lò năm 1931; hoạt cảnh về cuộc đấu tranh tuyệt thực năm 1933; hoạt cảnh *“Biến nhà tù thành trường học cách mạng”*; hoạt cảnh Vượt ngục năm 1945 và hoạt cảnh về Cuộc gặp gỡ cuối cùng của đồng chí Nguyễn Đức Cảnh và mẹ năm 1932. Các hoạt cảnh được dàn dựng chân thực, góp phần làm nổi bật hình tượng những người con ưu tú của dân tộc: dù bị bỏ đói, bị hành hạ, bị đánh đập dã man, thậm chí đối mặt với cái chết vẫn lạc quan, giữ vững khí tiết kiên trung đến giây phút cuối cùng.

Việc tạo ra các hoạt động tương tác và nhập vai giúp tăng cường sự tham gia của du khách vào chương trình. Bên cạnh đó, với các câu chuyện lịch sử, các trải nghiệm tương tác, nhập vai mang đến trải nghiệm sống động khiến du khách cảm thấy mình là một phần của lịch sử. Họ không chỉ là những người quan sát, mà còn là những người tham gia hoạt động, tương tác với diễn viên và được trải nghiệm trực tiếp. Tất cả đã tạo thành thể thống nhất và chạm tới cảm xúc của du khách. Điều này

giúp tạo ra trải nghiệm độc đáo, gây ấn tượng mạnh cho du khách và đã góp phần lan tỏa các giá trị lịch sử của Di tích Nhà tù Hỏa Lò đến với cộng đồng.

Để thu hút khách tham quan quay lại Di tích nhiều lần, tập thể cán bộ, nhân viên đơn vị không ngừng nghiên cứu các câu chuyện để phát triển thêm những trải nghiệm mới và độc đáo, làm giàu cho chương trình. Từ việc tổ chức các sự kiện đặc biệt trong Đêm thiêng liêng vào các ngày lễ lớn, hay cung cấp các dịch vụ ẩm thực đặc sản từ cây Bàng - người chiến sỹ thầm lặng, người bạn của các chiến sỹ cách mạng tại Nhà tù Hỏa Lò, đơn vị đều nỗ lực mang lại cho du khách những trải nghiệm đáng nhớ và ý nghĩa nhất khi đến với Di tích Nhà tù Hỏa Lò.

Trong không gian thiêng liêng của Đài tưởng niệm các chiến sỹ yêu nước, cách mạng hy sinh tại Nhà tù Hỏa Lò, du khách sẽ thực hiện Lễ tri ân để cảm nhận sự giao hòa giữa tâm linh và đời thực, giữa hiện tại và quá khứ; được trải nghiệm hình thức NLP (Neuro-linguistic programming - Lập trình ngôn ngữ tư duy). Mọi xúc cảm của lòng tri ân, niềm tự hào dân tộc được khơi gợi, du khách cảm nhận ngọn lửa thanh xuân của chính mình như đang rực cháy. Cuối hành trình, du khách sẽ viết lại những dòng cảm xúc và thưởng thức đặc sản chỉ có tại Di tích Nhà tù Hỏa Lò: chè Bất khuất cùng trà bàng, thạch bàng, bánh lá bàng.

Để kết thúc bài tham luận, xin được trích nguyên văn cảm nhận du khách là các em học sinh, các bạn thanh niên, sinh viên đã đến với Di tích Nhà tù Hỏa Lò trong thời gian qua:

Em Nguyễn Trà My (học sinh lớp 5) đến trải nghiệm tại Di tích ngày 15/4/2023 đã viết: *“Con cảm nhận được ý nghĩa sâu sắc, một trải nghiệm tuyệt vời, con nghĩ những điều tuyệt vời này nên được bảo tồn mãi mãi. Con rất biết ơn vì những trải nghiệm thú vị này! Những điều này đã làm cho con xúc động và nhớ mãi các đồng chí đã hy sinh cả đời mình cho Tổ quốc. Con yêu đất nước mình, con biết ơn vì đã được sinh ra và lớn lên tại đất nước Việt Nam”*.

Bạn Tiến Đức (sinh viên) đến trải nghiệm tại Di tích ngày 15/4/2023 đã chia sẻ: *“Chương trình hôm nay hay hơn nhiều so với mình kỳ vọng. Trước đây mình thấy bên Hỏa Lò thường xuyên xuất hiện trên mạng xã hội và tự hỏi vì sao họ xuất hiện nhiều thế, có thuê quảng cáo chăng? Hôm nay mình đến đây, thấy sự nhiệt tình của đội ngũ hướng dẫn viên, giọng thuyết minh ngọt ngào kèm với hiện vật trưng bày và phần diễn lại hoạt cảnh các tù nhân – các vị anh hùng đã hy sinh cho Tổ quốc, mình đã thấy đến đây là xứng đáng, trải nghiệm là thực sự mặc dù có quảng cáo hay không như nhiều người đã nói - khiến mình thấy trân quý Độc lập - Tự do hiện tại”*.

Em Phạm Hoàng Gia Hân (học sinh lớp 7) đến trải nghiệm tại Di tích ngày 8/5/2024 đã viết: *“Trải nghiệm ở Nhà tù Hỏa Lò đã đưa em từ cảm xúc này đến cảm xúc khác. Từ sự sợ hãi khi ở khu trại giam đến sự xót thương cho các Bà mẹ Việt Nam anh hùng. Sau chuyến đi này, em đã yêu, càng thêm yêu Tổ quốc. Ôi những người chiến sỹ đã hy sinh ở cái nơi gọi là “Địa ngục trần gian” này, họ đã cống hiến cả hạnh phúc, cả thanh xuân của mình cho cách mạng. Để có được hòa bình như hôm nay, họ đã đổ máu và chiến đấu. Em cảm thấy tự hào và biết ơn lắm”*.

Bạn Nguyễn Phương Anh (học sinh) đến trải nghiệm tại Di tích ngày 6/4/2024 đã viết: *“Thực sự con vô cùng biết ơn và cảm ơn chương trình bởi những trải nghiệm đáng quý vừa rồi. Những khi thấy các diễn viên tái hiện lại hình ảnh người tù, trong lòng con cảm thấy vô cùng xót xa nhưng thêm vào đó là sự tự hào, ngọn lửa yêu nước lại bùng lên trong trái tim con. Sự ra đi của những người chiến sỹ khiến con xúc động, biết ơn những con người đã sẵn sàng hy sinh tính mạng của mình để đổi lấy hòa bình cho dân tộc. Nhờ vào trải nghiệm này, con như được tiếp thêm động lực để sống với tuổi thanh xuân của mình và yêu bản thân, yêu dân tộc của mình hơn”*.

Trên đây là những chia sẻ về công tác nghiên cứu, ứng dụng các câu chuyện lịch sử trong hoạt động phát huy giá trị tại Di tích Nhà tù Hỏa Lò. Chúng tôi tin tưởng rằng với bề dày lịch sử của Bình Định, với sự đa dạng của các loại hình di tích lịch sử văn hóa, công tác nghiên cứu, ứng dụng các câu chuyện lịch sử sẽ góp phần phát triển du lịch của Bình Định một cách bền vững.

**SỰ HỖ DUNG VĂN HOÁ VIỆT HOA – CHĂM CỦA DI TÍCH
CHÙA BÀ – NƯỚC MẶN (TUY PHƯỚC, BÌNH ĐỊNH)
NHÌN TỪ GÓC ĐỘ VIỆT NAM HỌC**

(The mixture of Vietnamese - Chinese - Cham cultures of Ba - Nuoc Man Pagoda
relics (Tuy Phuoc, Binh Dinh) seen from the perspective of Vietnamese studies)

TS. Võ Minh Hải - GVC Trường Đại học Quy Nhơn

Ths. Nguyễn Văn Hòa - Chuyên viên TT Ngôn ngữ & văn hóa Nhật Bản, Trường
Đại học Quy Nhơn

Received: 18/04/2024; Accepted: 22/04/2024; Published: 24/04/2024

*Tóm tắt: Từ góc nhìn khoa của chuyên ngành Việt Nam học, bài viết đi sâu
luyện giải một số vấn đề liên quan đến sự hồ dung văn hóa trong di tích lịch sử văn
hóa Chùa Bà – Nước Mặn (Phước Quang, Tuy Phước, Bình Định). Những chỉ xuất
về sự hồ dung này là cơ sở để phân tích và đánh giá những trầm tích văn hóa trên
địa bàn tỉnh Bình Định và cũng là một hướng tiếp cận nhân học văn hóa góp phần
bổ sung dữ liệu khoa học cho công tác đào tạo chuyên ngành Việt Nam học (văn
hóa du lịch) tại Trường Đại học Quy Nhơn.*

*Từ khóa: Bình Định, hồ dung văn hóa, Chùa Bà – Nước Mặn, Văn hóa du
lịch, Việt Nam học*

*Abstrack: From the perspective of the Vietnamese studies major, the article
delves into some issues related to cultural incompatibility in the historical and
cultural relic of Ba Pagoda - Nuoc Man (Phuoc Quang, Tuy Phuoc, Binh Dinh).).
These indications of mixture are the basis for analyzing and evaluating cultural
sediments in Binh Dinh province and are also an approach to cultural anthropology
that contributes to supplementing scientific data for work. specialized training in
Vietnamese studies (culture and tourism) at Quy Nhon University.*

*Keyword: Binh Dinh, cultural fusion, Ba Pagoda - Nuoc Man, Culture and
tourism, Vietnamese studies*

1. Giới thiệu

Công tác đào tạo ngành Việt Nam học (Văn hóa du lịch) hiện nay của Trường Đại học Quy Nhơn đang tập trung trong việc tổ chức và hỗ trợ cho sinh viên rèn luyện kỹ năng thực hành văn hóa. Đây là một khâu đào tạo quan trọng nhằm hướng đến việc bồi dưỡng đội ngũ chuyên gia nghiên cứu văn hóa đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của khu vực và địa phương. Trong thời gian qua, cùng với các nhóm sinh viên, chúng tôi đã tập trung tìm hiểu và khảo sát nhân học đối với di tích lịch sử văn hóa Chùa Bà – Nước Mặn tại xã Phước Quang, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định. Đây là một trong những di chỉ quan trọng chứng thực cho thời vàng son của thương cảng Nước Mặn cần đưa vào phục vụ du lịch văn hóa của địa phương.

Có thể nói, trước khi người Việt đến lưu trú tại Bình Định, cư dân bản địa Chăm đã kiến tạo nên một vùng văn hóa đặc sắc mà hệ thống di tích hiện tồn là những minh chứng cụ thể nhất. Cùng với sự hình thành và kiến tạo nên các cộng đồng dân cư, cùng với xu thế mở rộng và phát triển của các thương cảng thời các chúa Nguyễn ở Đàng Trong, người Hoa đã xuất hiện ở Bình Định và Tuy Phước từ cuối thế kỷ XVI mà văn hóa vùng Nước Mặn là minh chứng xác thực. Với tinh thần

hòa hợp, cùng chung một mục tiêu giao thương buôn bán, người Hoa đã đến ngày càng nhiều hơn và hình thành nên một cộng đồng khá lớn ở Bình Định và Tuy Phước.

Từ góc nhìn giao lưu và tiếp biến văn hóa, đối với hệ thống di sản của tiền nhân, chúng ta có nhiều hướng tiếp cận và nhận định khác nhau. Nhất là các di tích được hình thành qua quá trình đan xen và giao văn hóa giữa cư dân bản địa với các luồng di cư mới kể từ sau 1471 ở Bình Định và Tuy Phước. Một trong những di tích quan trọng tiêu biểu đó là Chùa Bà Nước Mặn tọa lạc tại thôn An Hòa, xã Phước Quang, huyện Tuy Phước, Bình Định. Có thể nói, sự hỗn dung văn hoá bản địa của người Chăm, văn hoá du nhập của người Hoa và văn hóa truyền thống của người Việt đã tạo nên sự các lớp trầm tích văn hóa đặc sắc. Đó cũng chính là sự hòa quyện và thích nghi văn hóa trong bối cảnh mới của các thể hệ cư dân ở vùng đất này.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Hành trình từ miếu Thiên hậu đến Chùa bà Nước Mặn

2.1.1. Tục thờ nữ thần, sự gặp gỡ văn hóa Chăm - Việt – Hoa

Tục thờ nữ thần là một thiết chế văn hóa mà chúng ta đều bắt gặp trong văn hóa Chăm, Việt và Hoa. Đối với người Chăm, tục thờ bà mẹ xứ sở là một tín ngưỡng quan trọng. Nữ thần Thiên Y A Na là một danh xưng đã được Hán hóa và điển chế trong các sắc phong của các triều đại phong kiến Việt Nam thời hậu Lê, Tây Sơn, Nguyễn.

Như vậy, từ góc độ văn hóa, trong ý thức của cư dân vùng đất này, chúng ta có thể nhận thấy quá trình Việt hóa tín ngưỡng thờ nữ thần Chăm - Pô Inur Nagar đã dần được dịch chuyển và mang yếu tố Việt hóa nhưng trong đó sự gặp gỡ giữa Việt và Chăm vẫn còn rất rõ nét. Đó là chính là biểu hiện của thiên tính nữ và nguyên lý thờ mẹ trong ý thức văn hóa của hai dân tộc này. Đây là điều kiện tiên quyết góp phần hình thành nên những thiết chế thờ tự các vị nữ thần của cộng đồng Việt – Chăm trong tiến trình cộng cư và chuyển hóa ý thức văn hóa. Sự hình thành các làng Minh hương (Tây Sơn, An Nhơn, Tuy Phước) và sự giao thoa tín ngưỡng thờ mẫu, tôn trọng nguyên lý mẹ của các nhóm cư dân trên cùng một vùng đất đã hình thành ý thức thờ nữ thần của vùng Tuy Phước thêm phong phú và đa dạng. Đây có lẽ là cơ sở chính trị, văn hóa, xã hội và tín ngưỡng quan trọng góp phần thúc đẩy sự hình thành một thiết chế văn hóa tín ngưỡng mới – tục thờ thờ Thiên hậu của người Hoa được cộng đồng bản địa chấp nhận và đi đến kính ngưỡng mà Chùa bà Nước Mặn là một di tích quan trọng, xác thực.

2.1.2. Miếu Thiên hậu, thiết chế văn hóa tín ngưỡng của người Hoa di cư

Ngôi chùa này cũng có một lịch trình thăng trầm gắn liền với sự biến chuyển của khu vực Cảng thị Nước Mặn. Từ giữa thế kỷ XVIII trở về sau, biển lùi ra xa, tàu thuyền lớn không vào cảng thị Nước Mặn, cảng thị này suy tàn. Nhà nghiên cứu văn hóa dân gian Nguyễn Xuân Nhân, người có nhiều năm tìm hiểu về vùng cảng thị Nước Mặn đã nhận định: “*Kể từ khi cảng thị Nước Mặn bước vào thời phồn vinh, người Hoa từ Quảng Đông, Phúc Kiến dong thuyền sang xin chúa*

*Nguyễn nhập cư mở phố buôn bán cùng người Việt, lập chùa Ông (Quan Thánh đế miếu) và chùa Bà (Thiên Hậu miếu) ở thôn An Hòa để thờ cúng*³⁸. Có thể nhận thấy, sự hình thành miếu Thiên hậu trên đại bản của huyện Tuy Phước là một trong những hệ quả văn hóa của quá trình giao lưu và định cư của người Hoa ở khu vực này. Từ đầu thế kỉ XVII cho đến nay, miếu Thiên hậu đã trở thành một địa chỉ tâm linh của cộng đồng Việt – Hoa ở đây.

Về kiến trúc, Chùa Bà được xây dựng theo lối kiến trúc hình chữ Nhất. Mặt trước của Chùa quay mặt về hướng Nam, bên cạnh sông Cầu Ngói, một chi nhánh của sông Cây Đa. Lối kiến trúc này thể hiện quan niệm sùng thờ các bậc thánh của người Hoa. Cũng như các lâu đài, miếu vũ của vua chúa, chùa Bà Nước Mặn cũng được lấy án tiền về hướng Nam. Đúng theo tinh thần của kinh Dịch, “*thánh nhân Nam diện nhi thính thiên hạ*” (Bậc thánh nhân quan mặt về hướng Nam mà nghe thiên hạ). Án tiền của chùa có một hồ nhỏ làm minh đường, sau hồ là bức bình phong Long mã và hai trụ biểu rất đẹp. Long mã là một linh vật trong văn hóa Hoa Hạ. Sự xuất hiện của long mã báo hiệu những điềm tốt lành, là nơi ngự trị của bậc thánh đế, minh quân. Long là loài vật có thể tự do bay lượn trên trời cũng như dưới nước, biểu trưng cho sự tốt đẹp, may mắn và thịnh vượng, là sức mạnh của sự sống. Tượng trưng về không gian là trục tung. Còn mã là ngựa, không thuộc linh vật. Nhưng đây là loài vật gần gũi, đặc biệt với sự di chuyển ngang trên mặt đất rất nhanh nhẹn trên và sức chịu đựng bền bỉ. Tượng trưng cho thời gian là trục hoành. Do đó, Long mã là vật một linh vật linh thiêng, tượng trưng cho sự uy nghi, tung hoành. Trong nghệ thuật trang trí, hình ảnh long mã luôn gắn liền ước vọng về một thế giới an lạc và thịnh vượng.

Mặt trong trang trí hình chim phượng (một trong tứ linh), đây là điểm nhấn quan trọng gắn liền với vị chủ tể của ngôi miếu là một nữ thần. Chánh điện của Chùa Bà được thiết kế 3 gian. Gian giữa thờ Thiên Hậu Thánh Mẫu, tượng ngài được chế tác bằng bằng gỗ sơn son thếp vàng, tạc trong tư thế ngồi, mặc triều phục, chân đi hài mũi cong, khuôn mặt bầu, phúc hậu, trầm tư. Hai bên tượng thị giả là Thiên Nhĩ và Thiên Nhân, dưới gầm bàn thờ bày 2 tượng thần Hổ nằm, tư thế khác nhau. Phía trên gian chính là bức hoành phi đề 4 chữ *Hộ quốc tỵ dân* (bảo vệ cho nước, che chở cho dân) do triều Nguyễn ban tặng. Bên trái là ban thờ thần *Thành Hoàng* của làng. Thần mặt đỏ, mặc áo dài đỏ, đầu đội mũ vương kết dải buông thông, ngồi tư thế hai tay chấp trước bụng, chân đi giày mũi cong. Phía trước Thần là bàn thờ bày Tam sự, hai bên bày tượng hai vị Thần hộ pháp (Thần gác cửa). Dân gian ở đây gọi 2 vị thần: Tả Du và Hữu Du. Bên trên, treo bức hoành phi đề chữ *Phúc âm trùng quang* (phúc âm còn sáng mãi). Bên phải là ban thờ bà *Thai Sanh Thánh Mẫu*. Tôn tượng được tạc bằng gỗ trong tư thế ngồi, chân mang hài mũi cong được sơn son thếp vàng. Ngài mặc triều phục màu vàng, hai tay co, bàn tay nắm tự nhiên, một tay cầm cuộn vải phán, một tay cầm cây bút lông. Hai bên bày 02 tượng Ngựa sơn đỏ. Phía trước là bàn thờ 12 Bà Mụ trong tư thế bồng con. Dưới chân bày bàn thờ để các chúng sinh đến cúng lễ bái cầu con

³⁸ Nguyễn Xuân Nhân (2010), *Cảng thị Nước Mặn và văn hóa cổ truyền*, Nxb KHXH, Hà Nội, tr.60 – 61.

tại bàn thờ này. Bên trên treo bức hoành phi đề 3 chữ *Tư sanh đức* (lấy ý từ quẻ Khôn trong kinh Dịch). Nếu không tính *Nghĩa tự* xây mới ở phía sau cùng, bên trong thờ những người có công đóng góp xây dựng chùa thì từ ngoài sân phía bên phải vào là Thanh Minh miếu, tiếp đến là một giếng nước vẫn còn được sử dụng. Theo các nhà nghiên cứu, đây là một trong những giếng cổ Chăm còn lại ở khu vực này. Giếng vuông Chăm ở khu vực Chùa Bà Nước Mặn cũng là một trong những giếng Chăm có chức năng như ở khu vực cảng thị Nước Mặn trước đây.

Với phương thức bài trí đậm phong cách của vùng Hoa Nam có xen kẽ với thiết chế thờ thần Thành Hoàng bốn xứ của làng, ngôi chùa đã trở thành một địa chỉ tâm linh thân thiết của người dân. Ngoài việc che chở cho nhân dân xung quanh, ngôi chùa này còn là nơi cầu tự của những cặp vợ chồng hiếm muộn ở trong vùng và các khu vực lân cận. Chùa Bà gắn với sự phồn vinh một thời của cảng thị Nước Mặn ở tỉnh Bình Định trong suốt gần 4 thế kỷ, từ thế kỷ XVI đến cuối thế kỷ XIX. Chùa bà được UBND tỉnh Bình Định công nhận và xếp hạng di tích vào ngày 20 tháng 7 năm 2010.

2.1.3. Lễ hội đô thị Nước Mặn ở Chùa Bà, sự dung hòa của văn hóa Hoa – Việt – Chăm

Lễ hội Nước Mặn ở chùa Bà không phải là một chương trình nhằm kỉ niệm bà Thiên Hậu (vía bà là ngày 23 tháng 3 Âm lịch). Đây là lễ hội kỉ niệm ngày vía Thai sanh nung nường và một thời phồn thịnh từng có ở mảnh đất này, nhớ xưa để tôn vinh ngày nay. Cầu mong cho hiện tại được ấm no, sung túc. Ngoài ra, chùa Bà còn được gọi là Chùa Bà *Thiên Mu* 天姥, là nơi cầu tự của cộng đồng người Việt khắp nơi, thể hiện quá trình Việt hóa đã diễn ra cao độ ở di tích văn hóa này.

Lễ hội Nước Mặn ra đời và được tổ chức ở chùa Bà là một trong những ứng xử văn hóa khéo léo của các cộng đồng dân cư ở đây. Sự hình thành, duy trì và bảo tồn di tích chùa Bà và đô thị Nước Mặn đã minh chứng cho quá trình dung hợp văn hóa giữa các cộng đồng dân cư ở cảng thị Nước Mặn xưa (người Chăm, người Việt và người Hoa). Cho đến ngày nay, mặc dầu *thương hải biến vi tang điền*, thương cảng xưa đã trở thành một vùng quê yên tĩnh, trù phú. Nhưng di tích chùa Bà vẫn là điểm tham quan kỳ thú của du lịch Bình Định, lễ hội Đô thị Nước Mặn vẫn tồn tại trong ý thức của người dân Bình Định và Tuy Phước như một hoài niệm về một đô thị thương cảng đã từng là trung tâm thương mại, văn hóa của Bình Định xưa.

3. Kết luận và khuyến nghị

3.1. Một số kết luận bước đầu

Trên nền cũ của bờ thương Cảng Chăm, vốn là miếu Thiên Hậu, công trình kiến trúc này phản ánh thiết chế tín ngưỡng thờ nữ thần của người Hoa, Việt. Điều ấy cho thấy, sự hình thành và tồn tại của Chùa bà Nước Mặn vừa là hệ quả của một quá trình tương tác văn hóa của các thể hệ cư dân Chăm, Việt và Hoa ở vùng Tuy Phước, Bình Định, vừa là một chứng nhân gắn liền với sự thịnh suy của thương cảng Nước Mặn.

Về phương diện tâm linh, ở Chùa Bà Nước Mặn, các vị thần được sùng bái của người Việt, người Hoa đều được rước về thờ cúng. Trong lễ hội, tế thần chính

là nghi thức tín ngưỡng, sau đó mới đến phần hội để phô diễn những nét đẹp trong đời sống văn hóa, tâm linh Nước Mặn xưa. Lễ hội Chùa Bà Cảng Thị Nước Mặn vừa được Bộ Văn hóa – Thể thao và du lịch công nhận *Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia* vào ngày đầu tiên của mùa lễ hội năm 2023. Với sự ghi nhận ấy, di tích Chùa Bà Nước Mặn không chỉ là điểm đến du lịch về với miền di sản Bình Định mang dấu ấn văn hóa, lịch sử, tâm linh độc đáo hấp dẫn mọi du khách mà còn sẽ trở thành một điểm sáng trên bản đồ du lịch quốc tế trong thời gian tới.

3.2. Những khuyến nghị

Trong thời gian đến, đề nghị Trường Đại học Quy Nhơn và UBND huyện Tuy Phước cần có những tọa đàm khoa học nhằm xác định những giá trị văn hóa cơ bản của di tích lịch sử văn hóa Chùa Bà – Nước Mặn. Từ những cơ sở khoa học đã được minh định, các đơn vị chức năng xây dựng đề án phát triển du lịch tâm linh, du lịch trải nghiệm văn hóa gắn liền với lễ hội Chùa Bà, Lễ hội Đô thị Nước Mặn hằng năm.

Trong đào tạo hướng dẫn viên du lịch tại Trường Đại học Quy Nhơn, Nhà trường cần đầu tư xây dựng các dữ liệu khoa học, hướng dẫn sinh viên thuyết minh tại điểm, hướng dẫn sinh viên chuyên ngành Việt Nam học trải nghiệm thực địa, viết tiểu luận báo cáo kết quả khảo sát.

Sở Giáo dục & Đào tạo tỉnh Bình Định cần quan tâm, đưa di tích này vào trong danh sách các địa điểm văn hóa quan trọng để giới thiệu trong chương trình Giáo dục địa phương. Trong tài liệu hướng dẫn giảng dạy, đơn vị chức năng cần đầu tư một số lượng thông tin nghiên cứu nhất định nhằm kích thích sự tìm tòi, khám phá và trải nghiệm của học sinh phổ thông. Đây cũng là một trong những định hướng cần thiết nhằm đưa di sản đến với cộng đồng những người trẻ và tạo điều kiện cho các bạn trẻ trải nghiệm, thực hành văn hóa địa phương hiệu quả.

Tài liệu tham khảo

A. Tài liệu tiếng Việt

1. Cristoforo Borri (2019), *Xứ Đàng Trong* (Thanh Thư dịch), Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
2. Đinh Bá Hòa (2012), *Văn hóa – xã hội Bình Định*, Nxb VHTT, Hà Nội.
3. Phan Thị Hoa Lý (2018), *Tín ngưỡng thờ Thiên hậu ở Việt Nam*, Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội.
4. Đinh Văn Liên (2008), *Bình Định – Đất võ trời văn*, Nxb Trẻ, Tp. HCM.
5. Nguyễn Xuân Nhân (2010), *Cảng thị Nước Mặn và văn hóa cổ truyền*, Nxb KHXH, Hà Nội.
6. Quốc Sử quán triều Nguyễn (1964), *Đại Nam nhất thống chí – Tỉnh Bình Định* (Tu Trai Nguyễn Tạo dịch), Nha Văn hóa – Bộ Quốc gia Giáo dục xuất bản, Sài Gòn.
7. Quách Tấn (1967), *Nước non Bình Định*, Nam Cường xuất bản, Sài Gòn.
8. Trần Quốc Tuấn, Lê Từ Hiên (chủ biên) (2015), *Tuy Phước – Lịch sử và văn hóa*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

9. Nguyễn Thị Anh Trâm (2019), *Tục thờ Thiên hậu thánh mẫu của người Hoa ở Đà Nẵng*, Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội.
10. Trần Kỳ Phương (2019), *Góp phần nghiên cứu văn minh và nghệ thuật của vương quốc cổ Champa tại miền Trung Việt Nam*, Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội.

B. Tài liệu Hán văn

11. Tống Kiệt Cần 宋杰勤 (2016), *Việt Nam Hoa kiều sử* 越南华侨史, Quảng Đông Cao đẳng Giáo dục xuất bản xã, Bắc Kinh.
12. Sắc phong Thiên hậu chí 勅封天后志 (Võ Minh Hải, Nguyễn Văn Hòa sưu tầm).